LSĐ
H027

ĐẢNG BỘ HUYỆN TUY PHONG

LỊCH SỬ

ĐẢNG BỘ HUYỆN TUY PHONG

TẬP III

(1975 - 2000)

NĂM 2008

ĐẢNG BỘ HUYỆN TUY PHONG

Tập III

(1975 - 2000)

❖ Chỉ đạo biên soạn và chịu trách nhiệm xuất bản:

Ban Thường vụ Huyện ủy *(khóa VI)*

❖ Biên soạn:

Tổ Biên soạn Lịch sử Huyện

❖ Biên tập:

Đồng chí **Trần Mạnh Tường**

Đồng chí **Nguyễn Hồ Nam**

❖ Trình bày:

Đồng chí **Nguyễn Thúy Vinh**

❖ Sửa bản in:

Phòng Lịch sử Đảng

Lời giới thiệu

Thực hiện Chỉ thị số 44-CT/TU, ngày 03/12/1999 và Thông báo số 255-TB/TU, ngày 11/11/2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận "về việc tiếp tục tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng bộ các cấp", Ban Thường vụ Huyện ủy Tuy Phong (khoá VI) tổ chức biên soạn tập III, **LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN TUY PHONG,** *thời kỳ 1975 - 2000, đến nay đã hoàn thành.*

Tập III, Lịch sử Đảng bộ huyện Tuy Phong, thời kỳ 1975-2000 phản ánh quá trình lãnh đạo, chỉ đạo về kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị của Đảng bộ huyện từ sau ngày giải phóng đến những năm cuối của thế kỷ XX. Đây là một thời kỳ lịch sử hết sức quan trọng trong quá trình phát triển của địa phương, góp phần cùng cả tỉnh, cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Quyển sách phản ánh các giai đoạn lịch sử thời kỳ 1975 - 2000: từ ngày đầu tiếp quản vùng giải phóng, khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân, bảo đảm an ninh trật tự,

đến cải tạo, xây dựng con đường làm ăn tập thể của nhân dân lao động theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong 10 năm (1975 - 1985) xây dựng có những khó khăn, thách thức; từ năm 1986, Đảng đề ra đường lối đổi mới đưa nước ta phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Quyển sách cũng phản ánh nghị quyết các kỳ đại hội Đảng bộ (lúc sáp nhập cũng như khi tái lập huyện) và kết quả thực hiện nhiệm vụ do các kỳ đại hội Đảng bộ huyện đề ra. Đồng thời, quyển sách cũng phản ánh những mặt còn hạn chế, diễn biến của tình hình. Qua đó, rút ra những bài học kinh nghiệm sau 25 năm xây dựng và phát triển của Đảng bộ huyện Tuy Phong.

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội, có những chủ trương, đường lối đã kết thúc, có những chủ trương đang tiến hành thực hiện và cũng có những vấn đề mới đặt ra, nên biên soạn lịch sử địa phương thời kỳ này không tránh khỏi những thiếu sót.

Ban Thường vụ Huyện ủy Tuy Phong (khóa VI) xin giới thiệu đến đồng chí, đồng bào tập III, Lịch sử Đảng bộ huyện, thời kỳ 1975 - 2000 và rất mong nhận được ý kiến đóng góp để tái bản lần sau đầy đủ hơn.

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY

Chương I

NHỮNG NGÀY ĐẦU HUYỆN TUY PHONG ĐƯỢC GIẢI PHÓNG

(4/1975 - 02/1976)

Chiến thắng của ta trên chiến trường Tây Nguyên (tháng 3/1975) đã mở ra cục diện mới cho cách mạng ở miền Nam. Với chủ trương xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, quân và dân các tỉnh phối hợp với lực lượng bộ đội chủ lực tấn công địch, liên tiếp giải phóng các tỉnh từ Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng và cuối tháng 3 đến đầu tháng 4/1975, các tỉnh Lâm Đồng, Tuyên Đức (nay là tỉnh Lâm Đồng) đã được giải phóng. Trưa ngày 16/4/1975, lá chắn phòng thủ Phan Rang - Tháp Chàm của địch bị đập tan, tỉnh Ninh Thuận được giải phóng.

Trong những ngày sôi động của cách mạng miền Nam, thực hiện chủ trương của Khu ủy và Bộ

Tư lệnh Quân khu VI, từ cuối năm 1974 tỉnh Bình Tuy phối hợp với các chiến trường toàn Miền mở chiến dịch "Hoài Đức - Tánh Linh". Ngày 25/12/1974, huyện Tánh Linh hoàn toàn giải phóng và ngày 23/3/1975, giải phóng huyện Hoài Đức. Tiếp đến, ngày 7/4/1975, tỉnh Bình Thuận cùng Quân khu VI tấn công địch ở Ma Lâm (huyện Hàm Thuận), ngày 8/4/1975, Ma Lâm hoàn toàn giải phóng. Như vậy, đến đầu tháng 4/1975, trên chiến trường Bình Thuận - Bình Tuy (nay là tỉnh Bình Thuận) ta đã giải phóng 3 huyện và nhiều xã. Thắng lợi này tạo thuận lợi cho phong trào cách mạng các địa phương trong tỉnh, trong đó có huyện Tuy Phong[1].

Đối với địch, sau khi thất bại ở Tây Nguyên, Đà Nẵng, Huế và các tỉnh khác ở duyên hải miền Trung, hàng ngày trên tuyến đường quốc lộ số 1, hàng đoàn xe chở những gia đình của binh lính và quan chức ngụy quân, ngụy quyền ngoan cố chạy vào Sài Gòn nhằm thực hiện kế hoạch di tản. Đồng thời, xe quân

---

(1) *Ngày 5/4/1975, Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận họp với Bộ chỉ huy Quân khu VI tại Phú Minh, xã Hàm Phú, huyện Hàm Thuận hạ quyết tâm giải phóng chi khu Thiện Giáo, áp sát Phan Thiết, sau đó phối hợp với lực lượng của trên giải phóng thị xã và toàn tỉnh.*

Đảo Lao Câu xã Phước Thể.

sự của địch cũng từ phía Nam chuyển quân và phương tiện chiến tranh ra phòng tuyến Phan Rang - Tháp Chàm của Quân đoàn III ngụy, để xây dựng tuyến phòng thủ Sài Gòn từ xa đã làm cho địch trên địa bàn Tuy Phong thêm dao động. Trong bối cảnh ấy, ngụy quân, ngụy quyền ở Tuy Phong kêu gọi binh lính tử thủ, củng cố vùng chiếm đóng, lập chốt ở cầu Đại Hòa, hậu cứ của Tiểu đoàn 2/48 địa phương quân, nhưng nhiều tên hoang mang, dao động, có tên bỏ việc, có tên làm việc cầm chừng, số ngoan cố ra sức chống phá cách mạng, khống chế nhân dân. Khi bộ đội Quân đoàn II từ Ninh Thuận tiến vào Tuy Phong, một số ác ôn, ngoan cố người địa phương lấy ghe của nhân dân chạy vào Sài Gòn; số không có nợ máu với nhân dân quay về lại với gia đình.

Còn nhân dân trong huyện, nhất là ở quận lỵ Tuy Phong và các xã ven tuyến quốc lộ 1 cũng có người băn khoăn, không biết tình thế ra sao. Một số gia đình binh lính, công chức ngụy quyền càng hoang mang, chuẩn bị di tản vào Phan Thiết, hay Sài Gòn. Đa số nhân dân là gia đình cách mạng, gia đình lao động rất phấn khởi, nhưng do địch đang kiểm soát nên họ chưa thể hiện những điều mong muốn, phấn khởi của mình.

Sau khi giải phóng tỉnh Ninh Thuận, lực lượng Quân đoàn II (cánh quân Duyên Hải) từ Phan Rang tiến vào Phan Thiết [1]. Dùng bộ binh không ngăn cản được lực lượng tiến quân của ta, địch đánh phá cầu Nam (Phan Rí Cửa), cầu Sông Cạn. Công binh Quân đoàn II cùng nhân dân bắc cầu tạm để bộ đội hành quân và nhanh chóng mở đường cho xe ta vượt qua.

Để chuẩn bị giải phóng huyện, trước đó Huyện ủy Tuy Phong đã chủ trương dùng lực lượng đội công tác và lực lượng tại chỗ ở các xã tự giải phóng địa phương mình và khi bộ đội chủ lực đánh giải phóng đến đâu, thì địa phương tổ chức tiếp quản đến đó. Đồng thời, nhận chủ trương của tỉnh về việc chuẩn bị đón tiếp, phối hợp với bộ đội chủ lực Quân đoàn II từ hướng Ninh Thuận vào. Thực hiện chủ trương của tỉnh, huyện cử một số cán bộ, chiến sĩ, đội công tác

---

(1) *D2/48 của ngụy đóng tại đá Chẹt - Vĩnh Hảo nhằm ngăn chặn lực lượng của ta, nhưng ngày 16/4/1975 giải phóng Ninh Thuận, địch ở đây đã rút chạy.*

Theo: Truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Ninh Phước (1930 - 1975) tỉnh Ninh Thuận, xuất bản năm 1990, trang 183 - 184: Trưa ngày 16/4/1975, sau khi giải phóng thị xã Phan Rang, đoàn xe tăng của bộ đội chủ lực tiến vào Ninh Phước cùng với lực lượng vũ trang địa phương đánh địch ở Vĩnh Thuận, Hữu Đức, Văn Lâm. Chiều ngày 16/4/1975, huyện Ninh Phước hoàn toàn giải phóng và sáng ngày 17/4/1975 cờ đỏ sao vàng tung bay khắp nơi.

của xã Phước Thể, Vĩnh Hảo và huyện đội, như các đồng chí Lê Thái An (trợ lý chính trị Huyện đội Tuy Phong), Huỳnh Tấn Thành, Nguyễn Minh Đạo (lực lượng Đội công tác xã Phước Thể), Nguyễn Thanh Hoa (Đội công tác xã Vĩnh Hảo)... Do đồng chí Trương Thành Kim - Huyện đội phó phụ trách, bố trí tại cầu Vũng Mũ để bắt liên lạc và dẫn đường cho bộ đội chủ lực.

Trong khi đó ở Tuy Phong, phối hợp với các địa phương trong tỉnh, ngày 13/4 Đại đội 490 của huyện đánh đồn Tuy Tịnh, địch ở đây tháo chạy, ta làm chủ các ấp Tuy Tịnh Chăm, Tuy Tịnh Kinh và Tuy Tịnh Thượng. Đến ngày 14/4, địch đưa quân phản công tái chiếm lại 3 ấp. Trong khi đó, ở các xã Phan Rí Cửa, Chí Công, Bình Thạnh, Phước Thể ... lực lượng cơ sở, đội công tác và xã đội đi vận động, nắm được một số phòng vệ dân sự và chuẩn bị lực lượng giải phóng xã.

Sau khi đánh địch ở Cà Ná, vượt qua cầu Đen (Vĩnh Hảo), đoàn quân đi đầu của cánh quân Duyên Hải (Quân đoàn II) đến cầu Vũng Mũ được các đồng chí Huỳnh Tấn Thành, Lê Thái An, Nguyễn Minh Đạo, Nguyễn Thanh Hoa bắt liên lạc và dẫn đường theo quốc lộ 1 tiến đến ngã tư Liên Hương vào lúc 17 giờ ngày 17/4/1975. Lúc quân chủ lực của ta tiến

vào, địch ở chi khu quận lỵ Tuy Phong đã bỏ chạy từ sáng 17/4 và lực lượng tại chỗ của ta cũng chưa phối hợp kịp. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, lực lượng Quân đoàn II rút khỏi Liên Hương tiếp tục tiến vào hướng Phan Thiết. Riêng các đồng chí dẫn đường cho Quân đoàn II đến Dốc Cúng, hoàn thành nhiệm vụ trở về đơn vị cũ [1].

Do điều kiện liên lạc khó khăn, đến 19 giờ ngày 17/4/1975, nhận được tin địch ở Liên Hương đã bỏ chạy, lực lượng ở mảng Nam của huyện gồm 2 đội công tác Bình Thạnh và Liên Hương, một số cán bộ huyện đội, Huyện ủy tập kết lực lượng ở miếu Bà đầu xóm Bình Thạnh để tiếp quản quận lỵ Tuy Phong. Do ở phân tán, đến 22 giờ cùng ngày hai Đội công tác mới tập trung được đầy đủ lực lượng, đến 4 giờ sáng ngày 18/4/1975 tiến vào cầu Thầy Bác - Liên Hương. Tại đây lực lượng được chia thành

---

(1) *Bản thảo "Liên Hương phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng, 25 năm xây dựng và phát triển 1975 - 2000 - tập III": Khi đến cua Long Tỉnh, 4 đồng chí dẫn đường chia tay với bộ đội và đến cầu Mương Núi (quốc lộ 1), yêu cầu đơn vị khác cho 2 xe ô tô chở bộ đội tiến vào lại chi khu Tuy Phong và xã Liên Hương. Lúc này khoảng 1 giờ ngày 18/4/1975. Khi đến cổng tua 1 (gần trường Lê Văn Tám) bị vướng mìn nổ, 2 đồng chí bộ đội hy sinh, đồng chí Lê Thái An và Nguyễn Thanh Hoa bị thương.*

2 bộ phận. Bộ phận do đồng chí Nguyễn Minh Nhựt - Đội phó Đội công tác Bình Thạnh tiến vào tiếp quản xã Bình Long, là nơi nhân dân Bình Thạnh bị địch dồn về đây; bộ phận còn lại tiến vào khu vực Trường Long Điền (nay là trường bán công Nguyễn Khuyến) và Bệnh xá Tuy Phong (nay là UBND thị trấn Liên Hương) và phân công thành 4 tổ.

Tổ 1, đội công tác Liên Hương triển khai cho cơ sở treo cờ, vận động ngụy quân, ngụy quyền đăng ký trình diện; tổ 2 làm công tác tuyên truyền, huy động cốt cán, cơ sở dùng xe thông tin của địch chạy đến các thôn, ấp tuyên truyền chính sách của Mặt trận; tổ 3 phân công lực lượng chốt giữ các địa điểm cần thiết và tổ 4, thực hiện nhiệm vụ xóa các khẩu hiệu địch, treo cờ và khẩu hiệu cách mạng.

Sau khi vào tiếp quản quận lỵ Tuy Phong, trưa ngày 18/4/1975, đồng chí Phạm Trọng Do - Ủy viên Thường vụ Huyện ủy, phụ trách mảng Nam của huyện đã lên căn cứ huyện tại Tuy Tịnh báo cáo tình hình với đồng chí Bí thư huyện ủy. Do nhận định địch có thể phản công trở lại, đồng chí Nguyễn Thanh Tâm (Rợ) - Bí thư huyện ủy giao cho đồng chí Phạm Trọng Do chuyển lương thực và vũ khí thu được của địch lên đập Tuy Tịnh là căn cứ của huyện.

Ngày 18/4/1975, giải phóng huyện Hòa Đa. Ngày 19/4/1975, thị xã Phan Thiết (nay là thành phố Phan Thiết)- trung tâm đầu não của tiểu khu Bình Thuận được giải phóng. Tiếp đến, ngày 23/4 tỉnh Bình Tuy được giải phóng. Ngày 27/4/1975, giải phóng đảo Phú Quý. Ngày 19/4 được lấy làm ngày giải phóng tỉnh Bình Thuận

Tuy còn bề bộn nhiều công việc nhưng các đồng chí lãnh đạo của Khu VI và tỉnh Bình Thuận đã đến Tuy Phong nắm tình hình, chỉ đạo giải quyết các công việc sau ngày giải phóng. Ngày 19/4, đồng chí Lê Văn Hiền- Phó Chính ủy Quân khu 6 ra chỉ đạo huyện Tuy Phong thực hiện các công việc tiếp theo sau khi giải phóng Liên Hương. Ngày 21/4, đồng chí Nguyễn Quý Đôn - Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Lê Văn Nhựt - Tỉnh đội trưởng Bình Thuận cũng đến Tuy Phong dự cuộc họp Ban chấp hành Đảng bộ huyện để sơ bộ đánh giá tình hình giải phóng địa phương, bàn công tiếp quản vùng mới giải phóng và thông báo chủ trương của trên là quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam, đả thông tư tưởng cho một số người còn sợ địch phản kích, nhanh chóng thành lập chính quyền, ra mắt nhân dân. Đồng thời phổ biến cho nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng sau ngày giải phóng.

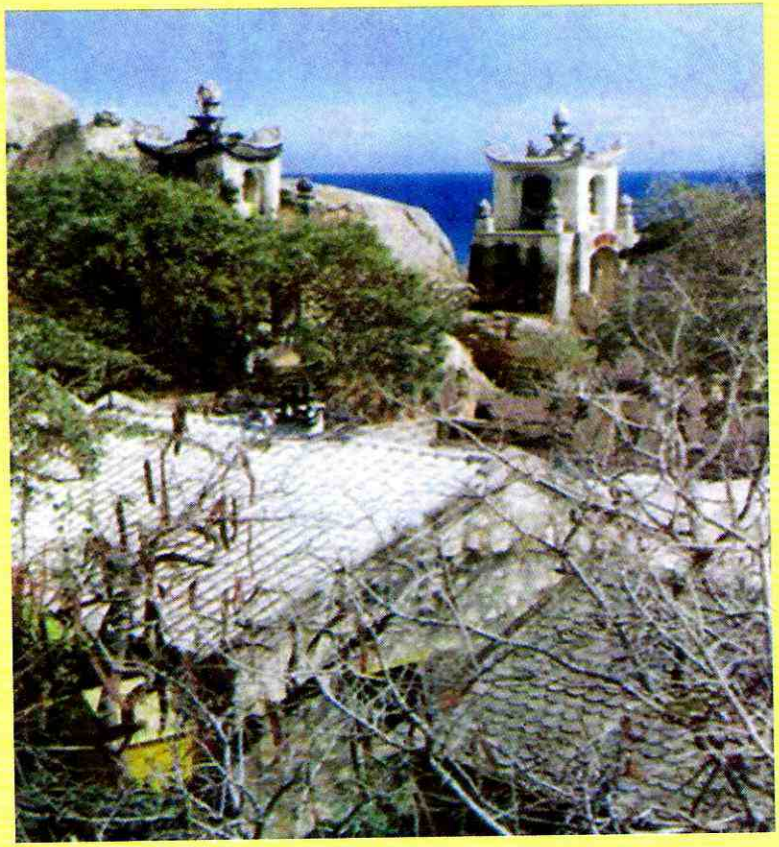

Chùa Cổ Thạch, xã Bình Thạnh.

Tối ngày 21/04/1975, huyện tổ chức lễ ra mắt Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời huyện tại trường Bồ Đề (nay là trường mẫu giáo và Đài truyền thanh huyện). Ngoài nhân dân Liên Hương còn có nhân dân các xã Bình Thạnh, Phước Thể, Vĩnh Hảo, Phú Lạc,.. đến tham dự. Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời huyện Tuy Phong có 8 ủy viên, do đồng chí đồng chí Phạm Trọng Do làm chủ tịch [1].

Sau khi thành lập, Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời huyện ra thông báo với nhân dân về chính sách của Mặt trận, Chính phủ đối với vùng mới giải phóng. Trong buổi ra mắt Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời huyện, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời xã Liên Hương và các xã khác cũng được thành lập.

Trong thời gian này, các xã Chí Công, Hòa Minh, Phan Rí Cửa và Hòa Phú (lúc này thuộc huyện

---

(1) *Các ủy viên gồm các đồng chí: đồng chí Nguyễn Trường Sanh - Ủy viên thư ký; đồng chí Trần Minh Nuôi - Ủy viên, Trưởng Ban quân sự; đồng chí Nguyễn Thanh Phương - Ủy viên, Trưởng Ban công an; đồng chí Hoàng Bảng - Ủy viên, Trưởng Ban Văn hóa - Thông tin; đồng chí Lê Thanh Phong - Ủy viên, Trưởng Ban kinh tài; đồng chí Nguyễn Linh Dược - Ủy viên, phụ trách Y tế; đồng chí Huỳnh Thị Thu - Ủy viên, phụ trách Phụ nữ.*

Hòa Đa) theo chỉ đạo chung của tỉnh cũng đã phối hợp với lực lượng của trên vào giải phóng quê hương.

Ở Chí Công, ngày 17/4/1975, cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam đã tung bay trên nóc nhà "Hội đồng hương chính" của địch.

Ở Lâm Lộc (nay là xã Hòa Minh) và Phan Rí Cửa, từ 17 giờ ngày 16/4/1975, tên quận trưởng Hòa Đa cho lính gài mìn phá Cầu Nam và báo động, chốt giữ các vị trí quan trọng, nhưng tinh thần binh lính đã hoang mang, số ngoan cố thì lùng sục, số cầu an thì bỏ chạy, một số đã bỏ súng về nhà. Trong khi đó, Đội công tác bí mật vận động cơ sở may cờ và liên lạc với bộ đội. Tại Lâm Lộc, tối ngày 17/4, đồng chí Nguyễn Thị Cơ, Đội trưởng Đội công tác báo cáo tình hình cho đồng chí Trần Hồng Trinh - Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban an ninh huyện biết tình hình địch đã bỏ chạy và bộ đội Quân đoàn II đang tiến vào Lâm Lộc. Khoảng 22 giờ đêm, xe tăng đi đầu của Quân đoàn II vượt qua Lâm Lộc, tiến vào Phan Rí Cửa. Đồng chí Trần Thị Nên, Đội trưởng Đội công tác, lãnh đạo nhân dân Phan Rí Cửa đứng lên giành chính quyền. Ngày 18/4, một tàu địch kéo cờ trắng cặp bến Phan Rí Cửa. Sợ địch trá hàng, đồng chí Nên lên ngã ba gặp bộ đội, được Quân đoàn II

chi viện 6 xe tăng và 3 xe chở bộ đội tiến xuống ấp Hải Tân- Phan Rí Cửa hỗ trợ, nhưng chúng đã đầu hàng, bộ đội tiếp tục lên đường. Lúc này, ở ấp Phú Hải (nay là xã Hòa Phú) do tác động chung, nên địch ở đây đã bỏ chạy. Trong hai ngày 17 và 18/4/1975, các xã thuộc huyện Tuy Phong và Hòa Đa cũ đã giành được chính quyền.

Đảo Phú Quý trước đây thuộc huyện Tuy Phong [1]. Do vị trí và điều kiện riêng của Phú Quý, nên phong trào cách mạng ở đây gặp nhiều khó khăn. Ngày 22/4/1975, trên đảo diễn ra cuộc đấu tranh tự phát của một số người có tinh thần yêu nước và bị địch đàn áp dã man. Thực hiện chủ trương của trên, ngày 24/4/1975, đồng chí Nguyễn Quý Đôn, Bí thư Tỉnh ủy ra quyết định thành lập đoàn công tác do đồng chí Nguyễn Thanh Tâm, Bí thư Huyện ủy Tuy Phong cùng các đồng chí đại diện Tỉnh đội, An ninh tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy Bình Thuận và lấy lực lượng Dân, Chính, Đảng cùng một trung đội của Đại đội 490 huyện Tuy Phong bàn kế hoạch phối hợp với lực lượng Bộ đội chủ lực giải phóng đảo Phú Quý. Sáng ngày 25/4, đoàn cán bộ tỉnh Bình Thuận và

---

(1) *Địch tách Phú Quý thành một đơn vị hành chánh trực thuộc tỉnh, gọi là nha hành chánh.*

huyện Tuy Phong ra Cam Ranh (Khánh Hòa) họp với Ban chỉ huy Quân đoàn II và Đoàn 25 Hải quân. Tối ngày 26/4/1975, lực lượng đi giải phóng đảo xuất phát, đến 3 giờ sáng ngày 27/4 đổ bộ lên xã Long Hải. Ta triển khai lực lượng tấn công vào Nha hành chánh, địch ở đây chống cự, Phan Văn Hựu - Trưởng Nha phái viên hành chánh bị bắt và tên Thoòng - Trưởng Phân chi khu, bị diệt. Trong trận tấn công này, 16 tên tề xã, ấp và nhân viên bị bắt sống. Trưa ngày 27/4/1975, Phú Quý hoàn toàn giải phóng. Đêm 28/4, Ủy ban quân quản đảo Phú Quý được thành lập, đồng chí Nguyễn Thanh Tâm làm chủ tịch, đồng chí Phạm Quỳnh Châu làm ủy viên thư ký, đồng chí Nguyễn Hữu Lai phụ trách quân sự, đồng chí Dương Quang Thái phụ trách kinh tế, đồng chí Đào Công Trợ phụ trách an ninh, đồng chí Nguyễn Linh Dược phụ trách văn hóa xã hội. Ngày 29/4/1975, nhân dân trên đảo tập trung về xã Long Hải dự mít tinh mừng thắng lợi và ra mắt Ủy ban quân quản đảo. Sau đó, ủy ban nhân dân 3 xã Long Hải, Tam Thanh và Ngũ Phụng được thành lập. Khoảng hai tháng sau, đoàn giải phóng đảo rút về đất liền và tỉnh cử đồng chí Phạm Trọng Do cùng lực lượng Tiểu đoàn 482 của tỉnh, Đại đội 490 con em của nhân dân Tuy Phong ra đảo góp phần bảo vệ

Phú Quý vùng đất của Tổ quốc. Đồng thời, tỉnh quyết định thành lập Ban Cán sự đảo do đồng chí Phạm Trọng Do làm Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời đảo Phú Quý. Ban Cán sự đảo Phú Quý tồn tại đến tháng 4/1976, khi tỉnh quyết định Phú Quý là một xã của huyện Bắc Bình.

Sau giải phóng, ngày 22/4/1975, các cơ quan của huyện đã triển khai điều hành các nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Tuy nhiên, trước khi tháo chạy, địch cho gài mìn các công sở nên khi dân vào không biết đã gây nổ làm sập cơ quan làm việc ở chi khu cũ. Khi ta vào tiếp quản, chỉ còn trụ sở quận. Để khắc phục khó khăn, ta mượn nhà dân để làm việc. Cơ quan Huyện ủy, Ủy ban làm việc tại nhà thờ Bà Thông. Phòng Thông tin - Văn hóa làm việc tại Trường Bồ Đề, v.v...

Cùng với việc tiếp quản quận lỵ của địch, ta hình thành chính quyền các xã và các đoàn thể nhân dân. Từ ngày 21 đến ngày 30/4/1975, chính quyền lâm thời các xã được thành lập và ra mắt nhân dân. Tiếp đến, Ban nhân dân cách mạng các thôn, các đoàn thể quần chúng cũng được thành lập. Riêng xã Bình Thạnh đã thành lập các tổ chức dân cư theo từng xóm.

Bên cạnh đó, ta vận động nhân dân bị địch dồn trước đây về vùng đất cũ để sản xuất, xây dựng cuộc sống mới. Như vận động nhân dân xã Phan Dũng bị địch dồn trước đây về lại vùng Tà Uôn - Phan Dũng; 15 hộ ở Liên Hương ra sinh sống vùng Cửa Sức. Phan Rí Cửa cũng là nơi địch dồn dân các nơi về đây, nay nhiều gia đình về lại Hòa Phú hay Lâm Lộc để sinh sống. Cùng với việc ổn định tổ chức, chính quyền cách mạng còn thực hiện các chính sách xã hội, chính sách kinh tế như: tiếp tục cấp gạo và cấp đất cho bà con lúc ban đầu mới về vùng đất cũ để sản xuất, đồng thời từ tháng 9/1975, huyện thành lập cửa hàng thương nghiệp làm nhiệm vụ phân phối lương thực, nhiên liệu cho nhân dân.

Mặt khác, sau khi tiếp quản bệnh viện huyện, ta nhanh chóng thành lập ban y tế các xã để phục vụ nhân dân ở các thôn xóm, tổ chức tiêm phòng vác-xin các loại cho 12.140 người; phát động nhân dân làm vệ sinh trong thôn xóm. Cùng với việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giải thích chính sách của Đảng và Nhà nước, cũng như thắng lợi của cuộc kháng chiến vừa qua, huyện còn tổ chức các đoàn chiếu phim lưu động phục vụ đời sống tinh thần cho nhân dân.

Về giáo dục, sau khi xóa bỏ các nội dung giáo dục phản động, không còn phù hợp với chế độ mới, huyện tiến hành bồi dưỡng chính trị cho giáo viên. Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời huyện nhanh chóng mở lại 12 trường cấp I (tiểu học) có 87 lớp, với 2.760 học sinh và 246 học sinh mẫu giáo. Khi các trường tiểu học đã ổn định, huyện mở tiếp các lớp bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ cho dân; kết quả có 3 xã thực hiện, mở được 20 lớp với 485 học viên theo học...

Đi đôi với công tác xây dựng chính quyền, lực lượng vũ trang trong huyện cũng được củng cố. Ngoài việc tuyển thêm 92 thanh niên tình nguyện vào bộ đội, còn có hơn 100 thanh niên các xã bổ sung vào lực lượng vũ trang (tính đến ngày 8/5/1975). Từ đó, huyện thành lập 2 đại đội bộ đội địa phương, có 219 đồng chí. (Sau đó chuyển ra Phú Quý 1 đại đội, còn 1 đại đội có 95 đồng chí đóng trong huyện); thành lập lực lượng an ninh có 50 đồng chí; thành lập, củng cố 7 ban chỉ huy xã đội và 16 ban chỉ huy thôn đội, đồng thời xây dựng lực lượng dân quân, du kích toàn huyện có 465 đồng chí. Để bảo vệ bờ biển, tại Phan Rí Cửa và Liên Hương, tỉnh thành lập 2 đồn biên phòng (còn gọi là Công an vũ trang) là đồn 95 (Phan Rí Cửa) và đồn 110 (Liên Hương).

Huyện thành lập 05 ban chấp hành các đoàn thể phụ nữ, nông hội, lao động biển, đoàn thanh niên, thiếu niên và nhi đồng. Các xã Chí Công, Phan Rí Cửa trực thuộc huyện Hòa Đa cũng nhanh chóng xây dựng các đoàn thể cách mạng.

Về công tác xây dựng Đảng tính đến ngày 21/4/1975, Ban Chấp hành Huyện ủy trong kháng chiến còn 12 đồng chí (đồng chí Lê Bá Đàn và Nguyễn Thanh Vy chuyển công tác về tỉnh trước ngày giải phóng). Các xã Bình Thạnh, Vĩnh Hảo, Tuy Tịnh, Phú Lạc, Phước Thể, Huyện đội, Ban an ninh huyện đều có chi bộ Đảng. Còn các xã Chí Công, Phan Rí Cửa do Huyện ủy Hoà Đa chỉ đạo cũng hình thành các chi bộ. Đến tháng 5/1975, Huyện ủy quyết định thành lập Đảng bộ lâm thời Liên Hương có 3 chi bộ, gồm 25 đảng viên.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bình thuận, Huyện ủy Tuy Phong tổ chức lễ mừng chiến thắng 30/4 và ngày Quốc tế lao động 1/5 vào sáng 1/5/1975. Sáng sớm 1/5/1975, tại sân banh Liên Hương (nay là khu phố 7), hàng ngàn cán bộ, nhân dân trong huyện đã về đây dự lễ mittinh. Còn nhân dân xã Chí Công, xã Phan Rí Cửa tập trung tại sân vận động Chi Lăng dự lễ míttinh do

Bãi đá bảy màu, ở khu du lịch xã Bình Thạnh.

Cánh đồng muối xã Vĩnh Hảo.

huyện Hòa Đa tổ chức. Tại buổi lễ (lần thứ hai, kể từ cách mạng tháng 8/1945), nhân dân trong huyện thể hiện khí thế của người chiến thắng, ai cũng vui mừng phấn khởi vì đất nước được giải phóng, nước nhà thống nhất, Bắc - Nam sum họp, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cùng với việc tiếp quân, xây dựng hệ thống chính trị của chế độ xã hội mới, Đảng bộ huyện từng bước ổn định tình hình, tiến hành thực hiện chính sách cải tạo kinh tế tư sản, thực hiện chính sách ruộng đất, nhằm bước đầu đưa lại quyền lợi cho nhân dân.

Về kinh tế ở Tuy Phong sau ngày giải phóng đều nằm trong tay tư nhân, tiểu chủ và một số ít tư sản mại bản. Để xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, nhà nước phải nắm được sản xuất hàng hoá. Ngày 10/8/1975, thực hiện chủ trương của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam, các tỉnh ở miền Nam tiến hành cải tạo tư sản mại bản. Trong huyện vận động nhân dân ủng hộ, hiến tài sản cho chính quyền. Riêng cải tạo tư sản, ở Liên Hương, Phan Rí Cửa ta kiểm kê một số có cơ sở sản xuất công nghiệp, thùng lều nước mắm, những ai nằm trong quy định thì trưng thu,

tịch thu[1], còn lại vận động một số tư sản dân tộc hiến tài sản cho Nhà nước.

Sau cải tạo tư sản, từ ngày 22 đến ngày 25/9/1975, ở miền Nam tiến hành đổi tiền chế độ Sài Gòn sang tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nhân dân thường gọi là tiền Giải phóng. Mỗi địa phương trong huyện hình thành địa điểm đổi tiền cho nhân dân. Với tỉ lệ 500 đồng tiền chế độ Sài Gòn đổi 1 đồng tiền Ngân hàng Việt Nam. Theo Thông báo số 01-NH, ngày 23/9/1975 của Ngân hàng quốc gia Việt Nam: hộ có 100.000 đ tiền chế độ Sài Gòn cũ trở xuống, được đổi một lần; hộ có trên 100.000 đ thì được đổi mức 100.000 đ, số tiền còn lại gửi tiết kiệm và hộ sản xuất, kinh doanh có triệu đồng trở lên, số dư chuyển vào tài khoản. Tuy nhiên, ở Tuy Phong phần nhiều là dân lao động, nên lượng tiền đổi không nhiều.

Tháng 11/1975, thực hiện chủ trương của tỉnh, Đảng bộ huyện đã tổ chức cho nông dân học tập chính sách ruộng đất của Mặt trận Dân tộc Giải

---

(1) *Qua kiểm kê ở Liên Hương có 02 hộ: Võ Gia Ý, Hầu Tứ (tức hiệu buôn Sanh Phong Chành); ở Phan Rí Cửa có Võ Phuông, Nguyễn Phán... là trong diện Nhà nước tịch thu tài sản.*

phóng Miền Nam Việt Nam và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam do Khu ủy và Ủy ban Nhân dân Cách mạng Lâm thời Khu 6 hướng dẫn. Qua học tập, nhân dân phấn khởi, thông hiểu chủ trương của Đảng, người có ruộng đất được vận động san sẻ ruộng đất cho người không có, đem lại quyền làm chủ ruộng đất cho người lao động. Để tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ này, tỉnh cử một đoàn cán bộ do đồng chí Hồ Kim Việt làm trưởng đoàn về giúp huyện tổ chức cho nhân dân học tập. Do Liên Hương là nơi tập trung người có nhiều ruộng nên được huyện chọn làm điểm cho cuộc vận động. Sau học tập, các hộ kê khai diện tích và danh sách các hộ cần được chia ruộng để huyện xem xét giải quyết.

Sau giải phóng, công tác ổn định tình hình, trấn áp và truy quét tàn quân địch còn lẩn trốn ngoài rừng là một nhiệm vụ hết sức cấp bách. Vì vậy, huyện chỉ đạo các xã tổ chức cho số công chức và binh lính ngụy tan rã tại chỗ ra trình diện và truy bắt số lẩn trốn. Đến cuối tháng 5/1975, chỉ riêng Liên Hương đã quản lý 1.580 đối tượng các loại. Ta tổ chức cho số không có nhiều nợ máu với nhân dân học tập chính sách của cách mạng từ 5 đến 7 ngày và cấp

giấy chứng nhận để họ trở thành công dân. Số ngoan cố, ác ôn, là tay sai đắc lực của chế độ cũ thì phân loại chuyển về tỉnh.

Như vậy, với nỗ lực vượt bậc của địa phương sau ngày giải phóng, Đảng bộ huyện lãnh đạo nhân dân ổn định cuộc sống, xây dựng chính quyền, đoàn thể cách mạng, từng bước khắc phục hậu quả chiến tranh để bước vào thời kỳ mới cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quê hương. Tuy nhiên, Đảng bộ và nhân dân trong huyện trải qua 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ xâm lược, tất cả tập trung cho chiến đấu để giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc và phần lớn nhân dân bị địch kiểm soát, vùng tranh chấp nên quy mô sản xuất nhỏ bé, chủ yếu nông nghiệp, ngư nghiệp nên chỉ đạo sản xuất chưa nhiều. Bên cạnh đó, do đó nhiều cán bộ, đảng viên chưa trải qua lãnh đạo xây dựng kinh tế nên ban đầu còn lúng túng trong thực hiện nhiệm vụ. Mặt khác, cơ sở vật chất ban đầu không có gì đáng kể, vì vậy trong những ngày đầu giải phóng, chỉ đạo của huyện không theo kịp tình hình và gặp nhiều khó khăn. Lúc này tỉnh và Khu VI cũng chưa có chủ trương cụ thể trong lãnh đạo tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế. Đây cũng là thực tế diễn ra ở nhiều địa phương của miền Nam sau ngày giải phóng.

Chương II

HUYỆN TUY PHONG (THỜI KỲ SÁP NHẬP HUYỆN VÀO BẮC BÌNH) THỰC HIỆN CẢI TẠO QUAN HỆ SẢN XUẤT, BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRÊN QUÊ HƯƠNG

(02/1976 - 6/1983)

Sau thắng lợi của cách mạng miền Nam, cả nước thống nhất đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để thống nhất tổ chức hành chính trong cả nước, Trung ương quyết định giải thể các khu, sáp nhập một số tỉnh thành tỉnh mới. Đối với Khu VI, tháng 10/1975 giải thể lập thành tỉnh Thuận Lâm. Nhưng do địa bàn rộng lớn, đầu năm 1976, tỉnh Thuận Lâm được chia thành hai tỉnh Lâm Đồng và Thuận Hải.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, tháng 02/1976, ba tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và Bình

Tuy sáp nhập thành tỉnh Thuận Hải. Huyện Tuy Phong được sáp nhập cùng các huyện Hoà Đa, Hải Ninh thành lập huyện Bắc Bình và toàn huyện có 29 xã [1].

Ngày 7/2/1976, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải quyết định chỉ định Ban chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện Bắc Bình gồm 21 đồng chí và Ban Thường vụ Huyện ủy có 7 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Ninh làm Bí thư Huyện ủy.

Ngày 25/2/1976, Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh Thuận Hải có quyết định chỉ định Ủy ban Nhân dân cách mạng huyện Bắc Bình, gồm có 9 đồng chí. Đồng chí Bùi Quốc Thắng giữ chức vụ Chủ tịch, đồng chí Phạm Trọng Do giữ chức vụ Phó chủ tịch huyện.

Huyện Bắc Bình có 3 vùng: đồng bằng, miền núi, ven biển và hải đảo. Dân số toàn huyện có 144.000 người, gồm các dân tộc Kinh, Chăm, K'ho,

(1) *Tháng 02/1976, Tỉnh ủy Thuận Hải có quyết định sáp nhập huyện, thành lập huyện Bắc Bình. Tháng 4/1976, cán bộ huyện Tuy Phong lần lượt chuyển về Phan Rí Thành (quận lỵ Hòa Đa cũ), nơi đặt cơ quan huyện mới và cuối tháng 6/1976, chuyển về Sông Mao. Khi nhập vào Bắc Bình, Tuy Phong có các xã: Vĩnh Hảo, Phước Thể, Bình Thạnh, Phú Lạc, Liên Hương và Phan Dũng.*

Raglai, Hoa, Nùng... Phía Bắc huyện giáp với tỉnh Ninh Thuận, phía Tây Bắc giáp với tỉnh Lâm Đồng, phía Tây giáp huyện Hàm Thuận và phía Đông Nam giáp biển. Ngoài khơi có đảo Phú Quý.

Khi sáp nhập, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác chỉ đạo, lãnh đạo của các huyện cũ đã gặp khó khăn, nên khi thành huyện mới cũng không tránh khỏi những thiếu thốn về trang thiết bị, cơ sở vật chất. Khi chuyển cơ quan về Sông Mao, căn cứ quân sự của chế độ cũ, đất rộng nhưng không phải là địa bàn trung tâm của huyện, nên việc chỉ đạo đến các xã cũng không thuận lợi. Mặt khác, phương tiện đi lại ít, ảnh hưởng đến việc đi lại của cán bộ, nhân viên, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Do đó cũng tạo ra tâm tư, một số cán bộ băn khoăn, lo lắng, ảnh hưởng đến công việc.

Tuy nhiên, huyện Bắc Bình cũng có nhiều tiềm năng về kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp, có đường quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam đi qua, về lâu, về dài tạo điều kiện cho việc lưu thông giữa các địa phương phục vụ xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Về đất đai, toàn huyện có 14.000 ha đất canh tác. Diện tích sản xuất cây lương thực có 10.000 ha (trong đó có 6.000 ha lúa), cây công nghiệp có 2.500 ha. Khả năng khai hoang, phục hóa mở rộng diện tích đất canh tác rất lớn. Riêng vùng đất thuộc địa phận Tuy Phong cũ, có cánh đồng lúa ở Liên Hương, Phước Thể, Phú Lạc và vùng sản xuất tập trung cây thuốc lá sợi vàng ở Vĩnh Hảo.

Bờ biển huyện Bắc Bình dài trên 70km, có 2 cửa biển Phan Rí Cửa và Liên Hương. Biển có nhiều loại cá, sản lượng đánh bắt hải sản hàng năm đạt khoảng 36.000 tấn các loại. Đồng muối xã Chí Công rộng 120 ha, sản lượng sản xuất hàng năm đạt 6.000 tấn. Nước suối Vĩnh Hảo cũng là một nguồn lợi của địa phương... Đó là những nguồn lợi rất quan trọng phục vụ phát triển kinh tế địa phương.

Trong chiến tranh, rừng bị tàn phá nhiều nơi, trở thành rừng nghèo. Nhưng rừng ở Bắc Bình còn nhiều gỗ quí, trữ lượng khai thác hàng năm khoảng 10.000m^3.

Cơ cấu kinh tế của huyện (nông - lâm - ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp) chủ yếu là sản xuất nhỏ, lạc hậu. Lao động dồi dào nhưng tổ chức phân bố và quản lý lao động còn gặp khó khăn. Trình độ

lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện của các cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

Sau khi thành lập huyện Bắc Bình, với đặc điểm tình hình kinh tế- xã hội, an ninh chính trị của địa phương, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy xác định nhiệm vụ cấp bách trước mắt là tăng cường xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức để đủ sức lãnh đạo toàn diện, hoàn thành nhiệm vụ mới. Ra sức khôi phục kinh tế, cải tạo và phát triển sản xuất, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Phát động phong trào toàn dân đoàn kết các dân tộc trong huyện, tiếp tục đấu tranh giữ vững thành quả cách mạng, kết hợp chặt chẽ các mục tiêu khôi phục và phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, phát động quần chúng xây dựng chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang, xây dựng và ổn định tình hình trật tự trị an xã hội. Huyện ủy xác định, trong năm 1976, chú trọng khôi phục một số mặt, đẩy mạnh sản xuất lương thực, ưu tiên cây lương thực chính vụ (lúa, bắp, đậu, mì, khoai lang...), xây dựng vùng chuyên canh cây thuốc lá (Vĩnh Hảo). Khôi phục và phát triển nghề đánh bắt cá biển, chế biến hải sản, nghề muối, phát triển chăn nuôi. Thực hiện cải tạo quan hệ sản

xuất cũ, xây dựng một số cơ sở kinh tế quốc doanh, xây dựng cơ sở kinh tế tập thể với các hình thức tổ hợp tác để phát triển ngày càng cao hơn. Chuyển 6.000 dân ở nông thôn đi mở vùng kinh tế mới, phân bố lại lao động, định canh định cư cho dân vùng cao, miền núi, phát triển giao thông, thực hiện tốt khâu lưu thông phân phối, đảm bảo đời sống, cung cấp các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân các vùng thị trấn, vùng biển, miền núi và hải đảo. Thực hiện nhiệm vụ của Huyện ủy đề ra, nhân dân toàn huyện đã phấn đấu thực hiện đạt được nhiều kết quả.

Về kinh tế, sản xuất vụ hè thu năm 1976, toàn huyện đã gieo cấy được 530 ha lúa ngắn ngày, 120 ha thuốc lá, 6.100 ha màu các loại; huy động nhân dân tham gia 30.000 ngày công xã hội chủ nghĩa làm thủy lợi, làm mới và tu bổ 19 đập nước lớn nhỏ, nạo vét các hệ thống kênh mương. Nhờ đó, năng suất lúa thu hoạch trung bình 4 tấn/ha, góp phần trang trải kịp thời các vùng thiếu lương thực. Đưa 3.500 lao động không có công ăn việc làm ổn định ra vùng nông thôn sản xuất. Thành lập Ban chỉ đạo vùng kinh tế mới La Bá và đưa gần 100 hộ ở Liên Hương lên đây sinh sống, sản xuất (sau này thành 2 thôn thuộc xã Phong Phú) thành lập thêm 2 thôn mới, góp phần xây dựng xã vùng kinh tế mới. Bên cạnh đó, huyện huy

động hàng trăm thanh niên xung phong, tình nguyện đi xây dựng cơ sở vật chất ban đầu cho vùng kinh tế mới.

Việc thực hiện chính sách ruộng đất, các xã đã cơ bản hoàn thành việc chia cấp ruộng đất cho nông dân và những gia đình binh lính, công chức chế độ cũ không có đất đã tạo được không khí phấn khởi, tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng, hăng hái tham gia các hoạt động xã hội và đoàn kết sản xuất. Đây là thành quả đầu tiên của cách mạng giải phóng dân tộc, do Đảng ta lãnh đạo đem đến cho người nông dân được hưởng quyền lợi khi đất nước độc lập. Từ đó, người nông dân tham gia tích cực vào con đường làm ăn tập thể, đến vụ hè thu 1976, toàn huyện đã thành lập được 90 tổ vần đổi công, 5 tổ hợp tác làm ăn từng vụ, thu hút 800 hộ và 4.000 khẩu tham gia [1].

---

(1) *Về thực hiện chính sách ruộng đất và vận động nhân dân lao động vào con đường làm ăn tập thể, tiến hành theo 4 bước:*

Bước 1: Điều tra ruộng đất.

Bước 2: Vận động, quy thành phần chủ ruộng.

Bước 3: Vận động hộ có nhiều ruộng đất san sẻ cho hộ có ít.

Bước 4: Tổ chức vần đổi công, tổ đoàn kết sản xuất.

Theo chủ trương của Tỉnh ủy, tháng 6/1976 Huyện ủy tổ chức học tập, phát động cho quần chúng ở vùng biển, nhận thức về thực hiện cải tạo một bước quan hệ sản xuất vùng biển. Qua học tập, phong trào được phát động và tổ chức, tạo khí thế cho một nền sản xuất mới Xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, trong ngư dân còn một số người chưa hiểu biết đầy đủ về chủ trương cải tạo nghề cá theo hướng làm ăn tập thể và cung cách làm ăn mới, có hạch toán kinh tế theo phương thức hợp tác lao động. Do đó, ngư dân còn nhiều bỡ ngỡ. Một số chủ phương tiện chưa thống nhất với chủ trương cải tạo nghề cá, sợ hóa giá mất tài sản nên không đầu tư ngư lưới cụ và sửa chữa nhỏ, bỏ mặc phương tiện xuống cấp, hư hỏng. Tình hình đó đã phát sinh một số hiện tượng tiêu cực, như: chặt neo ghe, đánh đuổi bạn ... Việc thực hiện cải tạo một bước về quan hệ sản xuất nghề cá tại các địa bàn trọng điểm như Phan Rí Cửa, Chí Công gặp một số trở ngại phức tạp. Các hộ đầu nậu, chủ vựa lúc đầu lén lút, sau công khai tiếp tục bóc lột lao động biển. Các đoàn thể quần chúng ở vùng biển mới được hình thành nên hoạt động kém hiệu quả. Người lao động trên các thuyền, ý thức làm chủ còn thấp nhưng ta chưa

hướng dẫn, bồi dưỡng kịp thời cho người lao động biển. Việc cải tạo một bước quan hệ sản xuất ở vùng biển đạt được một số kết quả, nhưng thách thức còn lớn. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nạn thất nghiệp và các đối tượng làm ăn bất chính chưa được giải quyết căn bản.

Về phát động quần chúng vùng tôn giáo, vùng dân tộc thiểu số tham gia thực hiện các phong trào cách mạng còn nhiều khó khăn. Chính quyền cơ sở được chú ý củng cố nhưng còn yếu. Nhiều chi - đảng bộ vai trò lãnh đạo chưa toàn diện, chưa đáp ứng kịp với nhu cầu sản xuất và đời sống.

Sau khi đánh giá tình hình, Huyện ủy Bắc Bình đề ra chủ trương: các xã Liên Hương, Phan Rí Cửa, Chí Công, v.v... (các xã thuộc huyện Tuy Phong ngày nay) là nơi có thế mạnh đánh bắt hải sản, làm muối, chế biến nước mắm,... Trong đó, Phan Rí Cửa đã có chi nhánh điện lực, có cơ sở công nghiệp nhỏ, ở đây kết hợp ngư nghiệp, công nghiệp chế biến lương thực- thực phẩm, một số mặt hàng cho nhân dân tại chỗ; trồng cây chắn gió, giữ cát, chống xói lở bờ biển. Xã Chí Công có điều kiện phát triển nghề cá, nghề muối. Xã Liên Hương có điều kiện phát triển

kinh tế biển, thương nghiệp. Còn các xã Vĩnh Hảo, Phước Thể, Hòa Minh, Hòa Phú cơ cấu chính là nông- ngư nghiệp; làm nghề khai thác đá quánh ở Vĩnh Hảo, Phước Thể. Vĩnh Hảo còn là vùng chuyên canh trồng cây thuốc lá. Xã Phú Lạc làm ruộng là chính, nhưng có khả năng trồng bông vải, có điều kiện chăn nuôi gia súc. Riêng xã Phan Dũng sản xuất lúa và màu kết hợp nông - lâm nghiệp, chăn nuôi. Trong huyện còn phát triển giao thông, xây dựng y tế cơ sở, trường học, ổn định định canh định cư.

Cán bộ và nhân dân trong huyện ra sức hưởng ứng và thi đua yêu nước với khẩu hiệu: "Thi đua lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm", thể hiện qua các mặt công tác là hăng hái tham gia lao động, bảo vệ của công, bằng các hành động thiết thực, như: tham gia làm thủy lợi, chấp hành việc thu mua, đóng thuế và giao đủ lương thực vào kho Nhà nước đúng thời gian, đảm bảo chất lượng. Phong trào chăn nuôi, làm phân xanh, khai hoang phục hóa, chuyển dân đi xây dựng vùng kinh tế mới, thanh niên đăng ký đi nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc và tham gia thanh niên xung phong xây dựng các vùng kinh tế mới.

Đẩy mạnh các phong trào bổ túc văn hóa, xóa mù chữ, dạy tốt học tốt; các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể làm việc có kỷ luật, có kỹ thuật, tham gia thể dục thể thao, xây dựng nếp sống mới. Qua phong trào thi đua, Đảng bộ và nhân dân toàn huyện đã tạo nên sự chuyển biến tích cực trong việc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, đã góp phần làm ổn định dần xã hội sau chiến tranh.

Đối với công tác y tế, giáo dục và thông tin - văn hóa có tiến bộ mới. Hoạt động y tế chữa trị bệnh cho trên 14.000 người, tiêm phòng 56.000 người; đã có 19 xã tổ chức trạm y tế, các xã còn lại có cán bộ y tế phục vụ nhân dân. Ngành giáo dục khẩn trương tổ chức học tập chính trị và tập huấn phương pháp giảng dạy mới cho giáo viên. Đào tạo cấp tốc 143 giáo viên, nâng tổng số giáo viên toàn huyện lên 660 người. Mở thêm ngành học mẫu giáo, thu hút hàng ngàn cháu đến trường. Phong trào "bình dân học vụ-xóa nạn mù chữ" và bổ túc văn hóa được phát động rộng khắp trong huyện.

Về công tác hoạt động thông tin - văn hóa được đẩy mạnh trong xã hội. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được tuyên truyền sâu rộng.

Phong trào văn hóa- văn nghệ quần chúng hoạt động sôi nổi trong huyện. Hầu như nơi nào cũng thành lập đội văn nghệ và tự dàn dựng được những chương trình biểu diễn phục vụ nhân dân. Có những tiết mục tự biên tự diễn mang nội dung phong phú, ca ngợi Đảng, Bác Hồ, tôn vinh sự hy sinh của các anh hùng, liệt sĩ, phê phán các hủ tục mê tín dị đoan, hướng người dân xây dựng lối sống xã hội chủ nghĩa. Các hoạt động đó đã góp phần tích cực vào việc xây dựng đời sống mới, chế độ mới. Đồng thời, ngành văn hóa - thông tin đã phối hợp với các ngành chức năng truy quét, thu giữ các văn hóa phẩm, phim ảnh đồi trụy, phản động dưới thời Mỹ - ngụy.

Việc thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ đã tham gia trong thời kỳ kháng chiến được huyện quan tâm giải quyết, như chế độ nghỉ việc cho cán bộ, chiến sĩ, đội công tác lớn tuổi không tiếp tục làm việc; lương cho cán bộ, nhân viên làm việc trong các cơ quan, đoàn thể và thực hiện chính sách thương binh - liệt sĩ, từ đó tác động tốt đến tinh thần làm việc của cán bộ, nhân viên. Đi đôi với thực hiện chế độ, chính sách, ngành thương binh - xã hội đã phối hợp với cơ quan quân sự huyện tổ chức qui tập mồ

Chùa Phước An, xã Chí Công, nơi Bác Hồ dừng chân (1909) trước khi ra nước ngoài tìm đường cứu nước.

mả liệt sĩ về nghĩa trang tỉnh để thân nhân và nhân dân chăm sóc, tưởng nhớ đến các anh hùng, liệt sĩ đã hy sinh vì sự nghiệp giải phóng quê hương.

Về xây dựng hệ thống chính trị, nhiệm vụ cách mạng của nước ta sau ngày giải phóng là hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước, cả nước đi lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Trên thực tế, đã thống nhất nhiều mặt, nhưng vẫn còn hai Nhà nước ở miền Bắc và miền Nam. Xây dựng chính quyền thống nhất hết sức quan trọng. Do đó, ngày 02/11/1975, Trung ương cục miền Nam Việt Nam đã ra Chỉ thị số 18/CP.75 về Hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc. Ngày 15/11/1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị hai miền tại Dinh Độc Lập cũ ở Sài Gòn (nay là Hội trường thống nhất thành phố Hồ Chí Minh). Tại hội nghị, đã quyết định ngày 25/4/1976 là ngày bầu cử Quốc hội khoá VI trong cả nước. Trong huyện đã có 97,23% cử tri tham gia đi bỏ phiếu. Tại phiên họp đầu tiên của Quốc hội đã quyết định nhiều nội dung quan trọng, như đặt tên nước là "Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam", lấy cờ đỏ - sao vàng năm cánh làm Quốc kỳ, bài hát "Tiến quân ca" làm Quốc ca...

Sau ngày bầu cử Quốc hội, đến tháng 5/1977 tiến hành bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh, huyện, xã [1]. Qua đó, các ban, ngành chuyên môn của huyện được củng cố: Ủy ban nhân dân huyện và các ban ngành kinh tế có 101 người; khối Mặt trận đoàn thể huyện có 47 người. Ở 29 xã có 238 cán bộ. Hoạt động của chính quyền cơ sở từng bước đi vào nề nếp. Song song với bầu chọn và sắp xếp tổ chức cán bộ, huyện đã cử 69 cán bộ đi đào tạo ở các trường chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý kinh tế, cán bộ lãnh đạo... từ 1 đến 2 năm, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lãnh đạo để bổ sung vào đội ngũ cán bộ chủ chốt của huyện, đảm đương các nhiệm vụ trong tình hình mới. Ngoài ra, các ban ngành, đoàn thể mở lớp tập huấn, bồi dưỡng phương pháp và lề lối làm việc, nâng cao năng lực công tác cho cán bộ.

---

(1) *Theo Quyết định số 361/QĐ/UB, ngày 15/9/1977 của UBND tỉnh Thuận Hải về việc "phê chuẩn biên bản bầu cử UBND huyện Bắc Bình", có ghi: Phê chuẩn biên bản, ngày 18/7/1977 của HĐND huyện Bắc Bình kỳ họp thứ nhất về việc bầu cử UBND huyện, nhiệm kỳ 1977 - 1979 có 13 thành viên gồm các ông: 1- Phạm Trong Do - Chủ tịch; 2- Trần Hồng Trinh - Phó Chủ tịch; 3- Văn Hiệp - Phó Chủ tịch; 4- Nguyễn Thanh Bình - Ủy viên thư ký; 5- Văn Minh Trường - Ủy viên; 6- Lê Thái - Ủy viên; 7- Dương Quang Thái - Ủy viên; 8- Huỳnh Mai - Ủy viên; 9- Huỳnh Diện - Ủy viên; 10- Nguyễn Trường Sanh - Ủy viên; 11- Nguyễn Văn Xuân - Ủy viên; 12- Nguyễn Thị Cơ - Ủy viên; 13- Hàn Đắc Thuận - Ủy viên.*

Về xây dựng Đảng, toàn huyện Bắc Bình có 48 cơ sở đảng với 537 đảng viên (có 231 nữ). Đến tháng 6/1976 tăng lên 57 chi - đảng bộ, gồm 640 đảng viên, kết nạp được 26 đảng viên mới và phục hồi Đảng tịch cho 21 đảng viên bị bắt, bị tù trong kháng chiến.

Để chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ huyện Bắc Bình lần thứ nhất, tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh, tháng 10/1976, Huyện ủy triển khai nội dung và thời gian đại hội cho các chi bộ xã, chi bộ các cơ quan từ ngày 24/10 đến 29/10/1976 kết thúc. Qua Đại hội các chi bộ cơ sở đã bầu 147 đồng chí vào chi ủy. Trong đó, 134 đồng chí (26 nữ) là cấp ủy mới. Hầu hết các đồng chí được bầu có tinh thần hăng hái, nhiệt tình cách mạng, trình độ văn hóa khá hơn để thay thế các đồng chí lớn tuổi ốm đau, nghỉ việc.

Sau đại hội các cơ sở Đảng, Đại hội Đảng bộ huyện Bắc Bình lần thứ nhất khai mạc vào 7 giờ sáng ngày 02/11/1976 đến ngày 5/11/1976 kết thúc. Đại hội vòng I đã có 97/100 đại biểu chính thức được triệu tập, cùng với 2 đại biểu dự thính, 2 đại biểu chiến sĩ thi đua và 5 đại biểu gia đình có công với cách mạng tham dự. Đại hội đã nghe và thảo luận báo cáo chính trị, dự thảo Nghị quyết năm 1977, báo cáo về phương

hướng công tác xây dựng Đảng và thảo luận Điều lệ sửa đổi. Đại hội nhất trí những đánh giá về tình hình từ ngày giải phóng đến cuối năm 1976, rút ra những bài học thực tiễn cho thời gian tới.

Về Nghị quyết Đại hội, với mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội là cải tạo và xây dựng, đó là hai vấn đề trọng tâm. Công tác xây dựng Đảng phải vững vàng về tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí, bảo đảm hoàn thành thắng lợi Nghị quyết nhiệm kỳ 1977 - 1979. Trong đó, về công tác năm 1977, Đảng bộ đã đề ra các nhiệm vụ [1]:

- Tạo chuyển biến thật mạnh mẽ về tư tưởng và nhận thức trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta về vai trò làm chủ tập thể; vị trí và tầm quan trọng trên mặt trận xây dựng kinh tế, lãnh đạo sản xuất, chăm lo đời sống nhân dân bằng hành động cụ thể, thiết thực. Yêu cầu cán bộ, đảng viên, quần chúng

---

(1) *Tiếp thu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần thứ I: (11/1976) và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976) về cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, bảo đảm an ninh quốc phòng, cải tạo công thương để nắm kỹ và đẩy mạnh sản xuất, đầu năm 1977, Huyện ủy bổ sung thêm các nhiệm vụ cụ thể về kinh tế - xã hội của năm 1977.*

nhân dân nhận thức sâu rộng, quán triệt đường lối, chính sách của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới- giai đoạn đấu tranh giai cấp. Đối với các tầng lớp nhân dân giáo dục tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, làm cho nhân dân hiểu rõ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội là con đường duy nhất đem lại cho nhân dân ta độc lập, thống nhất, tự do và ấm no, hạnh phúc.

- Ra sức củng cố và tăng cường hệ thống chính quyền nhân dân xã, huyện; phát huy thật đầy đủ tinh thần trách nhiệm, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Chính quyền thật sự là của dân, do dân, vì dân. Để củng cố chính quyền, Đảng phải chỉ đạo bộ máy chính quyền theo đúng nguyên tắc: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Tránh tình trạng Đảng bao biện làm thay cơ quan chính quyền hoặc khoán trắng, buông lỏng việc lãnh đạo chính quyền.

- Mục tiêu là khôi phục và phát triển sản xuất, trước mắt làm tốt một số việc có tính then chốt: điều tra cơ bản toàn diện trên địa bàn huyện nhằm thực hiện chức năng là một đơn vị kinh tế cơ bản, là địa bàn kết hợp công - nông nghiệp tại chỗ, là trung tâm thực hiện quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân, giữa

nông nghiệp và công nghiệp để xây dựng kinh tế toàn diện, là điều kiện tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng về khoa học - kỹ thuật, cách mạng về tư tưởng văn hóa. Cố gắng tự túc hoàn toàn về lương thực.

Đẩy mạnh công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất vùng biển, xóa bỏ hình thức đầu nậu, chủ vựa, giải quyết việc thu thuế đối với những đầu nậu, chủ vựa. Tiếp tục xây dựng lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất mới. Thành lập và củng cố tổ chức Hội lao động biển làm nòng cốt (Hội lao động biển sau này sáp nhập vào Hội Nông dân), như thành lập các ban quản lý bến cá, củng cố ban hải sản xã trong lực lượng lao động biển. Củng cố các tổ chức quản lý sản xuất. Sắp xếp lại các tổ chức chế biến, tiêu thụ. Củng cố, chỉnh đốn vấn đề phân phối, quản lý xăng dầu, ăn chia công bình hợp lý; không ngừng tăng sản lượng sản xuất đánh bắt hải sản, thực hiện đúng chỉ tiêu Nhà nước. Hình thành các tổ chức quốc doanh, quản lý một phần chế biến, lo toàn bộ khâu tiêu thụ cho nhân dân, giữ vững và ổn định giá cả thị trường hợp lý. Củng cố tổ chức và đưa vào làm ăn tập thể, xây dựng hợp tác xã nghề muối, tạo điều kiện nâng năng suất lên 12.000 tấn muối/năm. Khẩn trương

chỉnh đốn các cửa hàng, tổ chức nhiều hợp tác xã mua bán hơn nữa. Đối với đồng bào các xã miền núi, tổ chức cung tiêu, giải quyết nhanh nhu cầu đời sống nhân dân, đảm bảo cho người dân không bị lạt muối. Đối với đồng bào Chăm, chăm lo chu đáo việc ăn mặc, thực phẩm, học hành.

- Về công tác xây dựng Đảng, đảng viên phải biết phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm và lòng quyết tâm làm tròn công việc của Đảng và Nhà nước, sâu sát cơ sở, quần chúng, chống tệ quan liêu, cửa quyền; nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, tăng cường đoàn kết trong Đảng, khắc phục chủ nghĩa tự do và độc đoán, tùy tiện. Đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng đối với lực lượng thù địch; thủ đoạn, mua chuộc của giai cấp tư sản với lối sống sa đọa của chủ nghĩa thực dân mới.

Đại hội bầu Ban Chấp hành huyện ủy Bắc Bình nhiệm kỳ thứ nhất có 25 đồng chí, trong đó có 4 đồng chí huyện ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Huyện ủy bầu 7 đồng chí vào Ban Thường vụ Huyện ủy. Trong đó, đồng chí Nguyễn Ninh - Bí thư Huyện ủy; đồng chí Đặng Bá Sang - Phó Bí thư và đồng chí Đặng Chế Hoa - Phó Bí thư.

Từ ngày 27/5 đến ngày 02/6/1977, huyện tiến hành Đại hội vòng 2 (khóa I) nhằm tiếp tục hoàn thiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ I. Do có một số ủy viên Ban Chấp hành thay đổi công tác nên Đại hội đã bầu bổ sung thêm 6 đồng chí vào Ban Chấp hành Huyện ủy; bầu bổ sung phó bí thư huyện và ủy viên thường vụ. Trong đó, đồng chí Đặng Chế Hoa - Phó Bí thư Huyện ủy được Tỉnh ủy điều về Ban Dân tộc tỉnh, đồng chí Phạm Trọng Do - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy được bầu làm Phó Bí thư và bầu bổ sung đồng chí Trần Hồng Trinh và Trần Phương vào Ban Thường vụ Huyện ủy. Đến tháng 9/1978, đồng chí Nguyễn Ninh đi học, đồng chí Mãn Tấn Dũng được tỉnh chỉ định làm Bí thư.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bắc Bình lần thứ nhất về nhiệm vụ, mục tiêu năm 1977, cán bộ và nhân dân trong huyện ra sức phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, phấn đấu đạt được những thành tích quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Mặc dù thời tiết năm 1977 khắc nghiệt, nắng hạn kéo dài, mưa không đều nên sản xuất gặp khó khăn nghiêm trọng, nhưng toàn huyện đã phấn đấu gieo trồng được 15.500/23.000 ha (trong đó cây

Gành Son, xã Chí Công.

lương thực 11.630 ha). Sản lượng lúa đạt 15.630 tấn và màu qui thóc đưa tổng sản lượng (qui thóc) đạt 18.500 tấn. Tuy nhiên, năm 1977, sản lượng lương thực giảm 8.500 tấn so với năm 1976.

Việc quản lý ruộng đất và vận động nhân dân nhiều ruộng tiếp tục hiến ruộng là công việc vô cùng quan trọng trên lĩnh vực cải tạo quan hệ sản xuất ở nông thôn. Đã có 260 hộ trung nông khá san sẻ 136 ha cho bà con trong họ tộc không ruộng, thiếu ruộng và tự nguyện giao cho Nông hội gần 300 ha để chia cho các gia đình thiếu ruộng. Đây là việc làm tình nghĩa và trách nhiệm của người nông dân sau khi được học tập chính sách ruộng đất của Đảng và Nhà nước.

Về lâm nghiệp, toàn huyện đã trồng 160 ha rừng. Mỗi xã ươm từ 2 sào đến 5 sào cây giống phục vụ cho việc trồng rừng. Huyện cử 10 cán bộ đi học kỹ thuật lâm nghiệp để về làm nhiệm vụ hướng dẫn nhân dân trồng rừng. Tuy nhiên, mạng lưới kiểm lâm lúc này chưa được thành lập nên việc quản lý và bảo vệ rừng chưa thực hiện tốt.

Ngành hải sản đã đánh bắt được 24.000 tấn/30.000 tấn kế hoạch; thu mua 10.400 tấn; đưa vào chế biến được 6.350.000/10.000.000 lít nước

mắm (trong đó hàm hộ chế biến 5.500.000 lít, quốc doanh huyện 205.000 lít, quốc doanh tỉnh 730.000 lít), chủ yếu là các xã thuộc địa bàn huyện Tuy Phong cũ.

Tháng 9/1977, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Thuận Hải về tiếp tục cải tạo một bước quan hệ sản xuất vùng biển, Huyện ủy đã tổ chức hội nghị cải tạo ngành hải sản. Trong đó, Ban Chỉ đạo cải tạo chọn Phan Rí Cửa làm điểm. Ban Chỉ đạo cải tạo huyện được thành lập, trong đó, đồng chí Phạm Trọng Do - Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện làm trưởng ban; đồng chí Nguyễn Quốc Thịnh - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy làm phó ban; đồng chí Huỳnh Mai - Trưởng Phòng Thương nghiệp huyện làm phó ban trực.

Các bước triển khai cải tạo ngành hải sản có kế hoạch cụ thể từ khâu điều tra lại tình hình ghe thuyền, lao động biển, các thủ đoạn bóc lột của các chủ thuyền, đầu nậu, đến tổ chức học tập, phát động quần chúng lao động biển. Qua học tập, bà con lao động biển hiểu được đường lối, chủ trương cải tạo ngành hải sản của Đảng và Nhà nước, động viên nhau tham gia các tổ đoàn kết sản xuất ngày càng nhiều hơn và phân rõ việc ăn chia theo nội qui của

các tổ đoàn kết sản xuất, xóa bỏ đầu nậu, chủ vựa... trong nghề đánh bắt cá. Hầu hết các ghe thuyền được đưa vào làm ăn tập thể. Tổ chức Hội lao động biển được thành lập. Nhà nước bán nhiên liệu, lương thực cho lao động biển với giá bao cấp.

Qua thực tiễn cải tạo, huyện đã củng cố lại Phòng Hải sản, thành lập ban hải sản xã và ban quản lý bến cá. Sắp xếp lại sản xuất, hợp tác lao động trong nghề cá có 1.200 thuyền và 6.110 lao động. Tổ chức học tập chính sách của Nhà nước về hải sản cho 2.070 người. Huyện thành lập 2 trạm thu mua cá ở Phan Rí Cửa và Liên Hương [1].

Việc cải tạo ngành hải sản đã tạo cho việc đánh bắt, ăn chia cũng như trong phân phối lưu thông được thuận lợi. Củng cố được các tổ, đội sản xuất. Mặc dù thất mùa, nhưng lượng đánh bắt hải sản đạt 84% kế hoạch/năm; quản lý chế biến so với năm 1976 tốt hơn. Việc ăn chia của xã viên cũng có mặt tiến bộ, thu nhập của ngư dân có nơi cao hơn trước.

---

(1) *Do cơ sở chế biến hải sản lúc đầu chưa có nhiều, nên huyện muối chượp được 420 tấn và mượn phương tiện của nhân dân chế biến nước mắm có sức chứa 1.150 tấn, còn 580 tấn, giao cho cửa hàng quốc doanh huyện, tỉnh quản lý.*

Với thành tích đạt được trong cải tạo một bước quan hệ sản xuất vùng biển ở Bắc Bình, đã được đoàn cán bộ của Bộ Hải sản đánh giá cao thành tích và được báo cáo điển hình tại Hội nghị các tỉnh ven biển miền Nam Trung bộ.

Tuy vậy, tình hình vùng biển còn phức tạp. Khâu tổ chức hệ thống thu mua, chế biến chưa được chặt chẽ; phương thức ăn chia cho xã viên của các tổ đoàn kết sản xuất còn sai quy ước đã đề ra. Việc phát động, giáo dục lao động đánh bắt và chủ thuyền không thường xuyên, để họ móc ngoặc với tư thương, bán cá tự do còn nhiều. Việc phục vụ sản xuất nghề cá chưa bảo đảm, nhất là việc cung cấp nhiên liệu còn thiếu, không liên tục, làm cho một số thuyền phải đậu bến giữa mùa vụ. Việc đóng mới và tu bổ thuyền không kịp thời; quản lý không tốt, còn để hư hỏng một số phương tiện đánh bắt. Việc quản lý cả thuyền thúng là không phù hợp thực tiễn của nghề biển, làm cho chủ phương tiện phản ứng đưa lên bờ gây hư hỏng. Một số chủ thuyền không đưa ghe thuyền vào hợp tác xã. Cũng có một số trường hợp ngư dân chưa chịu vào hợp tác xã nghề cá, chính quyền dùng biện pháp hành chánh ép chủ thuyền vào làm ăn tập thể.

Về công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp toàn huyện có 450 cơ sở, với 2.160 lao động, tăng 22 cơ sở với 230 lao động so với năm 1976. Huyện thành lập 3 hợp tác xã sản xuất, sửa chữa cơ khí ở Phan Rí Cửa, Liên Hương, Chợ Lầu; 6 tổ rèn nông cụ và sản xuất các mặt hàng dân dụng; 1 hợp tác xã làm muối ở Chí Công; 1 cơ sở quốc doanh chế biến phân xác mắm; khôi phục lại 7 ngành nghề cũ, gồm 37 cơ sở như: lò vôi, lò gạch, khai thác đá quánh, đóng xe bò, ép dầu phộng, làm gốm gọ, ép mía... Các cơ sở sản xuất, sửa chữa cơ khí đã bắt đầu làm ra một số mặt hàng phục vụ nông nghiệp, như máy tuốt lúa không động cơ, máy xay thực phẩm, trục đất dùng cho máy cày và trâu bò, xe cải tiến, các loại công cụ cầm tay... Qua cải tạo, huyện mới tổ chức được sản xuất, lưu thông, phân phối, phân công lại lao động hợp lý để sản xuất nhiều của cải vật chất cho xã hội, cho nhân dân và chống lại lối làm ăn phi pháp.

Ngành lương thực huyện được hình thành đã phối hợp với các ngành, đoàn thể tích cực thu mua được 3.130 tấn lương thực, so với kế hoạch đạt 62,70% và vượt năm 1976 là 2.100 tấn. Trong đó, lương thực thu mua phần lớn phân phối cho lao động đánh bắt cá, làm muối, trồng bông vải, trợ cấp cho các xã nông nghiệp bị mất mùa thiếu đói và nhân dân các xã phi nông nghiệp.

Thương nghiệp huyện Bắc Bình được hình thành trên cơ sở sáp nhập các cửa hàng thương nghiệp của các huyện cũ, nhận hàng của tỉnh, bảo đảm định mức phân phối nhu yếu phẩm hàng tháng cho cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang và giải quyết một phần nhu cầu đời sống cho nhân dân, nhất là các ngày Tết cổ truyền của đồng bào dân tộc trong huyện. Hoạt động của các cửa hàng có tiến bộ, tinh thần phục vụ nhân dân được nâng cao một bước. Ngoài hai trạm thu mua cá, huyện thành lập thêm 14 hợp tác xã mua bán. Các hợp tác xã mua bán và ngành kinh doanh của huyện đã triển khai hoạt động, kinh doanh đều có lãi, đáp ứng phần lớn yêu cầu nhu yếu phẩm cho nhân dân.

Trong quá trình lưu thông phân phối, việc củng cố các hoạt động thu- chi của huyện còn nhiều khó khăn, hoạt động thương nghiệp phát triển còn chậm. Việc thu thuế nông nghiệp còn hình thành các trạm kiểm soát để kiểm tra thu thuế buôn gạo xuống bán vùng biển, thị tứ và vùng biển bán cá lên vùng nông thôn, làm cho sự thiếu thốn càng thêm căng thẳng, thất thu lớn về thuế công thương nghiệp, nhất là ngành hải sản. Các nguồn thu khác trong nhân dân chưa khai thác đáng kể; việc chi phí cho mọi hoạt

Lễ hội cầu ngư của ngư dân vùng biển Tuy Phong.

động còn chưa đồng bộ do các yếu tố thị trường bao cấp, ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội trong huyện.

Sau đợt đổi tiền, ngày 22/9/1975, Ngân hàng Trung ương đã có chủ trương cho vay tín dụng với lãi suất ưu đãi, góp phần tích cực giải quyết một phần khó khăn về vốn, có tác động đến đời sống và sản xuất của nhân dân. Đồng thời, ngăn chặn cho vay nặng lãi của tư thương, bóp chẹt người lao động và đảm bảo số vốn đầu tư cho các ngành sản xuất nông nghiệp, thương nghiệp hoạt động [1].

Ban Cải tạo Công thương nghiệp Tư doanh huyện đã có kế hoạch triển khai, nắm toàn bộ lực lượng giao thông- vận tải trên địa bàn. Đã tổ chức học tập cho các chủ xe, lái xe, phụ xe để tiến hành các bước cải tạo. Theo thống kê, toàn huyện hiện có 360 xe cơ giới (có 207 xe tải, xe hành khách, 153 xe lam và 100 xe ba gác, xe ngựa), trong đó, có trên 50 xe đưa vào quốc doanh. Ngày 8/9/1977, huyện tập

---

(1) *Từ năm 1975 đến năm 1985, đã có 3 lần đổi tiền. Năm 1975, đổi tiền chế độ cũ ở miền Nam để lưu thông tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (gọi là tiền giải phóng). Ngày 02/5/1978, đổi tiến thống nhất cả nước (tiền giải phóng và tiền ở miền Bắc) và năm 1985, đổi tiền lần thứ 3.*

trung các chủ xe tại sân vận động Chi Lăng để thành lập 2 đội vận tải hành khách. Từ đó, hoạt động giao thông - vận tải từng bước đi vào nề nếp, góp phần phục vụ tích cực vào sản xuất và lưu thông của nhân dân trong và ngoài huyện. Tuy nhiên, nhiều năm sau cải tạo, do khó khăn về nhiên liệu, phụ tùng thay thế, công tác quản lý, điều hành chưa tốt nên chưa phát huy hết khả năng vận chuyển, ảnh hưởng đến sản xuất và lưu thông của nhân dân.

Bưu điện huyện và một số bưu cục ở các xã Phan Rí Cửa, Liên Hương đã nhận chuyển công văn, phát hành báo các loại và bưu phẩm. Đồng thời, toàn huyện lập hai tổng đài, có 32 máy điện thoại cho các cơ quan huyện nhằm phục vụ cho công tác chỉ đạo và báo cáo tình hình các địa phương.

Về công tác văn hóa - văn nghệ, huyện tổ chức các đợt học tập, phân tích tác hại của văn hóa phản động, đồi trụy, làm cho quần chúng nhân dân hiểu rõ, tự nguyện đem giao nộp cho chính quyền những tài liệu không còn phù hợp trong xã hội mới. Kết quả văn hóa phẩm thu được tuy không nhiều so những năm trước đó (1975- 1976), nhưng tác dụng về mặt tư tưởng, nhận thức trong nhân dân rất to lớn, họ tự nguyện lựa chọn đem nộp.

Song song với việc xoá bỏ tàn dư văn hóa phẩm phản động, huyện tổ chức xây dựng đời sống văn hóa trong nhân dân nhằm thực hiện cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa. Nổi bật trong phong trào văn hóa- văn nghệ là các xã, thôn đều thành lập đội văn nghệ, góp phần phục vụ đời sống tinh thần nhân dân sau những ngày lao động sản xuất. Trong đó, Đội văn nghệ xã Phan Rí Cửa có biểu diễn cải lương, là môn nghệ thuật nhiều người lớn tuổi ưa thích. Đồng thời, huyện còn tổ chức hàng chục cuộc hội thi về thể dục - thể thao, thu hút hàng chục ngàn lượt người tham gia và nhiều đội văn nghệ các xã được huyện đưa đi tham dự hội diễn ở tỉnh được nhiều giấy khen, bằng khen. Để tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước cho nhân dân, ngoài Đài Truyền thanh của huyện, nhiều xã, trong đó xã Phan Rí Cửa xây dựng hệ thống phát thanh đến tận địa bàn các thôn.

Tuy tình hình kinh tế, xã hội còn khó khăn về nhiều mặt, Đảng, chính quyền các cấp vẫn cố gắng chăm lo cho mọi người, mọi lứa tuổi được học tập. Vì vậy, năm học 1977- 1978, ngành giáo dục trong huyện có số học sinh phổ thông đến lớp là 21.270 em, còn bậc học mẫu giáo huyện tổ chức từ năm học 1976-1977 đã có 53 lớp, với 2.009 cháu, đến năm

học 1977-1978 tăng thêm 2 lớp. Huyện đã mở nhiều lớp bình dân học vụ cho 9.735/10.325 người trong độ tuổi tham gia học tập. Đi đôi với bình dân học vụ, huyện đã tổ chức các lớp học bổ túc văn hóa cho trên 3.000 học viên, phần nhiều là số người có độ tuổi từ 20 đến 40 tham gia học tập. Hàng năm, huyện đều tổ chức bồi dưỡng chính trị trong dịp hè cho giáo viên, góp phần nâng cao trình độ về chuyên môn và chính trị.

Trong các trường học đều tổ chức các chi hội thanh niên rộng rãi cho giáo viên, học sinh cấp II, cấp III tham gia và Đội Thiếu niên Tiền phong cho học sinh cấp I. Đặc biệt, huyện đã cử nhiều đoàn cán bộ giáo dục lên các xã miền núi giúp đồng bào các dân tộc thiểu số ổn định sản xuất, xây dựng cuộc sống mới. Đưa đội ngũ giáo viên người Kinh - Chăm lên tổ chức các lớp học cho con em đồng bào vùng dân tộc, và các vùng căn cứ kháng chiến trước đây.

Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố. Các xã vùng đồng bằng đều có trạm y tế, nhà hộ sinh, các thị trấn có trạm xá phục vụ khám chữa bệnh, cấp thuốc sốt rét miễn phí cho nhân dân. Phong trào vệ sinh phòng dịch được phát động và tổ chức thực hiện có hiệu quả trên địa bàn các hợp tác xã, đội sản xuất. Công tác tiêm phòng dịch bệnh ở các vùng đồng bào dân tộc

thiểu số miền núi cũng được thực hiện thường xuyên. Các đội phòng chống sốt rét lưu động của huyện, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân miền núi thực hiện sống hợp vệ sinh và phòng ngừa bệnh dịch.

Về công tác thương binh, xã hội, toàn huyện Bắc Bình có trên 2.700 người được công nhận liệt sĩ chống Pháp và chống Mỹ. Huyện đã tổ chức điều tra xác minh và giải quyết chế độ chính sách cho gia đình liệt sĩ theo qui định của Nhà nước. Trong đó, các xã Bình Thạnh, Vĩnh Hảo và Phước Thể đã tổ chức lễ công nhận liệt sĩ và cấp phát xong tiền tuất, đồng thời qui tập, đưa hài cốt liệt sĩ về nghĩa trang tỉnh. Tiêu biểu cho hoạt động này là Phan Rí Cửa đã thành lập Ban Vận động xây dựng Đài liệt sĩ, khởi công vào cuối năm 1975 và tổ chức khánh thành vào đầu năm 1976. Đây là điểm khởi công xây dựng Đài liệt sĩ đầu tiên trong huyện.

Công tác an ninh trong huyện cũng diễn biến phức tạp. Riêng trên địa bàn Tuy Phong cũ, do tình hình sau giải phóng nhân dân ta đang khắc phục hậu quả chiến tranh, đời sống tinh thần và vật chất còn gặp khó khăn, một số tàn quân, ngụy quân và một số phản động đội lốp tôn giáo phao tin đồn nhảm nhằm

kích động, gây chia rẽ nhân dân với chính quyền, giữa nhân dân theo tôn giáo và không theo tôn giáo. Trong thời gian qua, chúng đã gây ra nhiều vụ việc chống phá chế độ, chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta trên địa bàn huyện, như thành lập "Mặt trận phục quốc cứu nguy dân tộc" vào tháng 4/1976; hay "Mặt trận giải phóng Chăm Pa" và lập tiểu đoàn Pôsanư vào ngày 21/11/1976. Bên cạnh đó, tại xã Lạc Trị, chúng gây ra một số vụ giết người, như tên Sáu Rô giết cả gia đình ông Măng Thị. Hay ở Phú Lạc, chúng giết chị Nguyễn Thị Xuân.

Để trừng trị bọn phản động, lãnh đạo huyện chỉ đạo ngành công an, quân sự phối hợp với lực lượng của tỉnh và vận động nhân dân tham gia tiêu diệt chúng. Tổ chức "Mặt trận phục quốc cứu nguy dân tộc" do tên Nguyễn Xuân Lê cầm đầu. Chúng đã gây ra các vụ ném lựu đạn vào trạm kiểm soát thuế vụ Sông Lũy, cửa hàng mậu dịch Lương Sơn và rải truyền đơn tại xã Lương Sơn. Trước tình hình đó, ta tổ chức truy quét bọn tàn quân ở căn cứ Rừng Ngang đến núi Đá Chẹt (Vĩnh Hảo), phục kích bắt gọn 15 tên, thu toàn bộ vũ khí vào đêm 18/01/1977. Tiếp đến, ta tiếp tục truy quét tổ chức "Mặt trận giải phóng Chăm Pa" và Tiểu đoàn Pôsanư, do tên

Huỳnh Ngọc Sắng cầm đầu. Ở địa bàn Tuy Phong, ngày 15/10/1976 chúng về Phú Lạc móc nối cơ sở là thân nhân của những tên đã theo FULRO. Ngày 18/10/1976, chúng lôi kéo 35 thanh niên và tổ chức tập kích vào UBND xã Lạc Trị. Trước tình hình đó, đêm 25/01/1977, Công an tỉnh cùng lực lượng của huyện tổ chức truy quét cả về quân sự và chính trị, vận động một số FULRO ra đầu hàng. Đến ngày 24/3/1977, đợt hoạt động kết thúc, ta bóc gỡ nhiều cơ sở của chúng, xóa sổ tiểu đoàn vũ trang và Mặt trận giải phóng Chăm Pa, tên Huỳnh Ngọc Sắng bị bắt tại bến xe Phan Thiết.

Cùng với hoạt động phá hoại của tàn quân địch trên đất liền, từ năm 1977, trên địa bàn Tuy Phong đã xảy ra nhiều vụ vượt biển trái phép và nhất là năm 1979, vấn đề "nạn kiều" đã làm cho một số đồng bào Hoa hoang mang. Bên cạnh đó, một số dân ở các tỉnh Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh ... kéo ra vùng biển Tuy Phong móc nối vượt biên ... Vì vậy từ năm 1977 đến năm 1983, trên địa bàn huyện xảy ra hàng trăm vụ vượt biển.

Nhằm bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, ngoài việc các cơ quan chức năng đấu tranh với bọn phản động, bọn vượt biên, huyện còn tuyên truyền, giáo

dục nhân dân. Đồng thời, lực lượng công an đã phối hợp với các ngành tư pháp tấn công, trấn áp mạnh mẽ các ổ nhóm lưu manh, phản động, đưa ra xét xử nhằm răn đe bọn chúng, góp phần giáo dục, phòng ngừa.

Lực lượng vũ trang huyện vừa thực hiện tuyển quân làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, vừa tổ chức tốt việc rà phá bom, mìn ở những căn cứ của địch còn sót lại, đưa hàng trăm ha đất vào sản xuất, ổn định cuộc sống cho nhân dân. Ngoài ra, lực lượng vũ trang còn sản xuất tự túc, giải quyết một phần lương thực cho đơn vị. Việc tổ chức xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang luôn được quan tâm. Huyện đội có các ban tham mưu, chính trị, hậu cần, động viên tuyển quân, dân quân tự vệ và hai Đại đội bộ binh 440 và 490 ghép lại thành Đại đội 440. Ban Chỉ huy quân sự xã có lực lượng dân quân và du kích làm nhiệm vụ cơ động tại chỗ.

Về công tác xây dựng Đảng, toàn huyện đã thành lập và củng cố chi - đảng bộ các xã và chi bộ cơ quan, có 741 đảng viên (trong đó có các chi bộ cơ quan, đơn vị huyện có 267 đảng viên và các xã 474 đảng viên). Huyện phân công một số đồng chí trong cấp ủy phụ trách các ngành: nông nghiệp, hải sản, thương nghiệp, tài chính ... và tăng cường cán bộ cho

khối chính quyền. Đi đôi với sắp xếp tổ chức cán bộ, huyện đã mở 4 lớp học Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV cho 405 đảng viên tại Trường Đảng huyện; đưa 110 đảng viên đi học Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV ở tỉnh và đưa một số cán bộ chủ chốt đi bồi dưỡng và đào tạo nghiệp vụ ở các trường Trung ương mở.

Thực hiện chủ trương xây dựng, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Sau Đại hội Mặt trận huyện lần thứ nhất, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện đẩy mạnh các hoạt động về địa bàn dân cư phát động các phong trào hành động cách mạng, góp phần quan trọng vào việc xây dựng bộ mặt nông thôn mới. Các tổ chức Nông hội, Phụ nữ, Thanh niên ... được củng cố và phát triển ở hầu hết các xã và các cơ quan, đơn vị cấp huyện. Như Nông hội là lực lượng lao động chính của địa phương, đã có 11/28 xã tiến hành đại hội bầu Ban Chấp hành Nông hội, có 88 cán bộ. Đối với tổ chức Phụ nữ đã có 22/28 xã tổ chức đại hội và bầu Ban Chấp hành mới. Đại hội Phụ nữ huyện lần thứ nhất bầu Ban Chấp hành mới có 25 ủy viên. Phụ nữ huyện kết hợp với Tỉnh hội mở nhiều lớp cho cán bộ Ban Chấp hành Phụ nữ xã về vai trò, vị trí, chức năng của Hội trong giai đoạn cách mạng mới. Hay Đoàn

Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện phát triển 180 đoàn viên và 932 hội viên thanh niên; 244 đội viên Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Đã tổ chức tiến hành Đại hội Huyện đoàn lần thứ nhất, bầu Ban Chấp hành mới 18 ủy viên (15 chính thức và 3 dự khuyết). Đồng thời, toàn huyện có 36 cán bộ được bầu vào Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Thanh niên ở các xã. Huyện Đoàn tổ chức đại hội "Cháu ngoan Bác Hồ" ở 21/28 xã và có 161 em được cử đi dự Đại hội "Cháu ngoan Bác Hồ" ở huyện.

Tình hình tư tưởng, chính trị trong các tầng lớp nhân dân có sự chuyển biến, đa số nhận thức được đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước là đảm bảo lợi ích của dân tộc, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy vậy, hoạt động của các đoàn thể quần chúng chưa đều, lực lượng hội viên phát triển chậm, tổ chức sinh hoạt và bồi dưỡng chính trị đạt chất lượng chưa cao. Công tác Mặt trận chưa được cấp ủy quan tâm chỉ đạo đúng mức. Phong trào thi đua hành động cách mạng chưa rộng khắp. Chủ trương, chính sách của Đảng chưa được phổ biến đến tận cơ sở. Nội dung, hình thức và biện pháp phát động các phong trào cách mạng chưa phù hợp với từng đối tượng. Cá biệt, có nơi phong trào thi đua khen thưởng chưa kịp thời.

Việc xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, huyện có kế hoạch triển khai đến cơ sở, đã giải quyết cơ bản về chính sách cấp ruộng cho nông dân không ruộng và thiếu ruộng cày. Nhưng cải tạo nông nghiệp chuyển biến chậm, chưa đạt yêu cầu của nghị quyết đại hội đề ra. Đã đưa nông dân vào tổ chức làm ăn tập thể, dưới hai hình thức chủ yếu là tổ đoàn kết sản xuất nông nghiệp và đội sản xuất nghề cá, nhưng vai trò, tác dụng của tổ, đội chưa được phát huy đúng mức, có nơi chỉ là hình thức, thiếu sinh hoạt, thiếu sự chỉ đạo chặt chẽ. Mặt khác, đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, chỉ đạo còn yếu cả về năng lực và trình độ trước những nhiệm vụ mới mẽ. Sự phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền cơ sở và các ban, ngành, đoàn thể, nhất là các ngành chức năng thiếu đồng bộ.

Thực hiện Chỉ thị số 115/TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 23/3/1978, toàn miền Nam tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Mục tiêu của việc cải tạo là đưa hệ thống thương nghiệp vào sự quản lý thống nhất của Nhà nước, vận động những hộ buôn bán cá thể đi vào sản xuất, trực tiếp làm ra của cải cho xã hội. Việc cải tạo tư bản tư doanh, công thương nghiệp ở huyện đã hình thành quan hệ sản xuất mới trong một số ngành kinh tế

quan trọng của huyện. Tuy nhiên, việc thực hiện gặp không ít trở ngại, khó khăn và sau cải tạo, việc sử dụng, phát huy năng lực trong đánh bắt hải sản,... ít hiệu quả làm cho nhân dân chưa thật sự phấn khởi.

Về hoạt động tài chính đã góp phần tích cực trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán tiền trong huyện đi đôi với xây dựng kết cấu hạ tầng, trọng tâm là thủy lợi, tu sửa các kênh mương nội đồng, nâng cấp và gia cố các công trình sẵn có; xây dựng vùng kinh tế mới, vùng chuyên canh thuốc lá, bông vải và các cánh đồng lúa cao sản. Huyện tiến hành thành lập các đơn vị kinh tế quốc doanh, hợp tác xã khai thác hải sản và làm muối. Việc đổi tiền lần thứ hai (1978), thống nhất tiền tệ cả nước là vấn đề chiến lược, nhất là sau thời điểm cải tạo về quan hệ sản xuất ở một số ngành nghề kinh tế quan trọng.

Các hoạt động xã hội dần dần đi vào ổn định, nề nếp. Tăng cường chất lượng giáo dục và đào tạo cho con em trong huyện; tổ chức khám, chữa bệnh lưu động, cấp thuốc miễn phí cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng. Các hoạt động văn hóa- thông tin góp phần làm sáng tỏ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Phong trào văn- thể- mỹ thực hiện rộng rãi trong nhân dân. Đặc biệt, những tháng cuối năm 1975, đoàn Văn

công tỉnh Tuyên Quang kết nghĩa với Bình Thuận vào thăm và biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhân dân trong huyện. Huyện tổ chức đẩy mạnh truy quét tàn dư văn hóa phản động, đồi trụy của địch để lại, xây dựng nếp sống mới. Các tổ chức Đảng và hệ thống chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể được nhanh chóng củng cố và phát triển. Nổi bật là lực lượng thanh niên đã tập hợp đông đảo trong Hội thanh niên và Hội lao động biển. Trên cơ sở đó phát hiện và chọn lọc những nhân tố mới nhằm giáo dục, bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức, chính trị, trở thành những đoàn viên, đảng viên ưu tú của Đảng sau này.

Sau khi thực hiện nhiệm vụ kinh tế năm 1977, Đảng bộ huyện tiếp tục chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế- xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng Đảng từ năm 1978 đến 1979 [1], trong đó cải tạo nông nghiệp là trọng tâm. Đầu năm 1978, Huyện ủy Bắc Bình triển khai kế hoạch xây dựng hợp tác xã

---

(1) *Nhằm thiết lập quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2, 3, 4 của Ban Chấp hành Trung ương và Chỉ thị số 235 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Quyết định số 188 của Hội đồng Chính phủ, Nghị quyết đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần thứ I và Nghị quyết Đảng bộ huyện Bắc Bình lần thứ I về nông nghiệp, trong đó có xoá bỏ triệt để các hình thức bóc lột thực dân phong kiến ở miền Nam nói chung, ở địa phương nói riêng.*

điểm đi đôi với mở rộng diện, kể cả vùng đồng bào Chăm và tôn giáo. Để chuẩn bị thực hiện tiếp cuộc cải tạo trong nông nghiệp, Huyện ủy tổ chức cho gần 200 cán bộ học tập, quán triệt chủ trương xây dựng hợp tác xã, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể dưới các hình thức; tập huấn cho 220 cán bộ, đảng viên cơ sở và các ban, ngành liên quan về xây dựng, quản lý hợp tác xã và tập đoàn sản xuất.

Được sự phân công của Huyện ủy, Ban chỉ đạo cải tạo nông nghiệp huyện gồm có các đồng chí Nguyễn Được, Phan Văn Luy... Khi triển khai chủ trương cải tạo nông nghiệp tại huyện, Tỉnh ủy cử đồng chí Nguyễn Hưng (tức Năm Hưng), cán bộ Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy về tham gia. Ở các xã đều thành lập Ban vận động do đồng chí bí thư làm trưởng ban. Ngày 10/01/1979, tỉnh chọn thôn Hiệp Hòa (xã Hồng Thái) [1] và thôn Tịnh Mỹ, xã Phan

(1) *Một số bước cơ bản để triển khai thành lập hợp tác xã gồm có: bộ phận hướng dẫn viết đơn được hình thành và giúp dân khi đã tự nguyện đăng ký vào hợp tác xã; bộ phận đăng ký ruộng đất, diện tích; bộ phận hóa giá tư liệu sản xuất máy kéo, trâu bò, cày bừa; bộ phận chuẩn bị nội dung đại hội thành lập hợp tác xã, báo cáo phương án sản xuất của hợp tác xã, nhân sự ban quản trị, ban kiểm soát hợp tác xã; bộ phận chuẩn bị tổ chức đại hội, như chọn địa điểm, cờ, viết khẩu hiệu, tổ chức thông tin tuyên truyền.*

Thanh làm điểm. Huyện Bắc Bình chọn thôn Bình Điền (xã Liên Hương) làm điểm xây dựng hợp tác xã nông nghiệp.

Ở xã Liên Hương khi chọn tập đoàn sản xuất thôn Bình Điền làm thí điểm về xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, huyện cử cán bộ về thôn tuyên truyền phổ biến chủ trương hợp tác hóa nông nghiệp cho nông dân. Bà con nông dân trong đợt phát động học tập đã tự nguyện xin vào hợp tác xã. Cũng có một số bà con nông dân chưa muốn vào hợp tác xã. Nhưng qua kiên trì tuyên truyền, giáo dục, vận động của các cán bộ huyện và cơ sở, nên sau đó họ đã đồng ý vào hợp tác xã. Sau một thời gian chuẩn bị, đến ngày 25/4/1979, đại hội xã viên thôn Bình Điền thành lập hợp tác xã nông nghiệp đầu tiên ở huyện Tuy Phong ngày nay.

Qua làm thí điểm xây dựng con đường làm ăn tập thể cho nông dân, với hình thức từ thấp lên cao và tùy theo đặc điểm ở mỗi vùng nông nghiệp, toàn huyện đã xây dựng 33 hợp tác xã và 35 tập đoàn sản xuất ở 15/28 xã và 2 khu kinh tế mới La Bá và Nhơn Long. Hầu hết các xã còn lại đều có các hình thức làm ăn hợp tác lao động, đội sản xuất. Phong trào hợp tác hóa đã thu hút 17.200/32.000 lao động nông

nghiệp vào làm ăn tập thể. Như vậy, phong trào đưa nông dân ở huyện vào làm ăn tập thể mới thực sự phát triển sôi nổi, đều khắp và cơ bản hoàn thành vào cuối năm 1979, thu hút nông dân lao động vào con đường làm ăn tập thể. Đã có 28/28 xã cơ bản hoàn thành cuộc vận động hiến điền và chia cấp ruộng đất; tiếp tục giải quyết tiền hóa giá các phương tiện và tư liệu sản xuất cho nông dân.

Các hợp tác xã, tổ đoàn kết sản xuất sau khi được thành lập khẩn trương thực hiện kế hoạch sản xuất, huy động hàng chục ngàn ngày công sửa chữa các công trình thủy lợi nhỏ, nạo vét kênh mương nội đồng, đào đắp hàng chục ngàn m3 đất đá ... Ở Phan Rí Cửa đã huy động 1.500 lao động tham gia. Phong trào làm thủy lợi lớn, nhỏ không những làm trong huyện mà còn huy động lao động nghĩa vụ trên các công trình kênh Thanh niên Nha Trinh - Lâm Cấm, Sông Lu 2 thuộc huyện Ninh Phước (nay thuộc tỉnh Ninh Thuận). Đồng thời, nhiều tuyến đường bờ vùng và kênh mương nội đồng cũng được hoàn thành, tạo điều kiện thuận lợi cho xã viên vận chuyển nông sản, phân bón, góp phần giảm chi phí sản xuất đáng kể. Cách tổ chức làm ăn theo hướng tập thể đã phát huy tinh thần "hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ", đoàn kết giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống.

Về cải tạo lâm nghiệp, huyện đã tiến hành cải tạo 5 nhà máy cưa, chấm dứt sự khai thác gỗ của các nhà tư sản kinh doanh lâm nghiệp. Đi đôi với cải tạo, huyện đã thành lập Xí nghiệp quốc doanh khai thác và trồng rừng. Bước đầu thành lập hai vườn ươm cây giống 5 ha ở hai xã Bình Thạnh và Hòa Minh phục vụ cho việc trồng rừng. Nhờ đó, việc trồng rừng, khai thác rừng, chế biến gỗ có bước phát triển và đi dần vào nề nếp. Trong đó, việc trồng 260 ha rừng phi lao, so với trước tăng hơn 100 ha. Khai thác gỗ tròn hơn 2.000m3, chế biến hàng ngàn m3 gỗ thành phẩm, cung cấp cho xây dựng cơ bản của Nhà nước và yêu cầu sử dụng của nhân dân.

Trong hải sản, phát huy kết quả cải tạo một bước quan hệ sản xuất vùng biển trước đây, từ đầu năm 1978 huyện tiếp tục đưa lao động nghề cá vào làm ăn theo hướng tập thể, thu hút 87% lao động đánh bắt và 68% tổng số thuyền vào các hình thức hợp tác xã, tổ đoàn kết và đội đánh bắt hải sản. Nhiều tổ, đội sản xuất làm ăn tốt, nhưng còn một số tổ, đội hoạt động không đúng nội dung, quản lý lao động và thuyền nghề không chặt chẽ, sản xuất không theo kế hoạch, ăn chia không đúng quy ước và thực hiện không đúng hợp đồng bán sản phẩm với mua lại vật tư, ngư cụ của Nhà nước. Để khắc phục

những mặt yếu, từ đầu năm 1979, Ban Chỉ đạo cải tạo nghề cá của huyện đã triển khai chủ trương của tỉnh, nhằm quán triệt trong các cấp, các ngành về cải tạo và tổ chức lại sản xuất ở vùng biển, kết chặt với phòng thủ tuyến biển.

Cùng với sự hướng dẫn của Ty Hải sản Thuận Hải, việc cải tạo ngành hải sản đã đạt kết quả tương đối tốt, phong trào hợp tác hóa vùng biển tiếp tục phát triển có cơ sở vững chắc hơn. Đến giữa năm 1979, hợp tác xã đánh bắt hải sản toàn huyện có 25 thuyền, với tổng công suất 780 CV, có 332 lao động; 63 tập đoàn đánh bắt, có 326 thuyền, với 6.787 CV, 2.573 lao động và cơ bản tổ chức xong các ngành nghề chính như: vây rút chì, mành chà... Tính chung cả hai hình thức làm ăn tập thể là hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nghề cá đã đưa 35% ghe thuyền, với 50% mã lực vào làm ăn tập thể.

Đi đôi với cải tạo, huyện tổ chức lại các hộ chế biến hải sản theo Chỉ thị số 21 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đã đưa 8 hộ vào Công tư hợp doanh, có năng lực muối chượp 2.370 tấn; 9 hộ xử lý bằng các hình thức mua lại, vận động hiến cho nhà nước với khả năng muối chượp được 2.058 tấn, để đưa vào đơn vị quốc doanh huyện. Ngoài ra, huyện còn tổ

chức 12 tổ, gồm 212 hộ gia công chế biến hải sản, đồng thời mở các cửa hàng hải sản phục vụ nhân dân và các điểm thu mua cá muối chượp (thuộc Ban Quản lý thu mua), chế biến cho các đơn vị quốc doanh tỉnh, huyện. Đối với các vùng nông thôn, miền núi, mạng lưới phân phối hải sản được bố trí đến các hợp tác xã, đội sản xuất nông nghiệp. Trong quá trình cải tạo hải sản, huyện thành lập xí nghiệp công tư hợp doanh chế biến nước mắm, từng bước mở rộng quốc doanh và tập hợp tổ chức hợp tác lao động được đông đảo các hộ tư nhân hưởng ứng vào làm ăn. Phương thức kinh doanh tư nhân đối với vùng biển đã dần dần xóa bỏ, quan hệ sản xuất mới được thay thế.

Về cải tạo thương nghiệp, Ban Cải tạo công thương nghiệp tư doanh đã tổ chức nhiều lớp học tập cho hàng ngàn người trên toàn địa bàn huyện. Qua cải tạo, huyện đã trưng mua và mua lại hàng hóa của 9 hộ doanh nghiệp lớn, 16 trung thương và mua lại trên 300 hộ nhỏ có các mặt hàng thiết yếu mà Nhà nước quản lý. Qua cải tạo, từ năm 1977, 1978 hệ thống thương nghiệp quốc doanh được mở rộng như: cửa hàng công nghệ phẩm, cửa hàng nông sản thực phẩm, cửa hàng điện máy - chất đốt, cửa hàng hải sản để bán cho các đối tượng hưởng chế độ tem

phiếu; mở các điểm và cửa hàng lương thực phục vụ kịp thời cho nhân dân, các đối tượng chính sách, gia đình thương binh - liệt sĩ, cán bộ, công nhân viên và nhân dân. Tổ chức chi nhánh cửa hàng công nghệ phẩm ở các xã Phan Rí Cửa, Liên Hương, Chợ Lầu [1] ...

Ở cơ sở, hầu hết các xã đồng bằng đều có hợp tác xã mua bán, thu hút 30.600 xã viên, 40.000 cổ phần; củng cố và phát triển một số cửa hàng ăn uống với 75 quầy hàng kinh doanh đều có lãi. Chuyển số hộ không kinh doanh thương nghiệp sang các ngành nghề khác 17 hộ lớn, 250 hộ nhỏ; chuyển sang sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi 235 hộ.

Về cải tạo tiểu thủ công nghiệp, toàn huyện đã tập hợp, tổ chức lại bằng các hình thức xí nghiệp quốc doanh, hợp tác xã, tổ, đội hợp tác lao động. Trong đó, có các cơ sở cơ khí, rèn nông cụ, gò tôn thiếc, gỗ dân dụng, đan lát, đóng thuyền, may mặc, chế biến thực phẩm, làm nước đá, ép dầu phộng, xây dựng, lò gạch, xí nghiệp quốc doanh xác mắm và sản xuất muối Chí Công. Trong đó, Hợp tác xã muối Chí Công sau khi thành lập đã khẩn trương đi vào hoạt

---

(1) *Có 7 mặt hàng định lượng trong tem phiếu là: vải, xà phòng, đường, cá, bột ngọt, chất đốt (dầu lửa).*

động, nhiều năm liền thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất và làm tốt nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Tổ chế biến phân xác mắm đạt 100% kế hoạch. Một số tổ cơ khí sửa chữa và cơ sở đóng thuyền bước đầu có cố gắng đi vào hoạt động, phục vụ sản xuất. Các ngành nghề thợ nề, thợ mộc, thợ may, hớt tóc... từng bước đi vào nề nếp dưới hình thức tổ hợp tác lao động. Tuy nhiên, còn nhiều ngành nghề, khâu sắp xếp tổ chức, quản lý thiếu chặt chẽ nên hiệu quả sản xuất thấp, không phát huy được khả năng hiện có để phục vụ các ngành sản xuất, phục vụ nhu cầu đời sống nhân dân.

Thực hiện chủ trương quốc hữu hóa, huyện đã giao 5 rạp chiếu bóng của tư nhân ở các xã Phan Rí Cửa, Sông Mao, Liên Hương, Chợ Lầu, Lương Sơn cho tỉnh quản lý. Các rạp chiếu bóng, các đội chiếu bóng lưu động của tỉnh hoạt động liên tục ở cơ sở, cùng với phong trào văn nghệ quần chúng đã tích cực phục vụ đời sống tinh thần cho các tầng lớp nhân dân. Thư viện, tủ sách và các cửa hiệu, quầy hàng bán sách thu hút đông đảo người đến xem và mua.

Thực hiện việc cải tạo lực lượng vận tải, huyện thành lập Xí nghiệp quốc doanh và tổ chức Xí nghiệp công tư hợp doanh do Ty Giao thông tỉnh

quản lý. Các xí nghiệp mở đại hội thành lập hợp tác xã vận tải đường bộ. Đồng thời, huyện sắp xếp ổn định các bến bãi, bước đầu phục vụ vận chuyển hàng hoá và đi lại của nhân dân thuận lợi hơn. Huyện đã mở các trạm bán xăng dầu, các cửa hàng ngư lưới cụ, phụ tùng máy cho các hoạt động giao thông vận tải, phục vụ cho đánh bắt hải sản, sản xuất nông nghiệp và các phương tiện hoạt động khác phục vụ nhân dân. Vận động nhân dân tu bổ một số đường nhánh trong huyện. Tuy nhiên, việc quản lý không chặt chẽ, xe chuyên chở quá trọng tải, chở hàng lậu, nâng ép giá đối với hành khách, bố trí bến bãi chưa phù hợp, chưa thuận tiện cho sự đi lại của nhân dân, thiếu xe đi các tuyến đường vùng căn cứ cũ, vùng kinh tế mới, miền núi. Bên cạnh đó, chưa tích cực vận động nhân dân tu bổ, sửa chữa những tuyến đường hư hỏng ở khu trung tâm và xung quanh huyện lỵ.

Nhìn chung, việc cải tạo nông, ngư và công thương nghiệp tư bản tư doanh, thiết lập quan hệ sản xuất mới Xã hội chủ nghĩa, toàn huyện đã giải quyết một bước vấn đề tư liệu ruộng đất, cơ bản xóa bỏ bóc lột của chế độ phong kiến ở nông thôn; tiếp tục cải tạo quan hệ sản xuất ở vùng biển, ngăn chặn và hạn

Hò Bả trạo, nét văn hóa của ngư dân vùng biển Tuy Phong.

chế sự bóc lột của đầu nậu, chủ vựa; giáo dục giác ngộ quyền làm chủ tập thể, đưa nông - ngư dân lao động vào làm ăn theo hướng tập thể: hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, tổ đoàn kết sản xuất... Tuy tỉ lệ còn thấp, hoạt động còn yếu, nhưng huyện đã có được một số kinh nghiệm trong các bước thí điểm, cũng như phát động và tổ chức để tiến tới hoàn thành phong trào hợp tác hóa ở nông thôn và vùng biển, trong thời gian từ năm 1977 đến 1979.

Kết thúc nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ I, huyện Bắc Bình tiến hành Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II, nhiệm kỳ 1979 - 1982, từ ngày 16 đến 18/7/1979 nhằm kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ I, xác định phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ II và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

Đại hội Đảng bộ huyện Bắc Bình lần thứ II đã nhất trí phương hướng, nhiệm vụ chung là: Ra sức xây dựng hệ thống chính trị, động viên toàn Đảng, toàn quân và toàn dân nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Ra sức phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống lao động sáng tạo,

phát huy ba thế mạnh của huyện: nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và tài nguyên phong phú sẵn có nhằm phục vụ đời sống nhân dân, xây dựng cơ sở vật chất cho Chủ nghĩa xã hội. Phát huy ưu điểm và khả năng thuận lợi, nỗ lực khắc phục khuyết điểm và khó khăn tồn tại, tạo ra một khí thế cách mạng sôi nổi, mạnh mẽ trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong huyện, vừa hăng say lao động sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Nỗ lực đẩy mạnh công cuộc cải tạo Xã hội chủ nghĩa và xây dựng Chủ nghĩa xã hội, tổ chức phát triển sản xuất trước mắt là sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là sản xuất lương thực, thực phẩm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và nguồn hàng xuất khẩu, từng bước phát triển công nghiệp - trước mắt là công nghiệp chế biến hàng tiêu dùng, nguyên - vật liệu xây dựng, cơ khí sửa chữa. Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội; xây dựng chế độ mới, con người mới Xã hội chủ nghĩa. Tăng cường xây dựng và củng cố an ninh quốc phòng. Tích cực phát triển xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng vững mạnh nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp góp phần xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, tăng nhanh tiềm lực kinh tế và quốc phòng, đáp ứng yêu cầu tình hình mới.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Huyện ủy có 31 đồng chí (có 2 huyện ủy viên dự khuyết). Ban Chấp hành bầu 9 đồng chí vào Ban Thường vụ Huyện ủy và phân công các đồng chí Mãn Tấn Dũng - Bí thư Huyện ủy, đồng chí Đặng Bá Sang - Phó Bí thư Thường trực Đảng và đồng chí Phạm Trọng Do - Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện.

Đến ngày 5/11/1979, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải quyết định bổ sung đồng chí Ngô Thanh Bình - nguyên Bí thư Huyện ủy Đức Linh vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Bình và chỉ định làm Bí thư Huyện ủy thay thế đồng chí Mãn Tấn Dũng đi nhận nhiệm vụ mới. Sau đó, ngày 18/11/1981, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải chỉ định đồng chí Phạm Trọng Do - Phó Bí thư Huyện ủy làm Bí thư Huyện ủy Bắc Bình thay thế đồng chí Ngô Thanh Bình chuyển về Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy. Đến tháng 01/1982, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải chỉ định đồng chí Bùi Quốc Thắng - nguyên Bí thư Huyện ủy Phú Quý về làm Bí thư Huyện ủy Bắc Bình, đồng chí Phạm Trọng Do làm Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện.

Thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện lần thứ hai, toàn huyện phấn đấu đạt nhiều kết quả. Nổi bật, trong đó sản lượng lương thực năm 1982 đạt trên 33.000 tấn, bình quân lương thực 250kg/đầu người. Diện tích gieo trồng các loại cây công nghiệp ngắn và dài ngày hàng năm tăng đáng kể. Riêng cây bông vải là loại cây chiến lược, phát triển chậm do các biện pháp tổ chức thực hiện chưa tốt.

Để trở thành ngành chính tiến lên cân đối với ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi được giữ vững và phát triển. Đàn bò 15.000 con, phục vụ sức kéo, sản xuất của nhân dân. Đàn heo so với kế hoạch đề ra giảm.

Các hợp tác xã và Ban Nông nghiệp xã tiến hành quy hoạch phân ranh giới đất rẫy, giao cho hợp tác xã quản lý và điều chỉnh đất kinh tế 5% hộ gia đình theo Chỉ thị 07 của Thường vụ Tỉnh ủy, đi đôi với điều chỉnh lại quy mô đội sản xuất cho hợp lý từ 20 đến 25 ha canh tác, có từ 40 đến 45 lao động.

Việc khai hoang có tiến bộ hơn trước, đưa vào sản xuất 460 ha và phục hóa hàng ngàn ha. Đưa dân đi vùng kinh tế mới, đã có 4.200 người lên các xã vùng cao, vượt chỉ tiêu 660 người. Giải quyết một bước thế ổn định ăn, ở và sản xuất, xây dựng một số công trình phúc lợi công cộng.

Hát múa mừng Tết Ramưwan của đồng bào Chăm, huyện Tuy Phong.

Rừng tự nhiên có các loại gỗ quí và đặc sản mang giá trị cao. Một số lớn diện tích có tác dụng phòng hộ và bảo vệ môi trường sống. Toàn huyện đã trồng được 300 ha, nhưng tỉ lệ cây sống chưa đạt yêu cầu. Đã xây dựng được 14 tổ bảo vệ rừng với 110 người. Do hậu quả của chiến tranh, rừng bị tàn phá nghiêm trọng, gây ra hiện tượng sa mạc hóa một số vùng, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Việc giao đất giao rừng cho xã và hợp tác xã quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tổ chức thực hiện còn chậm. Công tác giáo dục ngăn chặn, quản lý và bảo vệ rừng không kịp thời.

Sau năm 1981, thực hiện Chỉ thị 01 về quản lý ruộng đất, Chỉ thị 03 và Chỉ thị 13 của Tỉnh ủy về khoán sản phẩm cho người lao động, toàn huyện đã phát huy tác dụng trong sản xuất. Đã phân công lao động trong 38 hợp tác xã và 11 tập đoàn sản xuất (trong đó có 1 tập đoàn máy kéo quốc doanh của huyện) [1]. Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật về các loại giống lúa mới, các giống mì, bắp mới, đã nâng ruộng từ 1 vụ lên 2 vụ, nâng ruộng 2 vụ lên 3 vụ với năng suất từ 10 - 12 tấn/ha. Qua đó,

(1) *Chỉ thị 100, ngày 18/01/1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về cải tiến công tác khoán đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp.*

nhiều mô hình hợp tác xã, nhiều nhân tố tập thể và cá nhân tiên tiến trong sản xuất ngày càng nhiều. Từ năm 1979 đến cuối năm 1982, toàn huyện đã tổ chức vận động đưa 60% hộ nông dân, 62% nhân khẩu, 66% lao động nông nghiệp, 58% diện tích canh tác và tư liệu sản xuất trâu bò cày kéo, máy cày vào làm ăn theo hướng tập thể Xã hội chủ nghĩa của 38 hợp tác xã và 11 tập đoàn sản xuất.

Từ khi có Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng với nội dung 3 khoán: khoán định mức lao động xếp bậc công việc, khoán tiêu chuẩn tính công và khoán định mức kinh tế- kỹ thuật mới vực dậy tiềm năng đất đai và nông dân có ý thức làm chủ tập thể. Trên cơ sở khoán thành công ở hợp tác xã điểm Thái Hòa và Bình Điền (Liên Hương) huyện chỉ đạo nhân rộng kết quả này cho 25/38 hợp tác xã, 144/212 đội sản xuất thực hiện 3 khoán. Đáng chú ý, một số hợp tác xã, tập đoàn sản xuất tưởng chừng như tan rã, sau khi thực hiện 3 khoán đã được củng cố và đi vào sản xuất tương đối ổn định. Phong trào hợp tác hóa đã củng cố thêm một bước quan hệ sản xuất mới và từng bước đi vào thế ổn định, nhiều hợp tác xã yếu, kém và trung bình có chuyển biến vươn lên. Nhờ củng cố quan hệ sản xuất toàn diện, huyện đã cơ bản giải quyết được vấn đề lương thực.

Ngư nghiệp là một trong những ngành nghề truyền thống của nhân dân trong huyện, có tiềm năng rất lớn. Nhiệm vụ chủ yếu là củng cố phát triển sản xuất đi đôi với công tác cải tạo Xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh khai thác và tổ chức chế biến, phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu. Việc thu mua hải sản năm 1982 đạt 9.500 tấn. Mặc dù số thuyền máy giảm gần 50% và trong đó thuyền không có động cơ chiếm 780 chiếc, nhưng sản lượng thu mua như vậy là một số gắng lớn của ngành hải sản huyện. Toàn huyện có 2 Xí nghiệp quốc doanh và 1 Công ty hợp doanh, trong đó xí nghiệp quốc doanh đầu tư xây dựng thêm cơ sở để phù hợp với quy mô sản xuất. Ngoài ra còn có 61 tổ hợp tác và 135 tổ đoàn kết sản xuất, từng bước đi vào hoạt động có nề nếp.

Đã có 17/38 hợp tác xã nông nghiệp bên cạnh trồng trọt, chăn nuôi, còn tổ chức thêm các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp. Ngoài việc củng cố và phát triển hợp tác xã nghề làm muối đạt chỉ tiêu hàng năm, huyện còn mở thêm một số ngành nghề mới sản xuất công cụ cầm tay và các công cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp như xe bò, máy tuốt lúa, xe cải tiến... Huyện củng cố và kiện toàn các tập đoàn máy kéo nông nghiệp được 56 chiếc, đã tiến hành khoán trực tiếp cho từng công nhân lái máy,

nhằm phát huy được tinh thần làm chủ trong việc bảo quản, sử dụng và phát huy công suất của máy trong sản xuất.

Kết cấu hạ tầng trên địa bàn huyện từ năm 1981 trở về trước hầu như chưa đầu tư được nhiều. Trước thực trạng đó, huyện chỉ đạo củng cố ngành xây dựng để quản lý, phục vụ theo yêu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Với quan điểm "dựa vào sức dân là chính" và phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", huyện định hướng: Tập trung hoàn thiện kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, giáo dục, y tế... Thực hiện chủ trương trên, ngành xây dựng cơ bản có sự cố gắng nhất định, tu bổ và sửa chữa những công trình thủy lợi nhỏ, một số nhà cơ quan, sân vận động, nhà trẻ, đài liệt sĩ, đài truyền thanh, nhà kho, sân phơi của hợp tác xã và trường học... Việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng là một trong những vấn đề trọng tâm cơ bản, góp phần cho tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Ngành giao thông - vận tải, bưu điện đã có nhiều cố gắng trong việc vận chuyển, thông tin liên lạc và xây dựng cơ sở vật chất trên địa bàn huyện. Toàn huyện đã xây dựng 69 km đường liên xã và

163 km đường nội đồng, giao thông các thôn xóm. Hàng năm, Nhà nước đều đầu tư vốn để duy trì bảo dưỡng do Đội công trình giao thông đảm nhận. Đã làm mới được 20 km đường nội huyện, 115 km đường nội đồng liên thôn, liên xóm ở 11 xã. Nhưng các tuyến đường phục vụ yêu cầu kinh tế kết hợp với quốc phòng chưa thực hiện được như: tuyến đường liên xã Bình Thạnh - Liên Hương ... Ngành bưu điện có chú ý đẩy mạnh tốc độ xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động. Từ chỗ cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn, nay đã xây dựng được đường dây điện thoại, bảo đảm thông tin liên lạc cho 16 cơ quan, các xã và một số cơ sở sản xuất. Chế độ thư tín- báo chí được cải tiến, từng bước đáp ứng yêu cầu phục vụ cho lãnh đạo và chỉ đạo.

Hệ thống thương nghiệp quốc doanh toàn huyện đã thành lập được 5 cửa hàng, 14 quầy bán các hàng lương thực, thực phẩm, vật liệu, chất đốt và 20 hợp tác xã mua bán, thu hút 26.730 cổ phần, đóng góp cổ phần được 290.000 đồng. Đây là một sự cố gắng lớn của ngành thương nghiệp trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, hình thức tổ chức kinh doanh nông - lâm - hải sản chuyển biến chậm, nặng chạy theo kinh doanh lợi nhuận và chưa hợp đồng mua

bán, cung ứng vật tư, thu mua những sản phẩm của hợp tác xã và nhân dân. Các cửa hàng thương nghiệp cấp 3 chưa vươn tới nắm hàng, phục vụ sản xuất phục vụ đời sống nhân dân [1].

Về tài chính, đầu năm 1982, tỉnh đã chính thức phân cấp thu chi ngân sách cho huyện để tăng cường khai thác mọi nguồn thu như: thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp, thuế môn bài, thuế buôn chuyến... để giải quyết chi cho ngân sách. Bên cạnh đó, mạng lưới tín dụng phát triển đến nhiều cơ sở, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển như: cho vay thu mua, xây dựng cơ bản, vay phát triển nghề cá, muối chượp, vay phát triển sản xuất chăn nuôi ... Đi đôi với các hoạt động tín dụng, ngân hàng đã tăng cường việc quản lý tiền mặt, đồng thời đẩy mạnh phong trào tiết kiệm trong nội bộ cơ quan, đơn vị và nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh và Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II, hoạt động giáo dục của huyện đã có bước chuyển biến mới. Hệ thống giáo

(1) *Cửa hàng thương nghiệp cấp 1 là trung ương quản lý; cấp 2 là tỉnh - thành phố và cấp 3 là các quận - huyện quản lý.*

dục phổ thông ổn định, cấp III, cấp II và cấp I phát triển nhanh; giáo dục mầm non được giữ vững và từng bước phát triển, toàn huyện có 46 lớp với 1.740 cháu theo học. Tiêu biểu là Nhà trẻ 19/5, trường học đầu tiên của trẻ thơ, nơi chăm sóc, nuôi dạy theo phương pháp mới tạo điều kiện cho các cháu phát triển cả trí, đức, thể, mỹ. Trong 3 năm học, từ năm 1979 đến năm 1982, học sinh cấp III Liên Hương có tỷ lệ 100% tốt nghiệp, được đánh giá là một trường có kết quả tốt nghiệp cao của tỉnh. Song song với các cấp học phổ thông, phong trào bình dân học vụ, xóa mù chữ phát triển mạnh mẽ đều khắp các địa bàn của huyện. Bên cạnh đó, huyện vẫn duy trì các lớp bổ túc văn hóa tập trung để bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cốt cán, cán bộ chủ chốt các ban ngành từ huyện đến xã.

Thi đua hai tốt "dạy tốt và học tốt" trong giáo dục đã trở thành phong trào sôi nổi. Qua phong trào đã xuất hiện nhiều gương điển hình, tiên tiến như Trường cấp II (nay là phổ thông cơ sở) Phan Rí Cửa 3, trường cấp 2 Hòa Minh; trường xếp loại khá: Hòa Phú, Phước Thể và 5 trường mẫu giáo đạt danh hiệu tiên tiến. Đặc biệt có 7 em học sinh đi thi đạt học sinh giỏi toàn quốc, 14 em giỏi cấp tỉnh, 123 em giỏi cấp huyện. Đội tuyển học sinh giỏi của huyện

chủ yếu tập trung thi các môn văn, toán các lớp 5 và 9. Với phương châm "nhà trường, gia đình và xã hội", ngành giáo dục đã vận động nhân dân góp phần xây dựng được 81 phòng học và đóng hàng ngàn bộ bàn ghế mới. Các xã Chí Công, Phước Thể, Phan Rí Cửa... đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện phương châm này.

Hoạt động văn hoá - thông tin phục vụ tuyên truyền kịp thời các nhiệm vụ trọng tâm của huyện, góp phần đẩy lùi văn hoá đồi trụy của Mỹ - ngụy để lại, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới Xã hội chủ nghĩa. Ngoài Đài truyền thanh huyện phát sóng trong bán kính 10 km, còn có 13 đài truyền thanh xã và 39 trạm truyền thanh của hợp tác xã, tạo thành một mạng lưới tuyên truyền tương đối rộng trên địa bàn huyện. Các xã vùng sâu, vùng cao, miền núi, các xã căn cứ kháng chiến ở Hòa Thắng, Phan Sơn, Phan Dũng cũng được trang bị ampli, máy nổ, loa... phục vụ công tác tuyên truyền. Nhiều xã thành lập đội văn nghệ ở các thôn như: Phan Rí Cửa, Liên Hương... đã tổ chức nhiều đêm biểu diễn phục vụ nhân dân.

Cửa hàng phát hành sách, thư viện, các rạp chiếu bóng, các đội thông tin, văn nghệ lưu động hằng năm đều có kế hoạch đưa chủ trương, chính

sách và ánh sáng văn hóa của Đảng về phục vụ cơ sở. Các hoạt động thể dục, thể thao không ngừng phát triển, huyện thường xuyên tổ chức giao hữu với các địa phương trong và ngoài tỉnh. Hoạt động của 20 đội bóng đá và các môn bóng chuyền, bóng bàn, điền kinh trong huyện đi dần theo hướng phong trào quần chúng thể thao khá rõ nét.

Toàn huyện có 1 bệnh viện, 2 phòng khám khu vực và 24/28 xã có trạm y tế. Đối với huyện, sau khi được tổ chức quốc tế UNICEF viện trợ đầu tư xây dựng bệnh viện và hoàn thành vào cuối năm 1979, Bệnh viện từ Phan Rí Cửa chuyển về Chợ Lầu hoạt động. Năm 1980, các khoa phòng bệnh viện huyện được trang bị các thiết bị y tế đồng bộ, đảm bảo chất lượng, khám điều trị cấp cứu đạt kết quả cao. Việc khám chữa bệnh đi dần vào nề nếp. Cùng với chữa trị bệnh bằng phương pháp tây y, ta còn chú trọng chữa bệnh theo phương pháp đông y, nên trong bệnh viện huyện có 10 giường chẩn trị đông y. Một số xã như Phước Thể, Phan Rí Cửa v.v... có Tổ chẩn trị y học dân tộc. Bên cạnh đó, công tác vệ sinh phòng dịch, cải tạo môi trường có tiến bộ hơn. Các công trình vệ sinh được quan tâm xây dựng. Hàng năm, huyện tổ chức tiêm phòng dịch bệnh cho từ 60-80% dân số, kịp thời dập tắt các vụ dịch tả, dịch sốt xuất huyết.

Toàn huyện có 1.100 mộ liệt sĩ được xác minh (tính đến cuối năm 1982), đã quy tập được 440 hài cốt liệt sĩ về nghĩa trang tỉnh. Trong 3 năm đã nhận thêm 390 hài cốt liệt sĩ, trong đó có 40 liệt sĩ hy sinh cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc và phía Tây Nam. Với đạo lý "uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây", hàng năm huyện chủ trương giúp đỡ về tinh thần và vật chất cho thân nhân liệt sĩ, thương binh, cán bộ hưu trí, mất sức và cố gắng giải quyết về chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho số bộ đội nghĩa vụ mau chóng ổn định đời sống, khi hoàn thành phục viên, xuất ngũ trở về quê hương. Bên cạnh đó, huyện đã hoàn thành phân loại 13 xã với hơn 100 người già cả, cô đơn để thực hiện chính sách xã hội.

Công tác an ninh đã có chuyển biến, sự tin tưởng của đồng bào Chăm và các dân tộc thiểu số miền núi đối với cách mạng được nâng lên rõ nét. Ở vùng biển, các xã Phan Rí Cửa, Liên Hương, Bình Thạnh, Chí Công... đã phát hiện và bắt 80% số vụ vượt biển ra nước ngoài. Tháng 01/1982, ta bắt một tổ chức phản động của địch gồm 37 tên, do Giang Long Quang - nguyên Quận phó, tỉnh Tuyên Đức (tỉnh Lâm Đồng ngày nay) cầm đầu "Đảng Cộng hòa phục quốc". Sau khi tổ chức này bị bắt, tình hình an ninh chính trị trong

huyện ổn định hơn. Năm 1979, một tàu của Trung Quốc xâm nhập vào lãnh hải, du kích xã Bình Thạnh cảnh giác cao đã truy bắt được chúng.

Hoạt động quốc phòng toàn dân được huyện tập trung lãnh đạo toàn diện. Đã xây dựng và từng bước củng cố phương án tác chiến phòng thủ tại chỗ, hình thành 7 cụm chiến đấu liên hoàn trên các tuyến biển, vùng giáp ranh và những địa bàn xung yếu trong huyện. Ngoài việc làm trong sạch địa bàn, các phương án bố phòng chống bạo loạn cũng được huyện thường xuyên bổ sung phù hợp tình hình, nhiệm vụ mới, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống có thể xảy ra. Với tinh thần hăng hái, toàn huyện đã có 1.500 thanh niên lên đường làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. Đặc biệt, đầu năm 1979, đáp lời Tổng động viên của Chủ tịch Nước và Lời kêu gọi của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, với lòng căm thù giặc sâu sắc và tinh thần chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội trên quê hương, đất nước, hơn 200 lượt thanh niên tình nguyện vào quân đội, đi làm nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế tại chiến trường Campuchia. Tiêu biểu cho thời điểm ấy, 25 học sinh các trường cấp III Phan Lý, Hòa Đa, Tuy Phong và

thanh niên các xã trong huyện đã viết đơn tình nguyện vào bộ đội, có em đã tự cắt tay lấy máu viết đơn (trong đó có 4 nữ sinh, nhưng lúc này chưa có chủ trương nhận nữ vào bộ đội). Còn ở hậu phương, khí thế cách mạng không ngừng dấy lên mạnh mẽ, nhất là các mẹ, các chị cùng những lá thư của người thân, bạn bè gởi ra chiến trường nhằm động viên tinh thần chiến đấu, lập công xuất sắc của cán bộ và chiến sĩ ngoài tiền tuyến.

Giữa năm 1979, Tiểu đoàn tình nguyện của tỉnh huấn luyện tại Sông Mao, do đồng chí Nguyễn Văn Mạnh làm Tiểu đoàn trưởng sang Campuchia làm nghĩa vụ quốc tế. Trong đó, lực lượng của huyện có 2 đại đội bộ binh, 1 tiểu đội trinh sát và tổ công binh đã sung vào tiểu đoàn tình nguyện của tỉnh đi chiến đấu tại Campuchia, nên đến năm 1981, chỉ còn 1 đại đội làm nhiệm vụ trong huyện. Đến tháng 3/1983, lực lượng còn lại được rút về tỉnh, nên huyện chỉ còn 1 tiểu đội trinh sát, tập trung cho việc huấn luyện quân sự địa phương.

Gắn liền với sự phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng của huyện, vấn đề xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức đã có những tiến bộ mới. Đại bộ phận đảng viên thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy và nghị

Lễ đón nhận danh hiệu
Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân
huyện Tuy Phong.

quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II. Vào cuối năm 1979, Ban Bí thư Trung ương có Chỉ thị 72 và Thư của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thuyết phục số đảng viên do tuổi cao, sức yếu và năng lực kém nên thôi tham gia sinh hoạt Đảng. Tuy nhiên, năm 1980, Đảng bộ huyện Bắc Bình triển khai, chỉ có một số xã thực hiện. Vì thực tế, các đồng chí đảng viên lớn tuổi, trước đã tham gia kháng chiến, nay về nghỉ chính sách tham gia góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương. Qua đánh giá, đa số đảng viên có nhận thức và làm đúng các quan điểm của Đảng, giữ vững lập trường của giai cấp công nhân, nêu cao tính tiền phong gương mẫu trong suy nghĩ, hành động và tác phong sinh hoạt của người đảng viên Cộng sản. Từ đó, tư tưởng của đa số đảng viên được kiên định trong đấu tranh, cải tạo và xây dựng Chủ nghĩa xã hội, gắn bó hơn đối với phong trào quần chúng cơ sở, xác định trách nhiệm, nâng cao năng lực, tăng cường đoàn kết để cùng nhau xây dựng Đảng bộ vững mạnh. Đặc biệt, ở cơ sở nhiều đảng viên về nghỉ chính sách, bộ đội phục viên dù tuổi cao sức yếu, nhưng vẫn khắc phục vượt qua và tiếp tục đảm nhiệm công tác tại cơ sở, để xây dựng phong trào. Đa số đảng viên luôn luôn biết tự rèn luyện và chấp hành tốt kỷ luật của Đảng, sống trong sạch, giản dị và được quần chúng nhân dân tín nhiệm.

Tuy nhiên, vẫn còn một số cán bộ, đảng viên chưa thông suốt chủ trương, đường lối của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới. Tư tưởng hoài nghi vào khả năng tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nên còn một bộ phận cán bộ, đảng viên còn chần chừ, do dự, nhất là trên lĩnh vực cải tạo nông nghiệp, ngư nghiệp, công thương nghiệp. Một trong những nguyên nhân chủ yếu gây ra những khuyết điểm, đó là Đảng bộ huyện chưa đẩy mạnh phê bình và tự phê bình, đó là nguyên tắc, là quy luật phát triển của Đảng.

Triển khai bước 1 các Chỉ thị 04, 55, Nghị quyết 32 của Ban Bí thư Trung ương và các hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương về đánh giá phân loại chất lượng đảng viên và xem xét đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Tháng 5/1982, Đảng bộ huyện đã rà soát, đánh giá chất lượng 884 đảng viên trong huyện (có 807 đảng viên chính thức và 77 đảng viên dự bị), 247 đảng viên nữ đều đạt yêu cầu. Qua đó, số đảng viên từ 30 tuổi trở xuống chiếm 30%, kết nạp mới 157 đảng viên (trong đó có 20 đảng viên thuộc dân tộc thiểu số), 140 đảng viên còn độ tuổi tham gia đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Cảng biển thị trấn Phan Rí Cửa.

Qua 3 năm xây dựng và củng cố tổ chức, toàn huyện có 7 đảng bộ và 52 chi bộ cơ sở (không tính chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở), trong đó có 4 chi bộ dân tộc Chăm, 2 chi bộ dân tộc Nùng và 3 chi bộ dân tộc ở các xã vùng cao, miền núi.

Thực hiện chính sách đại đoàn kết các dân tộc và tôn giáo, Mặt trận huyện xây dựng khối đoàn kết trong các thành viên nhằm phát huy truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, trong Mặt trận tuyên truyền xây dựng nếp sống mới, con người mới, bài trừ mê tín dị đoan, tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, cùng nhau giữ vững an ninh chính trị và từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Các đoàn thể trong khối Mặt trận đã làm hết sức mình để tập hợp lực lượng quần chúng vào nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước yêu cầu nhiệm vụ mới, Đoàn Thanh niên phát huy vai trò "Ba xung kích làm chủ tập thể", gắn nội dung hoạt động của Đoàn với nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đoàn đã kết nạp được 872 thanh niên, nâng tổng số đoàn viên toàn huyện lên 2.085, sinh hoạt

trong 67 cơ sở Đoàn và 37/38 hợp tác xã nông nghiệp có tổ chức Đoàn. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện còn giới thiệu đoàn viên là đối tượng Đảng và 85 đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng.

Sau khi triển khai Nghị quyết 17 của Trung ương Hội và phong trào "Người Phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", phong trào phụ nữ huyện Bắc Bình từng bước chuyển biến về nhận thức tư tưởng và tổ chức. Đã có 80% phụ nữ nông thôn vào làm ăn tập thể; phát triển được 320 đảng viên nữ, đạt 37% tổng số đảng viên trong toàn huyện. Có một số chị em phụ nữ đảm nhiệm cương vị chủ chốt ở các ban, ngành, đoàn thể huyện và cơ sở. Thông qua hoạt động, Hội đã phát huy được tác dụng thu hút phụ nữ vào các phong trào sản xuất, chăn nuôi, làm phân xanh, làm thủy lợi nhỏ, tiết kiệm... Ngoài ra, Hội còn mở nhiều đợt tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, chính trị cho cán bộ và hội viên.

Thông qua các hoạt động, Hội Nông dân tập thể đã làm cho giai cấp nông dân ngày càng xác định rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong cuộc cách mạng quan hệ sản xuất mới Xã hội chủ nghĩa và từng bước phát huy quyền làm chủ tập thể của nông dân,

lao động. Hội đã xác định được nhiệm vụ trung tâm là đẩy mạnh phát triển sản xuất, thực hiện các biện pháp thâm canh, tăng năng suất. Vận động nông dân hóa giá tư liệu sản xuất, thực hiện đúng 3 lợi ích trong ăn chia phân phối và học tập áp dụng nội dung khoán sản phẩm trong phong trào hợp tác hóa [1]. Với 7.470 hội viên, Hội Nông dân đã làm nòng cốt trong phong trào vận động nông dân tham gia cải tạo và xây dựng quan hệ sản xuất mới ở nông thôn.

Tổ chức Công đoàn bao gồm công nhân viên chức trong các đơn vị hành chánh, sự nghiệp và trong các xí nghiệp, trạm, trại, cho nên hoạt động Công đoàn chủ yếu là đẩy mạnh phong trào thi đua Xã hội chủ nghĩa, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, từng bước giảm bớt khó khăn về đời sống của cán bộ, công nhân viên. Trong các xí nghiệp, trạm trại, nông- lâm trường, Công đoàn gắn liền nội dung hoạt động vào việc tham gia quản lý kinh tế, sử dụng tốt lực lượng lao động, khắc phục khó khăn về thiếu nguyên vật liệu để sản xuất, làm ra nhiều sản phẩm có giá trị kinh tế cao cho xã hội.

---

(1) *Ba lợi ích là: Nhà nước, tập thể và người lao động.*

Như vậy, sau hơn 7 năm (2/1976 - 6/1983) sáp nhập huyện, thành lập huyện Bắc Bình, nhân dân các xã thuộc Tuy Phong đã góp phần cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới Xã hội chủ nghĩa bước đầu đạt được nhiều kết quả tích cực, đã đưa đại bộ phận lao động nông nghiệp, ngư nghiệp vào làm ăn tập thể. Các công tác y tế, giáo dục, xã hội được cải thiện một bước giải quyết đời sống tinh thần cho nhân dân. Cơ sở hạ tầng giao thông, nhà xưởng, trạm, trường học được xây dựng tại các xã, thôn, làm cho bộ mặt nông thôn đổi mới hơn trước. Hệ thống chính trị ngày được củng cố và an ninh - quốc phòng được giữ vững.

Tuy nhiên, hơn 7 năm qua cũng còn nhiều tồn tại, đó là: cán bộ ở xa về huyện làm việc gặp nhiều khó khăn về đời sống, phương tiện đi lại không thuận lợi, đã ảnh hưởng đến chất lượng công việc. Đầu tư cơ sở hạ tầng không đồng bộ, từ đó có ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân trên địa bàn Tuy Phong cũ. Nên nhiệm vụ đặt ra cho thời gian tới phải giải quyết những tồn tại, để phát triển đi lên.

Chương III

HUYỆN TUY PHONG TRONG NHỮNG NGÀY ĐẦU TÁI LẬP, TIẾP TỤC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

(6/1983 - 9/1986)

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Bắc Bình lần thứ III (từ ngày 19/01 đến ngày 24/01/1983) kiểm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ II, đề ra phương hướng nhiệm kỳ III và bầu Ban Chấp hành khóa III (1983 -1986) có 35 đồng chí, Ban Thường vụ có 9 đồng chí. Trong đó, đồng chí Bùi Quốc Thắng - Bí thư Huyện ủy, đồng chí Đặng Bá Sang làm Phó Bí thư - Thường trực Đảng và đồng chí Phạm Trọng Do, Phó Bí thư - Chủ tịch UBND huyện. Thực tế tình hình của nhiều huyện sau hơn 7 năm sáp nhập, có những mặt thành công nhưng cũng còn nhiều mặt tồn tại. Nhất là phát huy sức mạnh của nhân dân, khả năng của từng vùng, miền vào việc phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh trật tự còn

gặp nhiều khó khăn. Để khắc phục tình hình đó, việc phân chia lại địa giới một số huyện là cần thiết nhằm tạo điều kiện cho mỗi huyện phát huy lợi thế về tài nguyên môi trường, tài nguyên biển và tài nguyên đất nên Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh đã đề nghị Hội đồng Bộ trưởng, Quốc hội xem xét vấn đề này. Do đó, ngày 30/12/1982 Hội đồng Bộ trưởng có Quyết định số 204-HĐBT về việc phân định ranh giới một số huyện và thị xã thuộc tỉnh Thuận Hải [1]. Trong đó, huyện Bắc Bình được phân chia thành hai huyện: huyện Tuy Phong và huyện Bắc Bình mới. Ranh giới huyện Bắc Bình và Tuy Phong được phân định, lấy cầu Nam, trên tuyến quốc lộ 1A ở Phan Rí Cửa, phía Nam là huyện Bắc Bình, phía Bắc là huyện Tuy Phong.

Tuy Phong là một huyện phía Bắc tỉnh Bình Thuận, phía Đông Bắc giáp tỉnh Ninh Thuận, phía Tây Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Nam giáp huyện Bắc Bình và phía Đông giáp Biển Đông. Diện tích 806km^2 (số liệu Cục Thống kê 1989), dân số 100.368 người). Toàn huyện có 7 dân tộc anh em: Kinh, Chăm, Tày, Hoa, Rắc lây, Nùng, K'ho.

---

(1) *Tỉnh Thuận Hải chia các huyện Bắc Bình, Hàm Thuận và Đức Linh thành 6 huyện: Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Đức Linh và Tánh Linh.*

Đồng chí Trần Thị Xuân Lâm,
Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy
(từ tháng 4/1983 đến tháng 8/1984).

Đồng chí Phạm Trọng Do,
Phó Bí thư - Chủ tịch UBND huyện
(từ tháng 4/1983 đến tháng 2/1985),
Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
(từ tháng 4/1988 đến tháng 11/1991)
và Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy
(từ tháng 11/1991 đến năm 1999).

Huyện Tuy Phong sau khi tái lập có 10 xã, thị trấn: Chí Công, Hòa Phú, Phan Rí Cửa, Hòa Minh, Bình Thạnh, Liên Hương, Phước Thể, Vĩnh Hảo, Phú Lạc và Phan Dũng. Đến năm 1985 thành lập thêm xã Phong Phú (năm 2005, xã Vĩnh Hảo tách thêm xã Vĩnh Tân).

Địa hình huyện Tuy Phong có 3 vùng: đồi núi, đồng bằng và ven biển. Cơ cấu kinh tế của huyện là hải sản, lâm nghiệp, nông nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Trong đó, ngành đánh bắt hải sản là một thế mạnh của huyện và cũng là của tỉnh lúc bấy giờ.

Về Đảng, ngày 25/4/1983, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải có quyết định chuẩn y Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện Tuy Phong, gồm 20 ủy viên chính thức. Ban Thường vụ Huyện ủy có 6 đồng chí. Đồng chí Trần Thị Xuân Lâm - Tỉnh ủy viên được chỉ định làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Phạm Trọng Do - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện và đồng chí Nguyễn Văn Hương- Ủy viên Thường vụ, trực Đảng. Đồng thời, chỉ định bổ sung các đồng chí Khiêu Sinh, Nguyễn Thanh Bình, Mã Điền Cư, Đào Xuân Sinh vào Ban Chấp hành Huyện ủy.

Tháng 8/1984, đồng chí Trần Thị Xuân Lâm - Bí thư Huyện ủy đi học lớp Cao cấp chính trị Trường Nguyễn Ái Quốc tại Hà Nội, đồng chí Nguyễn Văn

Hương - Thường trực Đảng được chỉ định làm Quyền Bí thư. Tiếp đó các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy là Bùi Công Khanh chuyển về Bắc, đồng chí Nguyễn Sơn chuyển về Công an tỉnh và tháng 02/1985, đồng chí Phạm Trọng Do - Chủ tịch UBND huyện được tỉnh điều làm Phó Đoàn chuyên gia giúp bạn ở tỉnh Phrết-vi-hia (Campuchia). Huyện ủy bầu bổ sung các đồng chí Huỳnh Tấn Thành, Mai Thị Ngọc Mai vào Ban Thường vụ Huyện ủy và phân công đồng chí Huỳnh Tấn Thành làm Quyền Chủ tịch UBND huyện, đồng chí Mai Thị Ngọc Mai làm Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy. Đồng thời, Huyện ủy chỉ định các đồng chí: Hàn Đắc Thuận, Nguyễn Đức Hạnh, Phạm Hữu Đông và Võ Hồng vào Ban Chấp hành Huyện ủy. Sau đó, đồng chí Nguyễn Trường Sanh được bổ sung vào Ban Thường vụ, được chỉ định làm Thường trực Đảng.

Về chính quyền, ngày 30/5/1983, Hội nghị Hội đồng Nhân dân huyện Bắc Bình khóa III đã tiến hành kỳ họp thứ 6. Trong Hội nghị Hội đồng Nhân dân huyện, đã thông báo Quyết định số 204/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, Chỉ thị 12 của UBND tỉnh và Luật tổ chức Hội đồng Nhân dân về việc chia tách huyện Bắc Bình và phân chia đại biểu Hội đồng Nhân dân huyện Bắc Bình (mới) có 30 đại biểu, Hội đồng Nhân dân huyện Tuy Phong có 33 đại biểu. Hai

huyện Bắc Bình và Tuy Phong chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/6/1983.

Đối với huyện Tuy Phong, tại Quyết định số 689/UB-TH và số 692/UB-TH, ngày 27/5/1983 của UBND tỉnh Thuận Hải đã chỉ định UBND lâm thời huyện Tuy Phong có 13 đồng chí, gồm 1 chủ tịch, 4 phó chủ tịch, 1 ủy viên thư ký và 6 ủy viên UBND huyện. Đồng chí Phạm Trọng Do làm Chủ tịch UBND huyện, 4 đồng chí: Huỳnh Tấn Thành, Đào Xuân Nay, Nguyễn Viết Quang, Nguyễn Thanh Bình làm Phó Chủ tịch UBND huyện, đồng chí Đào Xuân Sinh làm ủy viên thư ký. Đến năm 1984, đồng chí Hàn Đắc Thuận làm Phó Chủ tịch UBND huyện thay đồng chí Nguyễn Thanh Bình. Tháng 02/1985, đồng chí Phạm Trọng Do được tỉnh phân công đi làm chuyên gia giúp Campuchia, đồng chí Huỳnh Tấn Thành được UBND tỉnh quyết định làm Quyền Chủ tịch UBND huyện và đồng chí Nguyễn Hồ Nam - Ủy viên thường trực, làm Ủy viên thư ký UBND huyện.

Sau khi tái lập huyện Tuy Phong (6/1983), Đảng bộ huyện tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng bộ huyện Bắc Bình cũ đề ra và hàng năm có bổ sung kế hoạch, chỉ tiêu cho phù hợp với thực tế của địa phương.

Trong giai đoạn này, Đảng bộ và nhân dân Tuy Phong gặp vô vàn khó khăn về cơ sở vật chất và cán bộ; một số cơ quan huyện chưa có trụ sở riêng phải làm việc trong nhà dân. Để ổn định và đi vào hoạt động, theo quyết định của tỉnh, huyện Tuy Phong lấy xã Liên Hương làm trung tâm huyện lỵ (ngày 28/11/1983 Liên Hương chuyển lên thị trấn [1]), đồng thời hình thành các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể huyện và củng cố cấp ủy các xã [2].

---

(1) *Ngày 28/11/1983, Hội đồng Bộ trưởng có Quyết định số 140 về việc vạch lại địa giới hành chính một số xã thuộc tỉnh Thuận Hải. Trong điểm 1, điều 1 của quyết định là giải thể xã Liên Hương để thành lập thị trấn Liên Hương: hướng Đông giáp biển, hướng Tây giáp xã Phú Lạc, hướng Nam giáp xã Bình Thạnh và hướng Bắc giáp xã Phước Thể.*

(2) *Cơ quan khối Đảng lúc này gồm có: Văn phòng, Ban Tổ chức, Ủy ban kiểm tra, Ban Tuyên giáo; đoàn thể có Mặt trận, Phụ nữ, Nông dân, Đoàn Thanh niên, Công đoàn. Cán bộ các Ban của khối Đảng có 2 đến 3 đồng chí, đoàn thể có 1 đến 2 đồng chí.*

Cơ quan UBND huyện có: Văn phòng, Phòng Tổ chức chính quyền, Phòng Nông nghiệp, Phòng Tài chính, Phòng Giao thông, Phòng Y tế, Phòng Giáo dục, Phòng Thông tin Văn hoá, Phòng Thương nghiệp, Phòng Hải sản, Quân sự, Công an, Thanh tra Nhà nước.

Các cơ sở kinh tế có: Cửa hàng thương nghiệp cấp III (công ty thương nghiệp tổng hợp), nhà máy sút sôđa, nhà máy nước đá, xí nghiệp thuốc lá, tổ sản xuất phân bón (ở Liên Hương), Hợp tác xã cơ khí, Hợp tác xã mì sợi, Hợp tác xã mộc, chiếu buông, tổ sản xuất may tre, đan, tổ hợp tác may mặc (Phan Rí Cửa, Liên Hương) và Hợp tác xã muối Chí Công, hợp tác xã mua bán các xã.

Hệ thống cung cấp nước sinh hoạt sau khi tái lập huyện (tháng 6/1983).

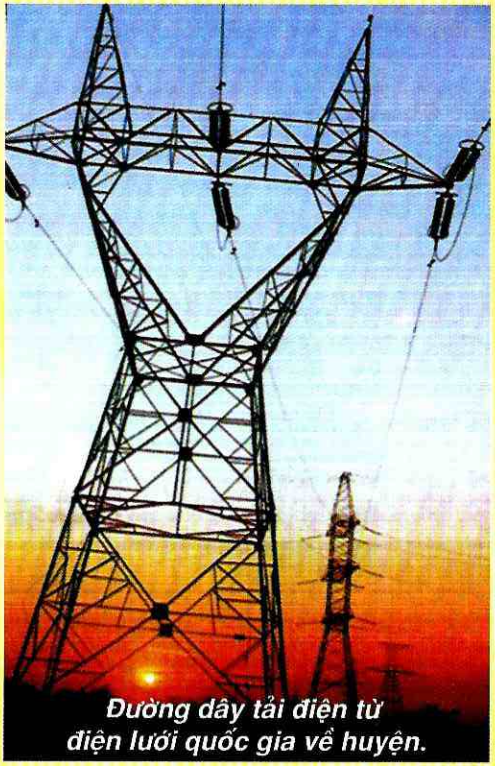

Đường dây tải điện từ điện lưới quốc gia về huyện.

Huyện ủy quyết định thành lập 31 chi- đảng bộ cơ sở, gồm có tổ chức Đảng thị trấn và 10 xã, 11 cơ quan hành chính sự nghiệp, 6 trạm - xí nghiệp, công ty thương nghiệp 1 và 2 chi bộ công an, quân sự huyện.

Vừa tập trung củng cố tổ chức, cấp ủy và chính quyền huyện Tuy Phong vừa chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế. Tháng 5/1983, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết 01 về việc tiếp tục hoàn thành hợp tác hóa và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất mới Xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp nhằm thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (1981) và Thường vụ Huyện ủy ra Nghị quyết 05 triển khai nhiệm vụ này. Đến năm 1985, Huyện ủy sơ kết đánh giá việc thực hiện Chỉ thị 01 của Tỉnh ủy.

Với nỗ lực phấn đấu khắc phục các khó khăn, Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể đã củng cố, xây dựng con đường làm ăn tập thể. Đến năm 1985, toàn huyện có 19 hợp tác xã và 15 tập đoàn sản xuất [1]. Toàn huyện có 5 xã đã căn bản hoàn thành

(1) *4 tập đoàn sản xuất xã Phú Lạc chuyển thành 2 hợp tác xã; 3 tập đoàn sản xuất thị trấn Liên Hương thành 1 hợp tác xã; huyện thành lập hợp tác xã Hội Tâm (Hoà Minh) và thành lập thêm 8 tập đoàn sản xuất ở Vĩnh Hảo, 1 ở Phú Lạc và 2 ở Liên Hương. Toàn huyện có 10.202 lao động nông nghiệp. Cán bộ quản lý các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã có 337 người (241 người thuộc hợp tác xã).*

phong trào hợp tác hóa nông nghiệp là xã Phước Thể đạt 100%; các xã Hòa Minh, Phú Lạc, Liên Hương, Vĩnh Hảo đạt trên 90%. Đến năm 1985, đã có 2.817 hộ, 17.168 khẩu với 6.295 lao động vào làm ăn tập thể [1]. Ngành hải sản căn bản ngư dân đã vào hợp tác xã, chỉ trừ số thuyền có công suất 10 CV trở xuống chủ trương của huyện không đưa vào hợp tác xã.

Về cơ sở vật chất các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất từ sau khi tái lập huyện có hợp tác xã Long Điền xây dựng thêm nhà kho, sân phơi, chuồng chăn nuôi bò. Đến năm 1984, hợp tác xã Long Điền, Long Hương và Phước Thể xây dựng 3 đường giao thông nội đồng và hợp tác xã Long Điền xây dựng nhà trẻ, nhà làm việc cho hợp tác xã.

Về diện tích đất sản xuất, toàn huyện có 3.885 ha, trong đó đất ruộng chiếm 2.026 ha. Trong số diện tích chung đó, hợp tác xã và tập đoàn sản xuất quản lý 2.259 ha. Huyện xác định các loại đất và vùng sản xuất đất tập trung. Các hợp tác xã Long Điền, Long Hương, Phước Thể tiến hành làm bờ vùng, nạo vét mương tạo giao thông nội đồng tạo thuận lợi cho

---

(1) *Theo báo cáo số 06-BC/HU, ngày 06/12/1985 của Huyện ủy Tuy Phong còn 844 hộ, 4.719 khẩu, 4.007 lao động và 1.626 ha diện tích canh tác chưa vào làm ăn tập thể.*

nông dân đi sản xuất. Đến năm 1985, diện tích trồng cây lương thực đạt 2.913 ha; diện tích trồng cây màu 450 ha và 684 ha cây thuốc lá.

Sử dụng sức kéo phục vụ sản xuất lúc này chủ yếu là dùng bò để cày kéo, trong tập thể có 1.494/2.424 con trong tổng số bò cày kéo toàn huyện. Các hợp tác xã đã tiến hành hóa giá bò phục vụ cho sản xuất tập thể, nhiều nhất là các hợp tác xã ở Phú Lạc, Hòa Minh, Vĩnh Hảo và Long Điền (Liên Hương). Máy kéo phục vụ sản xuất toàn huyện có 20 chiếc. Tuy nhiên khó khăn của máy kéo là xăng dầu hạn chế, đã ảnh hưởng đến hoạt động cày đất cho sản xuất.

Cùng với phục vụ cho sản xuất, việc chăn nuôi gia súc, gia cầm trong huyện đạt khá. Năm 1985, đàn trâu có 184 con, đàn bò 6.211 con và đàn heo 2.961 con. Có sự tăng trưởng chăn nuôi là huyện có chủ trương khuyến khích các hợp tác xã phát triển đàn gia súc tập thể và hộ gia đình, đẩy mạnh nuôi heo, nuôi gia cầm để phục vụ đời sống, cung cấp thực phẩm cho xã hội.

Thực hiện Chỉ thị 100 của Trung ương Đảng, Nghị quyết 154 của Hội đồng Bộ trưởng và Chỉ thị 01 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết 05 của

Huyện ủy việc đổi mới quản lý sản xuất trong nông nghiệp, các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất ở huyện Tuy Phong tiến hành khoán sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp và trồng thuốc lá. Trong đó, một số hợp tác xã, tập đoàn sản xuất khoán một số khâu trong sản xuất. Điển hình là hợp tác xã Bình Điền khoán khâu làm đất, giống, phân vô cơ, bảo vệ thực vật, thủy lợi và quản lý thu hoạch. Các hợp tác xã Lạc Trị 1, 2 và tập đoàn sản xuất 3, 4 xã Phú Lạc khoán cho xã viên khâu làm đất tập thể, quản lý chặt chẽ trâu bò và thủy lợi. Trong đó, tập đoàn sản xuất 3, 4 (Phú Lạc) bảo đảm khâu giống và quản lý chặt sản phẩm. Các tập đoàn sản xuất ở Vĩnh Hảo mới thành lập nhưng đã khoán các khâu làm đất, giống, cây con và quản lý trong việc trồng cây công nghiệp (thuốc lá). Bên cạnh đó, huyện còn chỉ đạo Phòng Nông nghiệp liên hệ với các đơn vị làm đất của tỉnh đóng ở Ninh Phước vào làm dịch vụ cày đất, khi đến mùa sản xuất.

Về lâm nghiệp, sau khi tái lập huyện, cấp ủy quan tâm chỉ đạo trồng rừng tập trung được 21.000 cây, trên diện tích 5 ha. Trong đó, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về việc trồng đào lấy hạt là một lợi thế về kinh tế, nên huyện đã tập trung chỉ đạo trồng ở Bầu Đá và dốc Hồi Long (Chí Công), Vĩnh Hảo...

Để trồng đào đạt kết quả, Tỉnh ủy giao cho Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh làm nòng cốt tổ chức thực hiện. Tỉnh đoàn huy động thanh niên các địa phương tham gia trồng đào trên địa bàn. Thanh niên huyện Tuy Phong cùng với công nhân, viên chức trong huyện tham gia. Tuy nhiên, do thực hiện trồng đào đại trà vào vùng đất không có nước nên, kết quả cây sống và phát triển không nhiều.

Do khí hậu ở Tuy Phong nắng, nóng, khô hạn nên từ năm 1984, cùng với trồng đào, huyện cũng đã chú ý đến phương pháp trồng cây phi lao chắn cát ven biển, song kết quả trồng đạt thấp. Rút kinh nghiệm từ thất bại năm 1984, cùng với kết quả nghiên cứu của Kỹ sư Lâm Công Định về trồng cây trên vùng đất khô hạn, từ năm 1985 đến năm 1987, việc trồng cây trên cát đã thành công. Các năm 1985, trồng rừng tiếp tục thực hiện đạt kết quả cao. Năm 1985, ngoài việc ươm cây giống để trồng rừng tập trung, các hợp tác xã còn huy động lực lượng dân quân trồng hơn 11 nghìn cây dọc trục giao thông, trong đó các xã Phú Lạc, Bình Thạnh, Liên Hương trồng đạt kết quả khá. Đây là một thành tích nổi bật của Đảng bộ và nhân dân Tuy Phong, góp phần khai thác vùng đất hoang hóa, mở rộng diện tích sản xuất và tăng thêm độ che phủ cho đất.

Công tác bảo vệ rừng cũng được chú ý. Những năm 1983, 1984 việc bảo vệ rừng do trạm kiểm lâm huyện quản lý, bảo vệ 61.360 ha rừng tập trung (trong đó có 189 ha rừng trồng). Từ năm 1985, 1986, công tác bảo vệ rừng còn áp dụng nhiều hình thức đa dạng hơn huy động các địa phương có rừng tham gia thực hiện.

Huyện Tuy Phong là một địa phương có ngành hải sản phát triển của tỉnh. Chỉ trong 6 tháng đầu năm 1983, toàn huyện đã đánh bắt đạt hơn 30.050 tấn. Đây là năm có sản lượng đánh bắt khá nhất. Do lượng cá đánh bắt nhiều, huyện thu mua về không đủ nơi chế biến, lãnh đạo UBND tỉnh đã chỉ đạo cho huyện thuê nhà dân để muối chượp bảo quản cá. Để đánh giá kết quả đánh bắt hải sản vừa qua, huyện tổ chức hội nghị sơ kết nghề cá, đánh giá và tìm biện pháp tiếp tục phát triển đánh bắt hải sản, tổ chức khâu chế biến cho kịp thời và ra quân đánh bắt cá đợt mới. Vào đêm 11/9 âm lịch cơn bão số 9 đổ bộ vào Tuy Phong. Với sức gió cấp 11, 12, cơn bão số 9 đã làm hư hại 355 thuyền (chiếm 26,8% số thuyền toàn huyện hiện có). Cơn bão đã làm chết 113 người (chủ yếu là các xã ven biển) và 172 người bị mất phương tiện lao động.

Sau cơn bão, huyện thành lập Ban chỉ đạo, triển khai vớt xác người chết và ghe thuyền bị chìm. Tỉnh cũng điều các thuyền có công suất lớn từ Phan Thiết ra cùng huyện khắc phục hậu quả cơn bão. Trong khi đó, ngư dân xã Quảng Lợi, huyện Mộ Đức, tỉnh Nghĩa Bình (nay là tỉnh Quảng Ngãi) cũng đang đánh cá trên ngư trường Thuận Hải đã đổ cá xuống biển cứu hộ hơn 500 ngư dân của Tuy Phong bị bão đánh chìm trên biển, đưa vào hòn Lao Câu an toàn.

Thiệt hại do bão số 9 gây ra ở Tuy Phong rất to lớn. Nhưng nhân dân Tuy Phong đã được nhân dân trong tỉnh và các tỉnh bạn ủng hộ, giúp đỡ khắc phục hậu quả, trở lại cuộc sống bình thường và đi vào sản xuất. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng đã vào thăm, chỉ đạo huyện, tỉnh tập trung ổn định đời sống và sản xuất cho nhân dân, đồng thời cho xây dựng nhà trẻ Bông Sen ở Liên Hương, với quy mô lớn nhất tỉnh lúc bấy giờ để các cháu có nơi học tập.

Sau cơn bão, một mặt huyện cử một đoàn cán bộ ra cảm ơn nhân dân xã Quảng Lợi, huyện Mộ Đức đã không quản ngại khó khăn, giúp đỡ nhân dân Tuy Phong trong cơn hoạn nạn, mặt khác huyện chỉ đạo

tập trung khắc phục trong ngành thủy sản để tạo điều kiện phát triển cho những năm sau. Đến năm 1985, khai thác, vượt kế hoạch đề ra. Trong đó, cá, mực sản lượng đánh bắt đều tăng gấp 2, 3 lần so với năm 1982. Số thuyền đóng mới tăng 164 chiếc so với năm 1982 (1.013 chiếc) và có 400 chiếc có động cơ 56 CV.

Từ năm 1983, ngành hải sản huyện đã thực hiện khoán trong đánh bắt. Các hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất đã tiến hành thực hiện hợp đồng kinh tế với Nhà nước, ký kết hợp đồng thu mua hải sản hai chiều. Ngư dân giao nộp số lượng hải sản ký kết và nhận nhiên liệu, lương thực, các trang thiết bị đi biển. Sản lượng khai thác vượt hợp đồng được Nhà nước thu mua giá cao, tạo cho người dân phấn khởi. Đến năm 1985, thực hiện chủ trương củng cố ngành hải sản có 31 tổ hợp tác sản xuất ở Liên Hương sắp xếp lại còn 25 tổ. Sản lượng hải sản khai thác tăng, ngoài việc nộp cho tỉnh, huyện còn đưa cá lên các tỉnh Tây Nguyên, đổi gỗ về đóng thuyền mới và vào Nam Bộ đổi gạo, về bán cho nhân dân.

Ngành giao thông - vận tải huyện thành lập một hợp tác làm nhiệm vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa. Đến năm 1986, ngoài việc đầu tư tăng thêm số lượng xe, ngành đẩy mạnh tu sửa các loại

đường, nhất là trong nông thôn để phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân. Còn bưu điện huyện từ năm 1983, đã có 10/10 xã thành lập tổ bưu tá, bảo đảm chuyển công văn, giấy tờ thông suốt. Tuy nhiên, máy điện thoại chưa phát triển, năm 1983 chỉ lắp đặt được 15 máy với tổng chiều dài dây tải 45 km. Đến năm 1985, toàn huyện lắp đặt thêm 5 tổng đài, đưa tổng số máy điện thoại toàn huyện lên 92 máy. Với điều kiện vật chất còn khó khăn, dưới sự chỉ đạo của cấp ủy, cán bộ ngành giao thông-vận tải huyện đã tập trung đầu tư xây dựng, đảm bảo các điều kiện vật chất cần thiết phục vụ cho sản xuất, đời sống và bảo vệ Tổ quốc.

Phân phối - lưu thông là một nhiệm vụ hết sức khó khăn do nguồn hàng phân phối của trên về không kịp, không đủ số lượng và chất lượng nhiều mặt hàng không đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng. Việc thu mua, huy động các nguồn tại địa phương giao nộp cho Nhà nước cũng gặp không ít khó khăn. Năm 1983, huyện xây dựng thêm kho lương thực, thành lập Công ty Thương nghiệp, Công ty Thuốc lá... Trong đó, huy động lương thực nhập kho Nhà nước được 524 tấn. Việc thu mua các loại thực phẩm như bò, heo, cá đạt khá. Thu mua thuốc lá (loại cây

công nghiệp chủ lực lúc này) cũng đạt khá (năm 1983 đạt 30.784 tấn). Ngoài ra, muối mắm hàng năm đều đạt khá, nên giao nộp cho trên đạt kế hoạch. Sau khi các mặt hàng nông, hải sản thu mua ở địa phương nộp cho Công ty Thương nghiệp tỉnh được đối lưu lại hàng hóa và số dư trên kế hoạch, được tỉnh thanh toán hàng theo giá cao, bán ngoài định lượng cho nhân dân.

Từ khi thực hiện khoán sản xuất trong nông nghiệp, việc thu mua hàng hóa cho Nhà nước thực hiện theo hợp đồng hai chiều và đóng thuế nghĩa vụ cho Nhà nước. Sản phẩm còn lại của người lao động, họ tự quyết định bán giá cao nên hệ thống thương mại, hợp tác xã mua bán chưa đủ điều kiện tiền - hàng để đáp ứng đòi hỏi của nhân dân. Trong hoàn cảnh đó, công tác quản lý thị trường được huyện quan tâm chỉ đạo. Tuy nhiên, công tác quản lý thị trường còn gặp rất nhiều khó khăn, trong đó có phần các ngành phối hợp chưa đồng bộ. Việc ký kết hợp đồng mua hàng tận gốc không kịp thời, bị tư thương tranh mua, tranh bán gây khó khăn cho việc thu mua. Mạng lưới thương nghiệp chậm mở rộng và thiếu năng động trong việc nắm nguồn hàng, nên chưa vươn lên làm chủ thị trường.

Sau khi tái lập lại huyện Tuy Phong, công tác văn hóa, xã hội trong các năm 1983, 1984, 1985 gặp rất nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, phương tiện và cán bộ thực hiện. Tuy nhiên, với nỗ lực của từng ngành và sự chỉ đạo kịp thời của cấp ủy, hoạt động văn hóa, xã hội đạt nhiều kết quả.

Trong ngành giáo dục, còn thiếu trường, thiếu lớp, thiếu giáo viên nhưng đã tiếp nhận 11.484 học sinh phổ thông, 519 cháu mẫu giáo và 157 cháu vào nhà trẻ. Để nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ và thanh niên, năm 1983, huyện mở Trường bổ túc văn hoá tập trung ở xã Bình Thạnh, đến năm 1989 mới giải thể. Trong giảng dạy, các trường hưởng ứng phong trào thi đua hai tốt: "dạy tốt và học tốt" của Bộ Giáo dục đề ra và tiếp tục duy trì, phát huy trong những năm học sau. Năm học 1983, Phòng Giáo dục tổ chức 1 lớp bồi dưỡng học sinh giỏi để tham gia thi ở cấp tỉnh. Đến năm học 1984 - 1985, thực hiện chương trình cải cách giáo dục, cải tiến và nâng cao chất lượng dạy và học. Học sinh thi cuối cấp phổ thông (kể cả bổ túc văn hóa) trong năm học 1984-1985 đạt tỉ lệ cao như các xã Chí Công, Bình Thạnh, Phước Thể. Để có cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục- đào tạo trong huyện, lãnh đạo huyện chủ trương dùng vốn ngoại tệ trong xuất khẩu thủy sản để mua

xi măng, sắt thép, v.v... về xây dựng, sửa chữa các trường học. Đây là một sự cố gắng của địa phương.

Từ năm học 1983-1984 và 1984-1985 huyện đưa nhiều học sinh tốt nghiệp cấp III đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự đi đào tạo các ngành nghề để sau này về phục vụ phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội ở địa phương. Trong điều kiện thu ngân sách còn hạn chế, nhưng huyện vẫn thực hiện chính sách đãi ngộ cho người đi học, đã trợ cấp tiền ăn, học cho số sinh viên đang theo học Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh. Cùng với tổ chức học văn hóa cho cán bộ, khuyến khích động viên sinh viên đại học, huyện còn quan tâm cử cán bộ đi đào tạo các trường, nhất là Trường Nguyễn Ái Quốc III ở Đà Nẵng, để nâng cao nhận thức lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, làm nòng cốt trong lãnh đạo và thực hiện quan điểm của Đảng ở địa phương. Mặt khác, huyện liên hệ với các trường đại học, vận động các sinh viên người địa phương, sau khi ra trường về phục vụ công cuộc xây dựng quê hương.

Cũng như các ngành khác, ngành y tế sau khi chia tách huyện còn thiếu cơ sở vật chất và cán bộ chuyên môn. Ngoài việc khắc phục các khó khăn vốn có, ngành tiếp tục thực hiện các chương trình

phòng chống dịch bệnh, chữa trị bệnh cho nhân dân. Năm 1985, ngành tiếp tục thực hiện 3 công trình vệ sinh phòng bệnh (hố xí 2 ngăn, giếng nước và nhà tắm). Tuy nhiên, trong y tế chất lượng khám và điều trị bệnh chưa cao, cơ sở y tế tuyến huyện và xã còn yếu, thiếu các trang thiết bị chữa bệnh cho nhân dân. Từ năm 1985, công tác sinh đẻ có kế hoạch và công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em bước đầu đạt kết quả. Huyện còn cử y sĩ các ngành chuyên môn đi học bác sĩ để nâng tay nghề về phục vụ khám chữa bệnh cho nhân dân.

Công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và phát động đời sống văn hóa của ngành thông tin cũng có bước phát triển hơn trước. Thời gian trước năm 1984, phương tiện nghe nhìn chưa phát triển nhưng hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao và loa truyền thanh đã phục vụ tốt cho nhân dân. Từ năm 1985 trở đi, các phương tiện nghe - nhìn đã bắt đầu phát triển, tạo thuận lợi cho hoạt động thông tin, tuyên truyền. Đợt hội diễn nghệ thuật quần chúng năm 1985 tổ chức ở Phan Thiết, văn nghệ quần chúng của huyện tham gia đạt nhiều giải có thứ hạng cao. Mặt khác, sau khi chia tách huyện, đài phát thanh huyện được xây dựng mới ở Liên Hương, phục vụ truyền thanh trên địa bàn thị trấn.

Tuy Phong là một địa bàn trọng yếu về an ninh của tỉnh, vừa có tuyến ven biển, vừa có rừng núi tiếp giáp với các tỉnh bạn nên tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội rất phức tạp. Dù nhiệm vụ rất nặng nề nhưng để bảo đảm an ninh - quốc phòng, Huyện ủy chỉ đạo lực lượng vũ trang địa phương phối hợp với lực lượng an ninh tỉnh truy quét, bảo vệ vùng Phan Dũng, giáp giới tỉnh Lâm Đồng và chống bọn móc nối ở tuyến biển để đưa người đi nước ngoài trái phép. Trong đó, tuyến miền núi phối hợp 3 lực lượng quân sự, công an, dân quân tự vệ nên giữ gìn được an ninh chính trị, bảo đảm cuộc sống, lao động cho nhân dân. Ở tuyến biển, ngoài việc duy trì phát động quần chúng tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, ta đã phá nhiều vụ móc nối vượt biển, ngăn chặn được tài liệu phản động tán phát vào nội địa. Đặc biệt, vào tháng 12/1984, toán biệt kích có 3 tên, do tên Sinh, nguyên là lính D23 Ngụy trước đây vượt biên dẫn đầu, dùng ca nô từ tàu lớn ngoài biển, có phương tiện liên lạc đột nhập vào đảo Lao Câu, sau đó đột nhập vào Núi Tào xã Phước Thể. Được nhân dân báo tin, Công an tỉnh về phối hợp cùng với lực lượng của huyện và dân quân du kích xã bắt được 3 tên, thu vũ khí và tài liệu, phương tiện liên lạc của chúng chuyển về

tỉnh. Còn trong nội địa, công tác bảo đảm an ninh cho nhân dân diễn ra trong hoàn cảnh rất phức tạp trong một số cơ quan và ngoài xã hội. Với trách nhiệm cao, công tác an ninh đã phát hiện được nhiều vụ trộm cắp. Năm 1983, đã khám phá nhiều vụ trộm cắp, xâm hại tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản riêng của công dân, bắt 34 đối tượng. Điển hình như trong 6 tháng đầu năm 1985, đã khám phá kịp thời vụ trộm cắp tài sản của cơ quan ở Công ty Thương nghiệp cấp III, Trạm Thủy sản Liên Hương, Cửa hàng dược.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện còn chỉ đạo xây dựng dân quân tự vệ, bảo đảm chỉ tiêu tuyển quân cho nên hàng năm có các đợt tuyển quân, chất lượng và số lượng thanh niên trúng tuyển năm sau cao hơn năm trước. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt trên 6% so với dân số. Ngoài ra, còn tập huấn công tác quân sự địa phương cho các xã đội hàng năm đạt kết quả. Như năm 1985, tổ chức diễn tập chuyển sang trạng thái sẵn sàng chiến đấu, huyện lấy Vĩnh Hảo, Liên Hương làm điểm, đã đạt kết quả cao theo tình huống đề ra.

Công tác xây dựng Đảng cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức từ sau khi tái lập huyện đến năm

1985, được đẩy mạnh. Về chính trị, tư tưởng, ngoài việc triển khai quán triệt sâu rộng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (1982), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Đại hội Đảng bộ huyện năm 1983 cho đảng viên và nhân dân, Huyện ủy còn triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, an ninh- quốc phòng do các ngành, các cơ quan cấp trên đề ra đạt nhiều kết quả tích cực.

Về công tác tổ chức, ngoài việc phát triển đảng viên mới, các tổ chức cơ sở Đảng còn thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, phê bình và tự phê bình, đấu tranh kịp thời những hành vi sai trái của đảng viên, qua đó đã không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu đảng viên trong toàn Đảng bộ [1]. Năm 1983, toàn huyện có 31 tổ chức cơ sở Đảng và đến năm 1985 phát triển lên 34 tổ chức cơ sở Đảng (tách 2 chi bộ thành 4 chi bộ). Hàng năm, Huyện ủy đều tổ chức xem xét, đánh giá, phân loại chi - đảng bộ.

Mặt trận và các đoàn thể chính trị, xã hội của quần chúng ngày càng được củng cố. Chủ trương của

---

(1) *Năm 1985 khai trừ 2, xóa tên 4, cách chức 1 và cảnh cáo 4 đảng viên.*

Huyện ủy là phát huy tốt đội ngũ cán bộ, như năm 1984, đồng chí Nguyễn Quán ở Phan Rí Cửa được bổ sung vào Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, góp phần vào việc điều hành hoạt động của khối Mặt trận - đoàn thể phát triển hơn. Đến năm 1985, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 42 cơ sở, với 1.300 đoàn viên. Các đoàn thể phụ nữ, nông dân tập thể có cơ sở hội trong 10 xã, thị trấn và công đoàn có 21 cơ sở. Hội viên các đoàn thể quần chúng và Mặt trận là lực lượng hăng hái tham gia vào hoạt động phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh- quốc phòng cũng như xây dựng chính quyền, Đảng, đoàn thể đạt nhiều kết quả.

Như vậy, từ khi tái lập huyện (6/1983) đến cuối năm 1985, Tuy Phong là một địa phương gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, chịu sự tàn phá nặng nề của thiên tai; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ tham mưu các cấp vừa thiếu vừa yếu. Bên cạnh đó, Tuy Phong còn là một trong những địa bàn phức tạp về tình hình an ninh trật tự của tỉnh. Tuy nhiên, với nỗ lực của cấp ủy huyện, sau gần 3 năm sau khi tái lập, Đảng bộ huyện Tuy Phong từng bước khắc phục khó khăn để xây dựng nền kinh tế địa phương phát triển nhiều mặt. Trong đó, ngành hải sản phát

triển mạnh mẽ so với trước đây; cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Mặt khác, trong hoàn cảnh khó khăn nhưng Đảng bộ cũng đã chú ý đến nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ các ngành, các cấp, mạnh dạn cử cán bộ đi học chuyên môn, lý luận để tạo nguồn cán bộ lâu dài.

Đến năm 1985 là 10 năm kể từ ngày quê hương được giải phóng, nhân dân Tuy Phong dưới sự lãnh đạo của Đảng đã vững bước đi lên, vừa khắc phục hậu quả chiến tranh, vừa cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, đưa nhân dân lên con đường làm ăn tập thể. Mười năm qua tuy còn một số hạn chế, nhưng với nỗ lực và quyết tâm cao, nhân dân trong huyện đã tạo ra những giá trị về đạo đức, lối sống vì mọi người và xây dựng được những kết quả nhất định về cơ sở vật chất ban đầu cho chủ nghĩa xã hội ở quê hương. Tuy nhiên, 10 năm qua, phát triển kinh tế trong cơ chế bao cấp, nên còn những hạn chế cho sự phát triển. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội xây dựng chưa nhiều. Một số cán bộ xã và hợp tác xã chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Tuy Phong
lần thứ I, nhiệm kỳ 1986 - 1989.

Chương IV

ĐẢNG BỘ HUYỆN TUY PHONG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU ĐỔI MỚI

(1986 - 1991)

Tình hình quốc tế nói chung, tình hình trong nước và trong tỉnh nói riêng từ sau ngày đất nước được giải phóng đến 1985 đã trải qua 10 năm có nhiều thuận lợi, nhưng cũng không ít khó khăn. Thuận lợi là Đảng ta đề ra nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển kinh tế, xã hội, qua đó tiếp tục giữ vững an ninh và quốc phòng, bảo vệ tổ quốc. Trong tỉnh, cơ bản nhân dân ta đi vào làm ăn tập thể, cơ sở vật chất chủ nghĩa xã hội đã hình thành từng bước. Trong huyện, cũng đã ổn định tình hình từ sau khi tái lập, từng bước đi vào công cuộc xây dựng và phát triển. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng cũng rất nhiều, đã tạo áp lực mới trong sự nghiệp xây dựng và

phát triển của địa phương. Nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa V) về cải tiến giá - lương - tiền (1985) đã có tác động không tốt đến sản xuất, đời sống của người lao động.

Trước khi tiến hành Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, các cơ sở Đảng tiến hành góp ý kiến vào Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội Đảng lần thứ VI về phương hướng đổi mới của Đảng ta. Vì vậy, thực hiện Chỉ thị số 40, ngày 11/3/1986 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đại hội Đảng các cấp, sau khi 32/34 cơ sở Đảng trong Đảng bộ huyện đã tổ chức đại hội, từ ngày 23 đến 25/9/1986 Đảng bộ huyện Tuy Phong tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ nhất.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Tuy Phong lần thứ nhất có nhiệm vụ kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh-quốc phòng và xây dựng Đảng từ sau khi tách huyện (tháng 6/1983), đề ra Nghị quyết nhiệm kỳ 1986-1989 [1]. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa I có 37 ủy viên (trong đó có 4 ủy viên dự khuyết). Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ có 11 đồng chí [2].

---

(1) *Trước năm 1990, các kỳ đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ 2 năm rưỡi.*

(2) *Theo Quyết định số 271-QĐ/TV ngày 4/10/1986 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.*

Đồng chí Nguyễn Văn Hương,
quyền Bí thư Huyện ủy (từ tháng 9/1986)
Bí thư Huyện ủy (từ tháng 9/1986),
Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy
(từ tháng 5/1988 đến tháng 11/1991).

Đồng chí Huỳnh Tấn Thành,
quyền Chủ tịch UBND huyện
(từ tháng 2/1985),
Phó Bí thư - Chủ tịch UBND huyện
(từ tháng 9/1986 đến tháng 3/1996).

Đồng chí Nguyễn Văn Hương được bầu làm Bí thư; đồng chí Nguyễn Trường Sanh - Phó Bí thư trực Đảng; đồng chí Huỳnh Tấn Thành làm Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện.

Ủy ban nhân dân huyện do đồng chí Huỳnh Tấn Thành làm Chủ tịch, các đồng chí Phạm Dũng, Nguyễn Tấn Công, Hàn Đắc Thuận và Đào Xuân Nay làm Phó Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Hồ Nam làm Ủy viên thư ký. Đến tháng 2/1988, đồng chí Hàn Đắc Thuận đi học Trường chính trị cao cấp, đồng chí Đào Xuân Nay chuyển công tác, các đồng chí Võ Kỳ Tập và đồng chí Nguyễn Hoàng Thái Vinh thay làm Phó Chủ tịch UBND huyện; đồng chí Nguyễn Hồ Nam đi học, đồng chí Hồ Ba thay làm Ủy viên thư ký UBND huyện. Đồng thời, giữa năm 1988 Tỉnh ủy quyết định bổ sung các đồng chí Trần Minh Hùng và Nguyễn Đức Hạnh vào Ban Thường vụ Huyện ủy.

Đến tháng 4/1987, đồng chí Nguyễn Trường Sanh được tỉnh cử đi công tác Campuchia và đồng chí Phạm Trọng Do từ Campuchia trở về, tháng 8/1988, được Thường vụ Tỉnh ủy quyết định bổ sung vào Ban Thường vụ huyện ủy làm Phó Bí thư trực Đảng.

Sau khi tiếp thu Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Đảng bộ Tuy Phong đã tiến hành tổ chức quán triệt đường lối đổi mới của Đảng cho cán bộ, đảng viên và tuyên truyền trong nhân dân [1]. Trong đó, nhiệm vụ kinh tế là thực hiện mục tiêu 3 chương trình kinh tế lớn "lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu". Đối với Đảng bộ huyện Tuy Phong, nhiệm vụ trọng tâm là chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, đảm bảo chỉ tiêu đạt từ 13.000 đến 15.000 tấn lương thực, tập trung khai thác hải sản, chủ yếu là tôm, mực... để xuất khẩu.

Dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa I, từ năm 1986 đến đầu năm 1989, Đảng bộ huyện Tuy Phong đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng và công tác xây dựng Đảng, Chính quyền, Mặt trận và đoàn thể ở địa phương.

Về thủy sản, huyện đã phát triển nghề cá nhân dân, từng bước củng cố các đơn vị kinh tế tập thể, vừa khuyến khích kinh tế tư nhân, cá thể đóng

---

(1) *Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã nhấn mạnh: Đảng phải đổi mới nhiều mặt; đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác.*

thuyền có công suất trên 10CV - 45CV. Đồng thời, trong điều lệ hợp tác xã nghề cá có sự thay đổi là các thuyền đánh bắt hải sản đạt khá, nộp khấu hao cho hợp tác xã và những thuyền làm ăn thua lỗ, được ban chủ nhiệm hợp tác xã cho mượn tiền khấu hao để sửa chữa, không phải vay mượn bên ngoài, nên ngư dân rất phấn khởi. Mặt khác, số thuyền nộp đủ khấu hao được quyền đóng thêm thuyền mới và do hợp tác xã quản lý. Để tự chủ trong đánh bắt hải sản, huyện chủ trương cho phép tài công được lựa chọn lao động, nhờ đó các thuyền làm ăn tốt hơn. Từ năng lực đánh bắt và sản lượng khai thác tăng khá, nghề khai thác cá tầng, cá đáy và hàng xuất khẩu được chú trọng. Các chỉ tiêu chính của ngành hải sản đều đạt và vượt kế hoạch, trong đó đánh bắt đạt 23.000 tấn; chế biến nước mắm tăng. Trong thời gian này, huyện thành lập Công ty Thủy sản để làm nhiệm vụ chế biến hải sản. Đến năm 1988, 1989, huyện triển khai nuôi trồng hải sản ở Vĩnh Hảo. Nhờ hải sản phát triển nên huyện tổ chức đổi hàng 2 chiều, mang hải sản vào các tỉnh Nam bộ đổi gạo, lên Tây Nguyên đổi gỗ để xây dựng cơ bản. Nhìn chung, việc đầu tư cho ngành kinh tế mũi nhọn hải sản là đúng mức, có nhiều bước sáng tạo, đổi mới nên đã tạo ra động lực, kéo theo sự phát triển một số lĩnh vực khác.

Trong nông nghiệp, sản lượng lúa, thuốc lá đạt và vượt kế hoạch đề ra. Trong đó, cây thuốc lá ở Vĩnh Hảo đã trở thành nguyên liệu của tỉnh, cung ứng cho địa phương và liên doanh liên kết với Thành phố Hồ Chí Minh trong chế biến. Cung ứng dịch vụ và áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật cho sản xuất có cố gắng. Ứng dụng khoán mới trong nông nghiệp được chỉ đạo kịp thời. Đàn gia súc có sừng được giữ vững, như đàn bò năm 1985 có 6.211 con, đến năm 1988 lên 8.119 con. Kênh mương nội đồng, hệ thống thủy lợi nhỏ có chú ý xây dựng và tu sửa thường xuyên, kịp thời nên đã tăng năng lực tưới; công tác quản lý thủy nông có nhiều cố gắng đã góp phần cho phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Công tác trồng rừng và chăm sóc rừng có nhiều cố gắng. Giao đất, giao rừng cho hộ nông dân đã được triển khai, bước đầu có hiệu quả. Đặc biệt, là trồng rừng trên đồi cát ven biển thời gian này đạt kết quả.

Về hàng tiêu dùng, có phát triển một số mặt hàng địa phương như xà phòng, sô đa... nhưng do một số cơ sở sản xuất còn gặp khó khăn về nguyên liệu, chất lượng sản phẩm còn kém, giá thành cao, ảnh hưởng đến phát triển sản xuất. Còn hàng xuất khẩu

đạt khá, chủ yếu là tôm, mực, giá trị xuất khẩu đạt 1,3 triệu USD là một kết quả cao lúc bấy giờ, bình quân đầu người 14,4USD. Chính nhờ xuất khẩu tăng đã góp phần vào phát triển kinh tế, cũng như xây dựng cơ sở hạ tầng cho địa phương.

Hoạt động thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán do cơ chế bao cấp trong phân phối, lưu thông nên gặp khó khăn về nguồn hàng. Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới, hàng hóa được mở rộng. Các loại sản phẩm thiết yếu đáp ứng được một phần nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Tuy nhiên, một vài hợp tác xã mua bán kinh doanh còn nhiều lúng túng, liên doanh liên kết chưa mạnh, nhất là với các thành phần kinh tế khác.

Ngành Tài chính huyện có nhiều cố gắng, cân đối được thu chi ngân sách, đáp ứng được nhu cầu chi thường xuyên và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất. Ngân hàng mạnh dạn đầu tư cho các ngành sản xuất vật chất, nhất là ngành hải sản, từng bước quản lý và cân đối được tiền mặt để phục vụ nhu cầu chung của huyện.

Về kết cấu hạ tầng, từ năm 1984 huyện đã có quy hoạch xây dựng, từ đó tập trung đầu tư vốn cho

các công trình điện cho thị trấn Liên Hương. Tuy nhiên, do vật tư khó khăn nên đến năm 1987 mới thành lập ban quản lý điện và kéo điện về thị trấn. Do ngành điện chưa phát triển, gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng trụ điện nên việc sửa chữa hệ thống đường dây và trụ điện phải thực hiện thường xuyên. Các năm sau, huyện tiếp tục đầu tư, kéo điện về một số xã như Vĩnh Hảo, Phước Thể, Hòa Minh v.v.... Mặt khác, huyện đã đầu tư vốn cho việc xây dựng hệ thống thủy lợi, cơ sở sản xuất và một số công trình phúc lợi, xã hội khác. Cùng với xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân, huyện còn chỉ đạo xây dựng hệ thống nước sinh hoạt cho thị trấn Liên Hương, xây dựng nhà máy xay xát 8 - 10 tấn/ngày, xây dựng xí nghiệp chế biến thuốc lá, xây dựng hai nhà máy nước đá ở Liên Hương và Phan Rí Cửa, v.v... Riêng xây dựng công trình nước sinh hoạt cho thị trấn Liên Hương lúc bấy giờ gặp rất nhiều khó khăn về vốn, ngoại tệ để nhập máy móc thiết bị. Nhưng, với nỗ lực của lãnh đạo huyện, của thị trấn và Công ty cấp nước Miền Nam, do đồng chí Võ Quang Ba - người con của Tuy Phong, Bí thư Huyện ủy trong kháng chiến chống Pháp - đã giúp đỡ; sau một thời gian thi công, nhân dân thị trấn Liên Hương đã có nước sạch để

dùng. Bên cạnh đó, huyện còn phối hợp với Xí nghiệp Thương binh Nam Ngãi ở Quảng Nam - Đà Nẵng xây dựng Nhà hát nhân dân huyện. Cũng qua liên kết, liên doanh, huyện có điều kiện xây dựng nhiều cơ sở hạ tầng. Để có vật tư xây dựng, huyện đã dùng sản phẩm của ngành hải sản trao đổi hàng hóa với các ngành trong và ngoài tỉnh, đưa về phục vụ cho địa phương. Lúc này việc liên doanh, liên kết, hợp tác với các đơn vị kinh tế trong và ngoài huyện là mặt mạnh nhất của huyện, nhờ đó đã góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội huyện Tuy Phong phát triển.

Đầu tư xây dựng giao thông trong huyện, trong đó chủ yếu là giao thông nội huyện, tập trung nhất là cho Liên Hương và Phan Rí Cửa. Từ đó, năng lực vận tải trong huyện phát triển, nhất là vận tải hàng hóa. Vận tải hành khách đường dài có mở thêm tuyến mới, nhưng tuyến nội huyện còn hạn chế, đường nội huyện nhiều nơi đầu tư sửa chữa không kịp, ngày càng xuống cấp.

Như vậy, trong nhiệm kỳ Đại hội I, (1986 - 1989) Đảng bộ Tuy Phong chuyển sang thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị theo hướng đổi

mới. Các ngành kinh tế như thủy sản, nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp đã có các thành phần kinh tế như kinh tế tập thể, quốc doanh và kinh tế ngoài quốc doanh có điều kiện phát triển, đầu tư vốn vào sản xuất, kinh doanh. Lực lượng sản xuất của huyện từng bước phát triển, trình độ quản lý được nâng lên, quy mô sản xuất bước đầu được xác định đúng đắn. Trong thời kỳ đầu đổi mới, cơ chế kinh tế, các đơn vị kinh tế quốc doanh, các đơn vị tập thể chậm củng cố. Sự phối hợp giữa các thành phần kinh tế, trước hết là giữa quốc doanh và tập thể chưa chặt chẽ. Từ cơ chế kinh tế tập trung bao cấp chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, các đơn vị kinh tế đã chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh, bộ máy quản lý tinh giảm dần, chức năng quản lý từng bước được phân công trách nhiệm rõ ràng. Tuy nhiên, công tác quản lý của Nhà nước về kinh tế có những mặt còn can thiệp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công tác giáo dục, học sinh phổ thông, mẫu giáo, nhà trẻ, bổ túc văn hóa ... đều tăng về số lượng. Cơ sở vật chất, điều kiện giảng dạy, đời sống giáo viên được quan tâm hơn, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn. Việc giáo dục học sinh kết hợp giữa nhà trường chưa gắn liền với gia đình và xã hội.

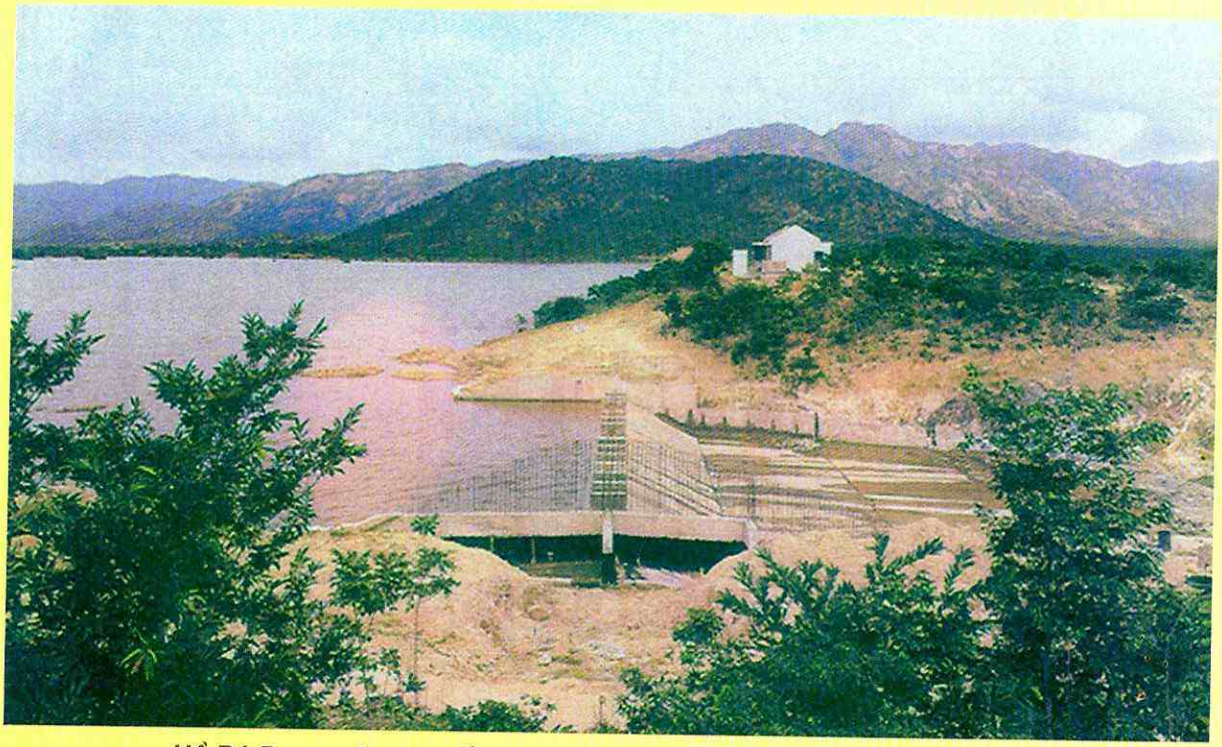

Hồ Đá Bạc, nơi cung cấp nước tưới cho cánh đồng lúa xã Vĩnh Hảo.

Chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được chú ý, ngăn chặn kịp thời các dịch bệnh xảy ra. Thực hiện tốt hơn phương châm "đông, tây y kết hợp". Đội ngũ cán bộ y, dược được tăng cường. Cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ khám và điều trị được bổ sung. Tuy nhiên, công tác vệ sinh môi trường còn yếu kém, các bệnh xã hội như lao, phong chưa được ngăn chặn; tuyến y tế xã gặp nhiều khó khăn, chậm được củng cố.

Về công tác văn hóa thông tin - xã hội huyện đã tập trung tuyên truyền về kế hoạch hóa gia đình, nên tỉ lệ phát triển dân số là 1,9% (mục tiêu 2%). Giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là đưa nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới Cây Cà có nhiều cố gắng. Vùng kinh tế mới bước đầu được ổn định.

Hoạt động văn hóa có phát triển, phần lớn các xã có nhà kho hợp tác xã vừa là nơi hội họp, vừa là nơi sinh hoạt văn hóa, mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân tăng hơn. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác thông tin tuyên truyền có phát triển. Huyện xây dựng Nhà hát 17/4 tại thị trấn Liên Hương, làm nơi phục vụ hội diễn nghệ thuật và chiếu phim phục vụ nhân dân. Công tác thông tin

tuyên truyền chưa đáp ứng kịp thời với yêu cầu đổi mới. Nhiều xã, thị trấn trong huyện quản lý phương tiện văn hóa nhất là nội dung phim video còn lỏng lẻo; đời sống tinh thần, hưởng thụ văn hóa ở các vùng hẻo lánh và miền núi còn ít.

Chính sách xã hội được quan tâm hơn. Tình hình sản xuất phát triển chưa cao, mức sống của nhân dân nhìn chung còn nhiều khó khăn. Hàng năm, huyện đều xem xét đề nghị lên Sở Thương binh và Xã hội những cá nhân đủ tiêu chuẩn hưởng chế độ chính sách theo qui định của Nhà nước. Tuy nhiên, việc giải quyết chính sách chế độ cho các đối tượng chưa kịp thời.

Công tác quân sự địa phương trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ được củng cố về chất lượng; công tác gọi thanh niên nhập ngũ và diễn tập hàng năm đạt khá. Việc phối kết hợp giữa lực lượng quân sự địa phương với công an, các đồn biên phòng ở Vĩnh Hảo, Phan Rí Cửa và các ngành nội chính trong huyện chặt chẽ nên giữ được an ninh chính trị, an toàn tuyến núi, tuyến biển. Từ năm 1985, theo kế hoạch chung, huyện đã xây dựng tuyến phòng thủ ven biển khu vực Vĩnh Hảo (nay là xã Vĩnh Tân và Vĩnh Hảo). Công tác đấu tranh chống xâm phạm tài

sản xã hội chủ nghĩa và phạm pháp hình sự có nhiều chuyển biến tiến bộ. Tuy nhiên, phong trào đấu tranh lập lại trật tự kinh tế- xã hội chưa thật sự quyết liệt, do đó các tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng. Công tác hậu phương quân đội và xử lý quân nhân đào ngũ còn yếu.

Về phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, huyện đã quán triệt quan điểm "lấy dân làm gốc" của Đảng; thông qua hệ thống công tác của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, huyện thường xuyên quan tâm chỉ đạo. Nổi bật nhất của công tác quần chúng thời kỳ này là vận động nhân dân lập "Quỹ bảo thọ", chăm sóc sức khỏe cho người lớn tuổi. Qua các phong trào, đã tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội. Quần chúng nhân dân tin tưởng, yên tâm và mạnh dạn đóng góp, tham gia xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế- xã hội. Các đoàn thể được củng cố, từng bước cải tiến phương thức hoạt động. Phong trào hành động cách mạng của quần chúng được dấy lên mạnh mẽ qua các đợt vận động lớn, nhân các ngày lễ lớn của đất nước. Tuy vậy, công tác vận động quần chúng chưa rộng, chưa thường xuyên, còn mang tính thời điểm, nặng hình thức. Các đoàn thể chưa tìm ra phương thức hoạt động có hiệu quả, trong tình hình mới.

Về xây dựng chính quyền, Hội đồng nhân dân huyện và các xã, thị trấn được củng cố. Nội dung hoạt động bước đầu đi dần theo qui chế Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành và nhân dân làm chủ. Ủy ban nhân dân huyện sắp xếp lại bộ máy, lề lối làm việc bước đầu được cải tiến, tổ chức điều hành có cố gắng. Tuy vậy, việc phát huy dân chủ chưa gắn liền với tuân thủ pháp luật. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu tố khiếu nại còn hình thức và chưa kịp thời.

Công tác xây dựng Đảng, nhìn chung đã có bước chuyển biến về mặt nhận thức, đổi mới tư duy, đã mạnh dạn hơn trong vận dụng các chủ trương vào điều kiện đặc điểm địa phương. Tính dân chủ công khai được khơi dậy trong mọi lĩnh vực. Đấu tranh phê bình và tự phê bình được đẩy mạnh, đoàn kết nội bộ, ý thức chấp hành nghị quyết, kỷ luật của Đảng được nâng cao. Đa số đảng viên giữ được phẩm chất lối sống lành mạnh trước khó khăn của cuộc sống và các tiêu cực xã hội. Phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc được cải tiến.

Công tác tổ chức và cán bộ được sắp xếp lại một bước theo hướng trẻ hóa và đảm bảo năng suất, hiệu quả công tác và bộ máy lãnh đạo các xã, thị

trấn được tăng cường cán bộ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và chính sách cán bộ hàng năm được chú trọng. Tổ chức cơ sở Đảng được quan tâm, củng cố nên phần lớn đã phát huy được vai trò hạt nhân lãnh đạo, quản lý tốt đảng viên, nâng cao chất lượng sinh hoạt. Đã kết nạp được 85 đảng viên mới trong nhiệm kỳ I. Qua khảo sát 494 đảng viên sinh hoạt trong 42 chi bộ cơ sở, phân loại có 58,29% đảng viên đạt loại I, 39,27% đảng viên đạt loại II và 2,02% đảng viên đạt loại III.

Công tác kiểm tra Đảng kết hợp chặt chẽ với công tác thanh tra Nhà nước và sự kiểm tra của quần chúng. Số đảng viên vi phạm bị xử lý kỷ luật là 36 người, trong đó có 11 người bị kỷ luật với các hình thức khai trừ Đảng, cách chức và khiển trách.

Như vậy, từ năm 1986 đến 1989 là giai đoạn đầu thực hiện sự nghiệp đổi mới của Đảng, nhiều lĩnh vực đã chuyển động theo quỹ đạo đổi mới. Trong lĩnh vực kinh tế, 3 chương trình: lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu được đẩy mạnh và đạt một số thành tựu nhất định. Tuy nhiên, nền kinh tế ở địa phương còn mất cân đối, kéo theo ảnh hưởng đến mặt xã hội. Đồng thời, trong xã hội cũng nảy sinh về tranh chấp đất đai và trong

khiếu kiện của một số chủ ghe ở Phan Rí Cửa, Liên Hương và Chí Công đòi lại tư liệu sản xuất. Trong đó, sự khiếu kiện tập thể của 44 chủ ghe ở xã Chí Công xảy ra khá phức tạp. Nguyên nhân xảy ra khiếu kiện đông người của ngư dân Chí Công là do nhận thức của chủ thuyền không đồng ý với chủ trương hoán đổi tài công trong hợp tác xã nghề cá của huyện. Để giải quyết sự kiện này, đầu năm 1988, huyện thành lập Ban chỉ đạo giải quyết khiếu kiện, do đồng chí Bí thư huyện ủy làm trưởng ban. Trong thời gian giải quyết vụ khiếu kiện ở xã Chí Công, các ngành chức năng ở Trung ương, tỉnh cùng về tham gia. Qua gần 1 năm giải thích, thuyết phục và giải quyết những bất hợp lý, ngư dân đã trở lại sản xuất và làm chủ ghe thuyền theo phương thức đổi mới của Đảng.

Sau khi kết thúc nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ I, từ ngày 23 đến 24/4/1989, Đảng bộ huyện Tuy Phong tiến hành Đại hội đại hội Đảng bộ lần thứ II, nhiệm kỳ 1989 - 1991. Đại hội đánh giá nhiệm kỳ I, đề ra nghị quyết nhiệm kỳ II và bầu Ban Chấp hành khóa II có 32 ủy viên (có 3 ủy viên dự khuyết). Hội nghị Ban Chấp hành bầu 10 đồng chí vào Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy. Các

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Tuy Phong
lần thứ II, nhiệm kỳ 1989 - 1991.

đồng chí Nguyễn Văn Hương - Tỉnh ủy viên, được bầu làm Bí thư Huyện ủy; đồng chí Huỳnh Tấn Thành - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện; đồng chí Phạm Trọng Do - Phó Bí thư, trực Đảng.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II xác định cơ cấu kinh tế từ năm 1989 đến năm 1991 là ngư - nông lâm - công nghiệp. Tiếp tục quán triệt quan điểm đổi mới của Đảng, vận dụng vào thực tế địa phương để giải phóng năng lực sản xuất, khai thác mọi tiềm năng thế mạnh về kinh tế; đẩy mạnh liên doanh, liên kết, mở rộng lưu thông, củng cố kinh tế quốc doanh với phát huy thế mạnh của các thành phần kinh tế khác; tập trung đầu tư cho công trình điện, nước, các công trình phúc lợi của xã hội phục vụ sản xuất và đời sống; hạ thấp tỉ lệ phát triển dân số; bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội và xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Đại hội II của Đảng bộ huyện đã đề ra, chỉ tiêu chủ yếu của nhiệm kỳ 1989 - 1991 là: Về kinh tế, tổng sản phẩm xã hội tăng bình quân 9,6%, thu nhập quốc doanh tăng bình quân 8,7%, khai thác hải sản đạt 28.000 tấn, sản lượng lương thực đạt 13.000 tấn, bình quân đầu người 300kg lúa. Về công nghiệp, giá trị tăng bình quân 10,15%, giá trị kim ngạch xuất

khẩu đạt 2,5 triệu USD, đưa 30% ngân sách đầu tư cho xây dựng kết cấu hạ tầng, vật chất, kỹ thuật. Đối với giáo dục, y tế, phát triển dân số không quá 1,8% và thu hút từ 70 đến 75% các em trong độ tuổi đến trường. Công tác xây dựng Đảng phấn đấu có 2/3 chi, đảng bộ cơ sở đạt trong sạch vững mạnh.

Sau hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ II, Đảng bộ và nhân dân trong huyện đã đạt được nhiều thành tích.

Ngành thủy sản tiếp tục được huyện xác định là mũi nhọn và chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần trong nghề cá. Từ đó, đã động viên và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đầu tư vốn, mua sắm mới tư liệu sản xuất để khai thác, chế biến và mở rộng nuôi trồng không hạn chế nên ngành thủy sản có những bước phát triển đáng kể. Nhân dân đã đầu tư tăng thêm năng lực đánh bắt 4.463 CV/218 thuyền, phần lớn là thuyền từ 22- 43 CV. Năng lực khai thác toàn huyện đến năm 1990 đạt 19.600 CV/1.120 thuyền, công suất bình quân mỗi thuyền 17,5CV. Nhiều thuyền được trang bị thêm phương tiện kỹ thuật để đánh bắt quanh năm và ở tuyến khơi xa. Ta đã chú trọng các ngành nghề

khai thác cho hàng xuất khẩu, phát triển thêm nghề lưới rê ba lườn. Nhiều hộ đầu tư hàng chục triệu đồng mở rộng diện tích nuôi tôm, chuyển lên phương thức bán công nghiệp. Dịch vụ cho phát triển sản xuất có tiến bộ. Cơ sở đóng sửa tàu thuyền trước đây chỉ có 3 cơ sở, nay tăng lên 15 cơ sở. Đội kiểm ngư được thành lập, thường xuyên tuần tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Kinh tế quốc doanh trong hải sản được sắp xếp lại. Tháng 6/1989, từ 3 cơ sở quốc doanh là Công ty Thủy sản Tuy Phong cùng với 2 xí nghiệp Nước mắm Liên Hương, Phan Rí Cửa sáp nhập thành một đầu mối sản xuất, kinh doanh, lấy tên là Công ty Thủy sản, trực thuộc huyện. Công ty có nhiệm vụ chủ yếu là thu mua nguyên liệu bán cho Xí nghiệp đông lạnh Phan Rang. Với cách làm này, hàng năm ngoài chi phí, công ty nộp cho ngân sách tỉnh hơn 500 triệu đồng. Là đơn vị kinh doanh đạt vào loại khá lúc bấy giờ. Thực hiện Chỉ thị 81 của Thường vụ Tỉnh ủy, năm 1991, Xí nghiệp Thủy sản Chí Công (là đơn vị liên doanh, liên kết giữa Xí nghiệp Đông lạnh 1 Thành phố Hồ Chí Minh và Liên hiệp Công ty xuất nhập khẩu Bình Thuận) sáp nhập vào Công ty thủy sản Tuy Phong lấy tên là Xí nghiệp thủy sản

Chí Công, nhiệm vụ là chế biến mực đông lạnh xuất khẩu. Năm 1991-1992, Công ty làm ăn liên doanh liên kết đã xuất khẩu đạt trên 4 triệu USD. Năm 1992, Xí nghiệp Thủy sản Chí Công là một đơn vị thành viên của Công ty Thaimex tỉnh, nhưng vẫn do huyện quản lý. Nhờ đó, nhiều đơn vị trong và ngoài tỉnh đã hợp đồng tiêu thụ sản phẩm. Sản lượng hải sản xuất khẩu của huyện tăng bình quân hàng năm 12,75% với nhiều mặt hàng như tôm, mực, sò lông... Chế biến và tiêu thụ nước mắm giữ được sản lượng và uy tín với khách hàng, nhiều hộ tư nhân đã mở rộng hơn quy mô sản xuất, bước đầu khôi phục lại nghề truyền thống ở địa phương. Việc định hướng để phát triển thủy sản, ngành kinh tế mũi nhọn của huyện là đúng đắn, đạt hiệu quả.

Trong sản xuất nông nghiệp, tuy thời tiết trong những năm qua không thuận lợi nhưng do thực hiện cơ chế khoán, phát huy tính tự chủ của hộ sản xuất, huyện quan tâm giải quyết thủy lợi nhỏ, đáp ứng đủ nhu cầu vật tư, sản phẩm lưu thông thuận lợi nên đã kích thích được nông dân đẩy mạnh thâm canh. Sản lượng lương thực đạt bình quân 10.203 tấn. Cây thuốc lá là loại cây công nghiệp chủ chốt của địa phương được giữ vững, từng bước đưa giống mới vào

sản xuất. Việc sơ chế của Xí nghiệp Thuốc lá quốc doanh đã nâng cao giá trị sản phẩm. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp còn lệ thuộc lớn vào thiên nhiên, khó khăn nhất là thủy lợi. Năng suất bình quân một số vùng thấp, không ổn định. Cây đậu các loại mất mùa liên tục dẫn đến giảm sút về diện tích và sản lượng.

Ngành lâm nghiệp huyện đã trồng 115 ha rừng tập trung và chăm sóc 235 ha, đạt chất lượng khá. Có cố gắng thực hiện chủ trương giao đất, giao rừng nhưng do điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, kinh doanh nghề rừng không hiệu quả, việc trồng rừng chủ yếu chỉ thực hiện tốt ở lâm trường quốc doanh. Phong trào trồng cây nhân dân chưa được đẩy mạnh. Tình trạng phá rừng vẫn xảy ra trầm trọng, nhiều khu rừng mới trồng chưa đến tuổi khai thác vẫn bị kẻ xấu lén lút chặt phá.

Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển ở các ngành sửa chữa cơ khí, đóng sửa tàu thuyền, may mặc, mộc dân dụng, bình quân tăng hàng năm 19,45%, đã tác động đến sự phát triển của các ngành kinh tế của huyện, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Giao thông - vận tải, ngoài các cơ sở quốc doanh, vận tải tư nhân cũng được mở rộng đã tạo thuận lợi cho sản xuất, lưu thông hàng hóa và việc đi lại của nhân dân thuận lợi hơn. Bên cạnh đó, huyện cũng nâng cấp và sửa chữa 7,6 km đường nội huyện, trong đó có 3,1 km đường được trải nhựa.

Huyện đã cố gắng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, như đưa điện về một số xã khu vực phía Nam huyện, kéo đường dây 35KV về thị trấn Liên Hương, xây dựng một phần kè chống biển lở Hòa Phú. Tu sửa thường xuyên hệ thống kênh mương nội đồng, bước đầu đã phát huy tác dụng. Đưa vào sử dụng hai tổng đài điện thoại tự động ở hai khu vực Liên Hương và Phan Rí Cửa, đã nâng cao chất lượng liên lạc. Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các vùng dân cư ở Chí Công, Phan Rí Cửa, Phước Thể.

Mạng lưới thương nghiệp, cung ứng dịch vụ phát triển với sự tham gia của các thành phần kinh tế phục vụ sản xuất thủy sản, nông nghiệp và phục vụ đời sống nhân dân, góp phần thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa, tránh được tình trạng khan hiếm hàng hóa giả tạo trên thị trường, giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động. Một số đơn vị

quốc doanh đã chi phối được thị trường như xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, góp phần ổn định giá cả thị trường xã hội.

Trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, điều chỉnh quan hệ sản xuất, huyện đã sớm tổ chức lại sản xuất, sắp xếp các ngành kinh tế cơ bản. Qua đó, đã ổn định được hoạt động của một số đơn vị quốc doanh, phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất và xã hội. Một số đơn vị kinh tế tập thể như các hợp tác xã nông nghiệp qua củng cố, đổi mới phương thức quản lý theo Chỉ thị 10 của Bộ Chính trị và khoán sản phẩm đến hộ gia đình xã viên. Hình thức khoán đã đứng vững và có mặt phát triển của 14/37 hợp tác xã nghề cá và 11/16 hợp tác xã nông nghiệp. Tuy đang gặp khó khăn về quản lý, nhưng nhiều hợp tác xã từng bước đổi mới điều hành hoạt động. Kinh tế hộ tập trung vào các ngành khai thác thủy sản, tiểu thủ công nghiệp và thương nghiệp dịch vụ, tạo ra sức cạnh tranh trong các thành phần kinh tế ở địa phương, giải quyết được việc làm cho nhiều lao động.

Quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, đã góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế. Chính sách kinh tế nhiều thành phần của

Đảng đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, giải phóng được năng lực sản xuất, đạt được nhiều kết quả trong sản xuất, đời sống. Trong quá trình phát triển cũng đã tạo ra sự phân hóa giàu nghèo rất rõ rệt trong các tầng lớp nhân dân. Một số hộ thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm làm ăn, thiếu lao động nhất là các gia đình chính sách gặp nhiều khó khăn trong sản xuất.

Trong công tác văn hóa - xã hội, với nhận thức công tác kế hoạch hóa dân số là rất quan trọng, tác động đến sự tăng trưởng kinh tế - xã hội, huyện đã thực hiện các biện pháp kinh tế - kỹ thuật, đào tạo chuyên môn cho đội ngũ y tế cơ sở. Tuy nhiên, do chỉ đạo không thường xuyên, đối tượng vận động chỉ chú ý nhiều ở nữ giới; nhiều xã, thị trấn còn xem đây là công tác của ngành y tế nên tỷ lệ phát triển dân số còn cao, bình quân hàng năm cao hơn kế hoạch đề ra là 0,45%. Các xã, thị trấn còn có tỉ lệ phát triển dân số khá cao là Chí Công, Phan Rí Cửa, Liên Hương. Nhịp độ phát triển dân số cao đã ảnh hưởng đến các nỗ lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân được huyện quan tâm chỉ đạo. Tỉ lệ các cháu được tiêm phòng 6 bệnh cơ bản đạt 91,3%. Ngân sách đã đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật tốt hơn. Lực lượng y,

bác sĩ được đào tạo và tăng cường đáng kể. Việc khám và điều trị bệnh ở các trạm y tế xã có tiến bộ.

Trong giáo dục, thực hiện chủ trương kiên cố hoá trường lớp, huyện đã xây dựng nhiều phòng học nên chấm dứt tình trạng học 3 ca. Ngành giáo dục thường xuyên phát động phong trào dạy tốt, học tốt, chú trọng nâng cao chất lượng giảng dạy. Giáo viên mẫu giáo và cấp I có tăng hơn. Thu hút 85% học sinh phổ thông trong độ tuổi, 30% cháu độ tuổi mẫu giáo đến lớp. Các lớp phổ cập giáo dục tiểu học hàng năm tăng khá. Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 64%, trung học phổ thông 98%.

Hưởng thụ văn hóa, văn nghệ của nhân dân được nâng lên. Các phương tiện nghe nhìn như phim ảnh, video, máy thu thanh, cassette, trở thành phổ biến ở nhiều hộ gia đình. Hệ thống thông tin, truyền thanh của các xã và đài phát sóng FM của huyện đã từng bước nâng cao chất lượng, kịp thời phổ biến các thông tin cần thiết cho nhân dân. Năm 1990, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Bác Hồ kính yêu, Đoàn Văn nghệ thị trấn Phan Rí Cửa được huyện và tỉnh chọn đi Hội diễn tại Làng Sen (Nghệ An), đạt giải ba với bài "Làng Chăm ơn Bác" Tuy nhiên, việc quản lý hoạt động văn hóa - nghệ thuật chưa tốt. Một số

hộ tư nhân chiếu phim ảnh có nội dung xấu, cho thuê sách báo không lành mạnh chưa được kiểm tra, xử lý thường xuyên. Các hủ tục mê tín dị đoan có tăng so với trước.

Việc thực hiện chính sách người có công với đất nước và đồng bào vùng dân tộc, trong điều kiện khó khăn chung, giá cả tăng cao, trợ cấp thực tế cho các đối tượng chính sách chưa bảo đảm được nhu cầu tối thiểu của cuộc sống. Huyện đã có nhiều cố gắng ưu tiên chi trả trợ cấp đúng hạn, cấp đất sản xuất thuận tiện, cứu trợ đột xuất và cứu đói kịp thời. Đồng thời, xây dựng 5 ngôi nhà tình nghĩa và tu sửa 3 nhà cho các hộ thương binh, gia đình liệt sĩ.

Công tác quân sự địa phương được huyện quan tâm chỉ đạo. Lực lượng dân quân cơ sở có chú trọng củng cố chất lượng. Dân quân vùng biển và dân quân cơ động được chú ý xây dựng. Huyện tổ chức diễn tập phòng thủ đạt kết quả khá. Trong đó, cuộc diễn tập "PT-90" của tỉnh diễn ra ngày 05/5/1990 đã có các đồng chí Bí thư, Chủ tịch huyện, xã, thị trấn tham gia. Đây là một đợt diễn tập phòng thủ huy động lực lượng cả tỉnh thực hiện. Bên cạnh đó, công tác tuyển quân năm 1990 vượt chỉ tiêu và có nhiều biện pháp kiên quyết trong giải quyết quân nhân đào ngũ.

Công tác an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội có diễn biến phức tạp. Các đoàn khách người nước ngoài và Việt kiều đến địa phương ngày càng nhiều. Số đối tượng sau cải tạo chưa có chuyển biến thể hiện tư tưởng trông chờ để đi nước ngoài. Có một số lợi dụng tình hình phức tạp, tung tin chiến tranh tâm lý. Hoạt động của một số đối tượng hình sự, có lúc diễn biến manh động.

Trước tình hình trên, huyện đã tích cực phát huy tinh thần làm chủ của nhân dân trong phong trào bảo vệ an ninh trên tuyến biển, trấn áp đối tượng, từng bước củng cố phát triển mạng lưới an ninh nhân dân. Đồng thời, thực hiện quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, ngày 12/10/1989, về các qui định, quyền hạn của công an xã, huyện để củng cố kiện toàn ban công an các xã, xây dựng các đội dân phòng. Qua đó, thực hiện Chỉ thị 135/HĐBT, ngày 14/5/1989, của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc tăng cường công tác bảo vệ trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới đã được quần chúng cung cấp nhiều tin giá trị, phát hiện nhiều vụ phạm pháp, vận động các đối tượng phạm pháp ra tự thú, góp phần lập lại trật tự kỷ cương xã hội, giữ vững an ninh chính trị địa phương.

Sau khi tiến hành bầu cử có kết quả Hội đồng nhân dân hai cấp huyện, xã năm 1989 theo luật mới, hoạt động quản lý Nhà nước bước đầu có nề nếp [1]. Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, xã đến nay phần đông đều giữ được phẩm chất, thực hiện nhiệm vụ của người đại biểu dân cử, thể hiện rõ trong các kỳ họp theo qui chế tổ chức hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp. Việc chuẩn bị các kỳ họp Hội đồng nhân dân đúng luật. Các ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân tuy kiêm nhiệm, nhưng có cố gắng thực hiện đúng chức năng. Huyện cũng đã tổ chức học tập các luật cho đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, xã; lập 2 phòng tiếp dân ở hai khu vực Liên Hương và Phan Rí Cửa; giữ mối quan hệ công tác giữa Hội đồng nhân dân với Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận theo luật định. Việc điều hành, quản lý của Ủy ban nhân dân các cấp theo đúng chức năng, không can thiệp sâu vào chức năng quản lý, sản xuất, kinh doanh của cơ sở; vận dụng các chủ trương đề ra biện pháp giải quyết kịp thời để thực hiện các nghị quyết của Đảng và Hội đồng nhân dân.

---

(1) *Trước năm 1990, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, huyện, xã, thị trấn, phường chủ trì các kỳ họp Hội đồng nhân dân cùng cấp. Từ 1990 trở đi, theo Luật Hội đồng nhân dân sửa đổi, Hội đồng nhân dân các cấp do Thường trực và các Ban Hội đồng điều hành các công việc của Hội đồng.*

Các cơ quan nội chính trong huyện đã tích cực phối hợp thực hiện có kết quả Quyết định 240/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, làm rõ các vụ việc tiêu cực; đồng thời phối hợp giải quyết các vấn đề tranh chấp khiếu nại nhà cửa, ghe thuyền, ruộng đất, góp phần ổn định tình hình trật tự kinh tế - xã hội, tăng cường việc thực hiện pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trên cơ sở nhận thức các quan điểm về công tác vận động quần chúng theo Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, nhất là từ khi có Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương, công tác vận động quần chúng được quan tâm chỉ đạo tốt hơn, không khí công khai, dân chủ được khơi dậy trong nhân dân. Trên lĩnh vực kinh tế đã mở rộng quyền tự chủ của các đơn vị, mọi tổ chức, công dân đã được tạo điều kiện thuận lợi dễ dàng, yên tâm sản xuất, kinh doanh, làm giàu chính đáng. Nhiều nghị quyết, chủ trương của Đảng được tổ chức lấy ý kiến trong nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện đã tham gia tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, chú ý phát triển quĩ bảo trợ, phát huy tinh thần đoàn kết trong nhân dân. Mạng lưới Mặt trận ở địa bàn dân cư được củng cố. Mặt trận đã tích cực tham gia cùng với

Nhà nước và các ngành tổ chức học tập, góp ý các văn bản pháp luật, phối hợp giải quyết các trường hợp mất đoàn kết trong tôn giáo, hướng dẫn các hoạt động tôn giáo theo hướng "tốt đời, đẹp đạo", góp phần xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Đồng thời, giải thích cho đồng bào theo đạo về Luật khiếu nại, khiếu tố, Luật đất đai...

Hoạt động của các đoàn thể có sự phối hợp chặt chẽ, chuyển biến trong sinh hoạt, chú ý củng cố các đơn vị yếu kém. Các đoàn thể đã cố gắng mở rộng tổ chức các ngành nghề, gắn việc học tập giáo dục hội viên với giải quyết quyền lợi thiết thực. Do đó, phong trào quần chúng được duy trì và phát triển trên một số mặt như: chuyển đổi phương thức hoạt động, tổ chức các cuộc vận động, giáo dục về tình hình đất nước, trách nhiệm của hội viên; tham gia góp ý và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách; thực hiện tốt hơn việc tham mưu, giúp Đảng thấy rõ thực tế hoạt động của mình để có biện pháp lãnh đạo cụ thể. Hội Cựu chiến binh tuy mới thành lập vào tháng 2/1990, nhưng đã tích cực mở rộng tổ chức, tham gia góp ý nhiều vấn đề về công tác xây dựng Đảng, các chủ trương đang thực hiện ở địa phương, giáo dục hội viên nâng cao tinh thần trách nhiệm trước thực trạng tình hình của đất nước.

Về xây dựng Đảng, đã đưa các quan điểm đổi mới về công tác xây dựng Đảng. Trong đó, công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng cho cán bộ, đảng viên nhằm nâng cao phẩm chất chính trị, làm thông suốt quan điểm đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra và các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, nhất là trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, tạo lòng tin cho cán bộ, đảng viên vào con đường mà Đảng và Bác Hồ đã chọn... Phương pháp công tác tư tưởng được đổi mới một bước. Ý kiến của chi bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân được coi trọng. Các cơ quan thông tin đại chúng được trang bị thêm về phương tiện kỹ thuật, do đó đã nâng cao chất lượng và nội dung hoạt động.

Công tác xây dựng các chi - đảng bộ được tiến hành thường xuyên. Tổng số đảng viên toàn huyện đến năm 1990 có 501, chiếm 0,06% so với dân số [1]. Công tác tổ chức đã từng bước sắp xếp lại để phù hợp nhiệm vụ của từng đơn vị. Việc đào tạo, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên có

---

(1) *Qua phân loại đảng viên có 97,4% đủ tư cách; tổ chức cơ sở Đảng mạnh và khá đạt 65,1% và kết nạp được 65 đảng viên. Trong nhiệm kỳ đã xử lý kỷ luật 43 đảng viên sai phạm theo các hình thức kỷ luật của Đảng.*

chú ý. Việc kiểm tra thực hiện nghị quyết, kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng bước đầu được triển khai, thông qua các đợt sinh hoạt củng cố Đảng, đã góp phần chống tiêu cực. Việc xem xét vi phạm của cán bộ, đảng viên được tiến hành công khai, dân chủ và xử lý nghiêm minh.

Bên cạnh những mặt đạt được, trong công tác xây dựng Đảng cũng có lúc chưa được quan tâm thường xuyên. Năng lực lãnh đạo của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Bí thư một số cơ sở đảng, nhất là ở các đơn vị sản xuất, kinh doanh chưa chú trọng công tác Đảng ở đơn vị. Công tác tổ chức cán bộ trong qui hoạch, sắp xếp bộ máy, bố trí còn chắp vá, thiếu nguồn bổ sung, nhất là cán bộ xã, thị trấn. Công tác tư tưởng chưa chủ động bám sát các diễn biến tâm lý tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và của từng địa phương.

Như vậy, Đảng bộ Tuy Phong bước vào thực hiện nhiệm vụ công cuộc đổi mới theo đường lối của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra đã đạt được nhiều thành quả quan trọng. Từ nền kinh tế kế hoạch, tập trung bao cấp, từng bước chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã có nhiều mô hình làm ăn năng động, sáng tạo,

nhất là trong hải sản sản xuất có hiệu quả. Kinh tế địa phương đã có bước phát triển. Sản lượng lương thực tuy chưa đạt như chỉ tiêu đại hội đề ra, nhưng nhờ lưu thông hàng hóa nên đã đảm bảo lương thực cho nhân dân, không phải lo như thời kinh tế bao cấp. Công tác văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế được chú trọng. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đi vào chiều sâu, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ đổi mới.

Trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới kinh tế, nhiều hợp tác xã, nhiều xí nghiệp chưa hạch toán trong sản xuất đi đến làm ăn thua lỗ. Ngành thương nghiệp chưa làm chủ được thị trường nên hàng hóa ngày một khan hiếm. Trong nhân dân, sự phân hóa do sự chênh lệch trong thu nhập của các nhóm dân cư ngày một lớn. Công tác xây dựng hệ thống chính trị cũng còn nhiều khó khăn, nhất là cán bộ đào tạo cho sự phát triển trong giai đoạn đổi mới chưa hoàn thiện, nên công tác lãnh đạo chưa đồng bộ. Nhận thức về đổi mới của nhiều cán bộ, đảng viên còn chậm chưa theo kịp tình hình. Tuy nhiên, quá trình chuyển nhận thức từ bao cấp sang hạch toán cũng cho Đảng bộ nhiều kinh nghiệm thực tiễn để phát triển, đi lên trong những năm tiếp theo.

Chương V

ĐẢNG BỘ TUY PHONG TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG

(1991 - 2000)

Tháng 4/1992, thực hiện Nghị quyết tại kỳ họp lần thứ 8, Quốc hội khóa X, tỉnh Thuận Hải được phân chia thành hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Tỉnh Bình Thuận có thị xã Phan Thiết (nay là thành phố Phan Thiết) và 8 huyện: Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Đức Linh, Tánh Linh, Phú Quý.

Đối với Đảng bộ Tuy Phong trước khi chia tách tỉnh, từ ngày 13 đến 15/11/1991 đã tiến hành Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ III (1991- 1995) [1].

---

(1) *Từ năm 1976 đến 1990, nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ huyện là hai năm rưỡi. Từ năm 1991, nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ huyện là 5 năm.*

Đại hội nhiệm kỳ III của Đảng bộ huyện Tuy Phong đánh giá kết quả nhiệm kỳ II, ra Nghị quyết nhiệm kỳ III và bầu Ban Chấp hành khóa III có 33 đồng chí, Ban Thường vụ Huyện ủy có 11 đồng chí; các đồng chí Phạm Trọng Do - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, đồng chí Phạm Trọng Tình - Phó Bí thư Huyện ủy, trực Đảng, kiêm Chủ tịch HĐND huyện và đồng chí Huỳnh Tấn Thành - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện.

Đến năm 1994, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, các địa phương tiến hành đại hội giữa nhiệm kỳ để đánh giá kết quả đã thực hiện, làm rõ những yếu kém tồn tại cần khắc phục và bổ sung các chỉ tiêu kinh tế-xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị trong tình hình mới. Từ ngày 14 đến ngày 15/4/1994, Đảng bộ huyện Tuy Phong tiến hành Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ đánh giá hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III và bổ sung vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ III những chỉ tiêu mới. Hội nghị đã bầu bổ sung các đồng chí Hồ Ngọc Giàu - Bí thư chi bộ xã Vĩnh Hảo, đồng chí Dương Tấn Hải- Bí thư chi bộ xã Hòa Phú, đồng chí Phạm Thị Mỹ Loan - Bí thư Huyện đoàn, đồng chí

Phan Văn Để - Giám đốc công ty hải sản huyện và đồng chí Hồ Viết Ổn - Chánh văn phòng UBND huyện vào ban chấp hành.

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VII toàn quốc của Đảng (1991), về Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ mới, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm phương hướng hành động tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân ta.

Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội III của Đảng bộ huyện trong bối cảnh quốc tế không thuận lợi. Liên Xô tan rã, hệ thống xã hội chủ nghĩa không còn, các nước xã hội chủ nghĩa còn lại như Việt Nam, Trung Quốc, Cuba, Triều Tiên còn có những vấn đề chưa thống nhất về quan điểm xây dựng chủ nghĩa xã hội. Các thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội, với Việt Nam đang tìm mọi cách chống phá ta bằng chiến lược "diễn biến hòa bình" hòng lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Bên cạnh đó, kinh tế-xã hội của nước ta cũng đang gặp nhiều khó khăn, như nguồn viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa không còn; quan hệ với nhiều nước còn bị hạn chế do Mỹ kéo dài cấm vận. Trong bối cảnh đó, Đại

hội Đảng bộ huyện lần thứ III vẫn xác định cơ cấu kinh tế của huyện là ngư - nông - công nghiệp và dịch vụ. Đây là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, phù hợp với yêu cầu đẩy nhanh sự tăng trưởng kinh tế và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương.

Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ III, Đảng bộ đã đạt những kết quả. Trong đó ngành thủy sản tiếp tục giữ vai trò kinh tế mũi nhọn của huyện cả về quy mô giá trị và giải quyết việc làm cho người lao động, là nguồn thu nhập chính của hơn 32% số hộ lao động trong toàn huyện. Ngành thủy sản đã tập trung phát triển toàn diện các khâu khai thác, nuôi trồng, chế biến và dịch vụ cho nghề biển, gắn với bảo vệ nguồn lợi ngư trường. Năng lực đánh bắt hải sản tăng bình quân hàng năm gần 2,7 CV/thuyền. Sản lượng khai thác hải sản tăng bình quân mỗi năm 6,6%, từ 18.688 tấn năm 1990 tăng lên 24.100 tấn năm 1995. Diện tích nuôi tôm ổn định 20 ha, hàng năm thu hoạch bình quân 21 tấn.

Công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản được huyện quan tâm. Các vụ phá hoại ngư trường bằng chất nổ

được xử lý nghiêm túc. Một số ngành nghề khai thác hải sản đã được trang bị hệ thống thông tin liên lạc vô tuyến trên biển, bảo đảm cho việc liên lạc trong đánh bắt, cũng như chống thiên tai, bão lụt sắp xảy ra, bảo vệ tài sản cho ngư dân. Ngoài ra, ngành hải sản còn trang bị các thiết bị kỹ thuật phục vụ đi biển như máy định vị, máy tầm ngư...

Sản xuất nông nghiệp tuy có gặp khó khăn do thời tiết không thuận lợi, như bão năm 1993 nhưng trồng trọt và chăn nuôi bước đầu có chuyển biến. Sản lượng lương thực qui thóc từ 9.798 tấn (năm 1990) tăng lên 11.525 tấn (năm 1995). Trong trồng trọt, cây lúa là cây lương thực chính, diện tích ổn định và cây thực phẩm từng bước có phát triển. Cây bông tăng diện tích từ 50 ha (năm 1990) lên 326 ha (năm 1995), chủ yếu ở các xã Hòa Minh, Phong Phú. Từng bước chuyển diện tích đất trồng màu sang các loại cây ăn quả, cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, như cây nho, mía, thanh long... Cây thuốc lá vẫn ở diện tích trên 320 ha.

Trong sản xuất nông nghiệp, từ giao khoán đất cho hộ xã viên, nay huyện thực hiện chủ trương của Chính phủ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho nông dân. Đến năm 1995,

huyện đã cấp được 3.910 hộ với 2.937 ha, đạt 76,2% diện tích ruộng đất sản xuất toàn huyện.

Chăn nuôi đã có sự chuyển dịch về cơ cấu đàn gia súc. Chăn nuôi heo, bò, dê được chú ý phát triển, nhiều hộ nông dân đã tự bỏ vốn lập trại nuôi bò quy mô từ 50 đến 70 con; nuôi dê đàn hàng trăm con. Nhìn chung, quy mô đàn gia súc các loại đều tăng hàng năm và nhiều gia đình chăn nuôi gia súc có số lượng lớn, cho thu nhập cao.

Về lâm nghiệp, việc tổ chức sản xuất nghề rừng bước đầu đã kết hợp công tác định canh, định cư với phát triển kinh tế- xã hội miền núi nên đạt được kết quả bước đầu. Đã giao khoán rừng cho các hộ gia đình chăm sóc, bảo vệ được 5.155 ha đất rừng, bước đầu hạn chế được nạn phá rừng làm rẫy, khai thác lâm sản trái phép, tạo thêm việc làm cho nhân dân, tăng thu nhập và gây được vốn rừng.

Công tác trồng rừng phòng hộ và phủ xanh đồi đất trọc được huyện quan tâm đẩy mạnh. Đến năm 1995, toàn huyện đã trồng được 2.395 ha, trong đó rừng còn sống 2.154 ha. Trồng cây phân tán trong nhân dân, bình quân hàng năm 114.500 cây. Rừng đầu nguồn thường xuyên tuần tra, quản lý và bảo vệ, giữ được tỉ lệ che phủ 51%.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong những năm qua đã đi dần vào thế ổn định và phát triển, giá trị sản lượng tăng bình quân hàng năm đạt 16,5%. Một số ngành sản xuất đạt khá, như đóng sửa tàu thuyền, sản xuất nước đá. Các nghề cơ khí, may mặc, mộc dân dụng, nước giải khát, chế biến hải sản nội địa... từng bước phát triển, tập trung chủ yếu ở hai thị trấn Liên Hương và Phan Rí Cửa. Công nghiệp quốc doanh của tỉnh, như Công ty muối và nước suối Vĩnh Hảo đóng trên địa bàn huyện bước đầu xác định được hướng phát triển, mạnh dạn đầu tư cơ sở vật chất, đổi mới thiết bị, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, đã ổn định và mở rộng được thị trường tiêu thụ.

Trong xây dựng kết cấu hạ tầng, tranh thủ nguồn vốn đầu tư của Trung ương, của tỉnh và với sự nỗ lực phấn đấu của huyện đã xây dựng được một số công trình phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Khởi công xây dựng cảng cá Phan Rí Cửa, nạo vét chỉnh trị cửa Sông Lũy, thi công hồ Đá Bạc (Vĩnh Hảo), hoàn thiện lưới điện. Đến nay (1995), đã có 9/11 xã, thị trấn sử dụng điện lưới quốc gia, 80% số hộ trong huyện được cấp điện tiêu dùng. Với chủ trương "lầu hoá trường, nhựa hoá đường", một số

tuyến đường nội huyện ở hai thị trấn được sửa chữa nâng cấp, qui hoạch san ủi hai khu dân cư ở Liên Hương và Phan Rí Cửa. Huyện đã đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch ở xã Bình Thạnh, Phong Phú, Phước Thể, Vĩnh Hảo, Phú Lạc và mở rộng hệ thống nước ở Liên Hương; xây dựng trung tâm kế hoạch hóa gia đình ở Chí Công, xây dựng cụm tượng đài trong khu văn hóa huyện. Phát thanh - truyền hình đã được phủ sóng trong huyện. Hệ thống điện thoại phục vụ thông tin liên lạc có 9/11 xã, thị trấn. Trong ngành giáo dục đã xây mới thêm nhiều phòng học cho các trường.

Từ khi có Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 5 của Tỉnh ủy về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, huyện tổ chức Hội nghị tổng kết và đánh giá lại mô hình hợp tác xã trên địa bàn toàn huyện. Đến năm 1995 toàn huyện còn 10 hợp tác xã nông nghiệp và 1 hợp tác xã mua bán[1]. Qua đổi mới quản lý đã tách công tác hành chính khỏi hợp tác xã

---

(1) Ngày 05/4/1988, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 10 NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp và ngày 20/10/1988, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 05 NQ/TU, thực hiện Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng.

nông nghiệp. Các hợp tác xã hình thành các tổ chức hợp tác mới trong sản xuất như tổ tương trợ tín chấp vay vốn, giúp nhau trong việc thanh toán nợ cho các đơn vị Nhà nước trên cơ sở tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi ... Sau đó, Huyện ủy củng cố một số hợp tác xã chuyên làm dịch vụ, phục vụ sản xuất.

Vai trò kinh tế hộ gia đình từng bước được phát huy, khuyến khích phát triển sản xuất trên tất cả các lĩnh vực: sản xuất nông nghiệp, đánh bắt thủy sản, nuôi trồng, dịch vụ, chế biến nông hải sản xuất khẩu. Nhà nước đã đầu tư cho các hộ nghèo có vốn để sản xuất và chăn nuôi. Nhiều gia đình mạnh dạn đầu tư vốn để phát triển các ngành nghề, tạo ra nhiều sản phẩm tiêu dùng cho xã hội và xuất khẩu, giải quyết việc làm cho một số lao động. Tốc độ đầu tư của các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh tăng nhanh từ 2 tỉ đồng (năm 1990) lên 4,6 tỉ đồng năm 1994 và gần 7 tỉ đồng năm 1995.

Năm 1994, Trung ương đề ra chủ trương xóa đói giảm nghèo. Huyện và các xã, thị trấn thành lập Ban chỉ đạo nhằm thực hiện công tác này. Cấp ủy các địa phương đã vận động, tuyên truyền và đưa công tác xóa đói giảm nghèo vào nhiệm vụ thường

xuyên của mình. Toàn huyện có khoảng 24,6% số người nghèo và 4,6% số người trong diện đói. Bằng các nguồn vốn, các ngành chức năng đã đầu tư cho vay 46 dự án với 1,5 tỉ đồng, giải quyết việc làm cho 843 lao động; đầu tư 700 triệu đồng cho 639 hộ vay vốn ưu đãi cho hộ nghèo nông thôn. Thông qua chương trình IPM đã trợ giúp kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất cho 192 hộ. Huy động công nhân viên chức ủng hộ quỹ "vì người nghèo" được hơn 15 triệu đồng.

Đến năm 1995, dân số toàn huyện có 109.512 người (trong đó tỉ lệ nữ chiếm 51%), tỉ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân hàng năm 2,2%. Để giảm tỷ lệ phát triển dân số, huyện chỉ đạo thành lập Ban dân số - Kế hoạch hóa gia đình tại Chí Công và 9/11 xã, thị trấn có điểm làm dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, nhờ vậy đã thực hiện tỉ lệ giảm sinh hàng năm giảm 0,1%.

Lực lượng lao động toàn huyện đến cuối năm 1995, có 56.000 người, trong đó, số lao động chưa có việc làm chiếm hơn 4%. Trước tình hình đó, từng bước huyện chỉ đạo phát triển ngành nghề làm cho cơ cấu nguồn lao động trong các ngành dịch vụ buôn

bán tăng khá nhanh. Lao động trong nông nghiệp đã có sự thay đổi căn bản cả về số lượng và chất lượng, nhưng vẫn chiếm tỉ trọng lớn trong lao động xã hội (hơn 67%). Lao động trong công nghiệp và các ngành nghề phi nông nghiệp khác tăng chậm, điều đó chứng tỏ công nghiệp chưa trở thành thị trường để thu hút nguồn lao động. Công tác giải quyết việc làm được chú ý, mỗi năm giải quyết cho hàng ngàn lao động có việc làm bằng các chương trình quốc gia như đề án 327, 120 ... và phát triển kinh tế nhiều thành phần. Đời sống một số lao động tương đối ổn định, một bộ phận có cải thiện, nhất là những khu vực đánh bắt và chế biến hải sản xuất khẩu, những vùng chủ động nước, những nơi có điều kiện phát triển kinh tế vườn và kinh doanh tổng hợp.

Thực hiện chính sách xã hội về đền ơn đáp nghĩa trong điều kiện nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhưng từng bước với việc vận động các cơ quan, ban ngành và nhân dân ủng hộ, đóng góp đã làm cho đời sống của một số đối tượng chính sách có khá hơn. Xét và giải quyết trợ cấp cho 63 trường hợp bị địch bắt, tù đày, tra tấn trong kháng chiến, xét trợ cấp thêm 45 trường hợp có công cách mạng, 113

trường hợp liệt sĩ. Huyện quy tập thêm 31 mộ liệt sĩ đưa về nghĩa trang tỉnh. Mặt khác, huyện xây dựng 22 nhà tình nghĩa, tặng 196 sổ tiết kiệm, đỡ đầu hàng tháng 68 suất cho những gia đình liệt sĩ khó khăn. Ngoài ra, hàng năm huyện trợ cấp khó khăn bình quân hơn 6 triệu đồng cho các đối tượng quá khó khăn, cấp sổ khám bệnh thường xuyên cho đối tượng chính sách.

Về sự nghiệp giáo dục, từ 1991 - 1995 đã xây dựng thêm 6 trường học mới, nâng số trường học trên toàn huyện lên 40 trường, với 394 phòng học. Hàng năm xây mới 18 phòng học và đóng mới hơn 200 bộ bàn ghế, đảm bảo thu hút được 96% trẻ em trong độ tuổi đến lớp 1, cơ bản xóa tình trạng học ca ba, giảm tỉ lệ học sinh bỏ học 0,8% mỗi năm. Hoạt động dạy và học của giáo viên và học sinh được nâng dần cả về số lượng lẫn chất lượng. Phong trào phổ cập cấp I hàng năm có hơn 2.000 học sinh đến lớp. Công tác xóa mù chữ cũng được quan tâm. Trong 5 năm (1991 - 1995), có hơn 4.000 học viên đến lớp, 732 người được xóa mù chữ. Hàng năm huyện còn cử cán bộ vào học ở Trường Bổ túc văn hoá cấp III Lê Thị Riêng, quận Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm nâng cao trình độ học vấn cho cán bộ.

Sự nghiệp y tế của huyện có nhiều tiến bộ, đặc biệt là công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, có 16 cơ sở y tế với 150 giường bệnh (tăng 3 cơ sở và 20 giường so với năm 1990). Đội ngũ y, bác sĩ được tăng cả về số lượng và chất lượng, tinh thần, thái độ phục vụ từng bước được nâng lên; các chương trình y tế quốc gia được thực hiện khá tốt, bước đầu nâng cao được năng lực phát hiện và điều trị, hạn chế tử vong. Trang thiết bị khám chữa bệnh được quan tâm đầu tư, đáp ứng được nhu cầu tối thiểu trong việc chẩn đoán và điều trị bệnh cho nhân dân.

Về các hoạt động văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao, trong điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, nhất là các hệ thống truyền thanh xuống cấp chưa được sửa chữa, nhưng với tinh thần tích cực, chủ động của ngành, bằng mọi hình thức đã tổ chức tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng kịp thời xuống cơ sở. Đài truyền thanh, truyền hình huyện duy trì hoạt động thường xuyên và nâng dần chất lượng phục vụ. Từng bước hình thành các đội văn nghệ, nhóm năng khiếu hoạt động theo hướng xã hội hóa. Đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ nét. Phong trào thể dục - thể thao

được thường xuyên duy trì và có phát triển, nhất là ở các cơ quan, trường học.

Toàn huyện có 1 xã vùng cao Phan Dũng và 3 xã miền núi: Phong Phú, Phú Lạc, Vĩnh Hảo. Trong thời gian qua huyện đã có chính sách đối với miền núi và đồng bào dân tộc nên đời sống nhân dân từng bước được ổn định. Đồng bào Rắc-lây ở Phan Dũng quen dần với cách trồng lúa nước. Cơ sở làm việc, trường học, trạm xá được kiên cố hóa, mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân các xã có nâng lên, con em đến trường học ngày càng tăng. Huyện cũng đã ưu tiên cho đồng bào dân tộc vay vốn để đầu tư phát triển sản xuất, tổ chức khoán rừng đến từng hộ nhân dân, giải quyết được nước sản xuất và một phần nước sinh hoạt cho đồng bào Chăm.

Về công tác an ninh - quốc phòng, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc có bước phát triển, các mô hình nhân dân tự quản được xây dựng và mở rộng, góp phần trong việc giữ vững trật tự kỷ cương xã hội trên địa bàn huyện. Công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ được cấp ủy từ huyện đến cơ sở chú ý. Lực lượng công an thường xuyên được củng cố cả về tư tưởng và tổ chức, ý thức phục vụ

nhân dân có tiến bộ. Do đó, tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội được ổn định. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thường xuyên chỉ đạo và đầu tư thích đáng, hàng năm giao quân đều đạt chỉ tiêu. Công tác giải quyết quân nhân đào ngũ và xử lý các vi phạm về nghĩa vụ quân sự đạt được một số kết quả nhất định. Tổ chức công tác diễn tập theo qui định đạt yêu cầu. Duy trì tốt lực lượng chốt giữ trên đảo Lao Câu. Xây dựng và phát triển dân quân tự vệ đạt được 2,68% so với dân số, chất lượng từng bước được nâng lên; lực lượng quân dự bị động viên được quản lý tốt. Hàng năm, hoàn thành chỉ tiêu huấn luyện theo kế hoạch với chất lượng khá. Chính sách hậu phương quân đội được chú ý, đặc biệt là công tác qui tập mộ liệt sĩ, vận động đóng góp xây dựng nhà truyền thống, đỡ đầu nuôi dưỡng gia đình liệt sĩ neo đơn.

Về nâng cao hoạt động và lãnh đạo quản lý của Nhà nước, bộ máy chính quyền các cấp được quan tâm củng cố. Qua thực hiện Nghị quyết 109 và 111 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ), bộ máy hành chính cấp huyện đã được sắp xếp tương đối gọn nhẹ, phát huy được hiệu quả hoạt

động. Ở các xã, thị trấn, sau khi thực hiện Nghị định 50 của Chính phủ đã tinh giảm theo qui định. Trình độ văn hóa và chuyên môn của cán bộ chủ chốt từ huyện đến xã được nâng lên. Chất lượng công tác của viên chức Nhà nước có tiến bộ.

Hội đồng nhân dân ngày càng được củng cố và phát huy hiệu quả hoạt động góp phần tích cực đẩy nhanh quá trình đổi mới bộ mặt kinh tế- xã hội ở địa phương. Chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp có nâng lên, hoạt động phối hợp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện được thực hiện có khá hơn trước. Công tác thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đạt được những kết quả nhất định, góp phần quan trọng trong việc ổn định chính trị, bảo vệ luật pháp, giữ vững trật tự xã hội.

Về công tác Mặt trận, đoàn thể, hơn 4 năm dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, các tổ chức quần chúng tiếp tục xác định vai trò và chức năng của mình, tập hợp, động viên nhân dân tham gia tốt các phong trào, góp phần giữ vững sự ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh - quốc phòng, thúc đẩy công cuộc đổi mới của huyện tiếp tục phát triển.

Mặt trận từ huyện đến cơ sở chú trọng đa dạng hóa các hình thức tập hợp, thành lập Ban liên lạc tù chính trị... Hình thành được 95 tổ nhân dân tự quản ở 7/10 xã, thị trấn. Mặt trận cùng với chính quyền làm tốt công tác tôn giáo, dân tộc, vận động giúp đỡ các gia đình chính sách, xây dựng các loại quỹ phục vụ cho đời sống nhân dân.

Các đoàn thể quần chúng đi sâu vào việc củng cố tổ chức, phát triển hội viên, đoàn viên, tham gia giải quyết việc làm, giúp nhau làm kinh tế gia đình, xây dựng quĩ và vận động quần chúng thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng. Hội Phụ nữ thực hiện 5 chương trình do Trung ương hội đề ra, như chương trình phòng chống suy dinh dưỡng, tiêm chủng mở rộng, dân số, phòng trừ tệ nạn xã hội... Hội Nông dân vận động nông - ngư dân thực hiện tốt việc chuyển đổi cây trồng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, tham gia chương trình khuyến nông và phòng trừ dịch bệnh. Hội Cựu chiến binh tiếp tục phát huy truyền thống bộ đội Cụ Hồ, làm gương tốt cho thế hệ trẻ, tổ chức nói chuyện thời sự, nói chuyện truyền thống cho thanh niên. Liên đoàn Lao động vẫn kiên trì giáo dục công nhân viên chức chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vượt khó

để hoàn thành nhiệm vụ cơ quan. Đoàn Thanh niên tập trung xây dựng củng cố Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, tổ chức các phong trào "Thanh niên lập nghiệp", "Tuổi trẻ giữ nước". Mặt trận và các đoàn thể đã góp phần quan trọng khơi dậy không khí dân chủ, công khai trong nhân dân, chất lượng và số lượng đoàn viên, hội viên có nâng lên.

Trong xây dựng Đảng, công tác giáo dục chính trị tư tưởng vẫn được xem là nhiệm vụ quan trọng. Các nghị quyết, chủ trương của Đảng từ Trung ương đến địa phương đều được tổ chức triển khai trong đảng viên và quần chúng. Hình thức, phương pháp công tác tư tưởng đa dạng hơn như: hội nghị quán triệt, các lớp chuyên đề, bồi dưỡng chính trị, nói chuyện thời sự... cho cán bộ và nhân dân hiểu rõ đường lối, chủ trương của Đảng, nâng cao được nhận thức về âm mưu của kẻ thù, về thực trạng tình hình chính trị kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương; qua đó xác định sự lãnh đạo của Đảng là kiên định mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội và đổi mới đất nước. Đảng bộ các cấp thể hiện được sự đoàn kết thống nhất cao, giữ vững mối quan hệ tốt với quần chúng nhân dân.

Về tổ chức, toàn huyện có 40 cơ sở Đảng, trong đó có 7 đảng bộ, tăng 6 cơ sở đảng so với năm 1991. Qua phân loại cuối năm 1994 có 11 cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, 22 cơ sở khá và 4 cơ sở yếu kém. So với năm 1991 chất lượng tổ chức Đảng giảm 5 cơ sở yếu kém, tăng 8 cơ sở trong sạch vững mạnh. Huyện cũng thành lập Ban Dân vận huyện ủy, các đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Hội phụ nữ, Ủy ban Mặt trận và Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân huyện, bước đầu đi vào hoạt động có nề nếp.

Công tác phát triển Đảng được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên. Tổ chức được 14 lớp học cảm tình Đảng cho 535 quần chúng ưu tú. Kết nạp được 228 đảng viên, chất lượng đảng viên mới kết nạp được nâng lên. Đến cuối tháng 12/1995, toàn huyện có 756 đảng viên (100 dự bị), tăng 156 đảng viên so với năm 1991. Trong đó, đảng viên nữ chiếm 22,5%, dân tộc ít người chiếm 6,35% và đảng viên hưu trí mất sức chiếm 26%.

Công tác cán bộ cũng được chú ý tăng cường từ huyện đến cơ sở. Lãnh đạo tốt về nhân sự trong công tác bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân từ huyện đến xã, thị trấn. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Tuy Phong
lần thứ IV, nhiệm kỳ 1996 - 2000.

chủ chốt của huyện và cơ sở cơ bản ổn định; việc bố trí sắp xếp và thực hiện chính sách cán bộ đúng nguyên tắc và khách quan. Ngoài ra huyện đã tạo điều kiện và tổ chức cho cán bộ, đảng viên được bồi dưỡng kiến thức về kinh tế thị trường, quản lý nhà nước, công tác Đảng, công tác đoàn thể, nâng cao trình độ văn hóa và chuyên môn nghiệp vụ. Huyện ủy đã cử 23 đồng chí học cao cấp chính trị, 21 đồng chí học trung cấp lý luận, 514 đồng chí được bồi dưỡng chính trị phổ thông, 15 đồng chí học đại học các ngành.

Việc kiểm tra tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên được tổ chức thường xuyên nhằm ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực, uốn nắn những lệch lạc trong hoạt động của các cấp ủy và đảng viên. Các đảng bộ cơ sở đều có ủy ban kiểm tra hoặc đồng chí trong cấp ủy được phân công làm công tác kiểm tra. Ủy ban kiểm tra Huyện ủy đã tổ chức 55 lượt kiểm tra các chi- đảng bộ, tập trung vào các vấn đề chấp hành Điều lệ Đảng, thực hiện qui chế, nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt, phẩm chất đạo đức đảng viên... Trong nhiệm kỳ đã kiểm tra 474 đảng viên, kiểm điểm xem xét, xử lý kỷ luật 23 đồng chí (trong đó khai trừ 5), xóa tên trong danh

sách đảng viên 33 người; giải quyết 15 đơn thư tố cáo, trong đó chủ yếu là mối quan hệ của đảng viên đối với quần chúng. Nhìn chung, việc kiểm tra, kết luận và xử lý kỷ luật đảng viên, kiểm tra tài chính Đảng, kiểm tra cấp dưới... được tiến hành đúng nguyên tắc và thủ tục qui định. Hạn chế của công tác quản lý và kiểm tra đảng viên ở chi, đảng bộ cơ sở là chưa làm thường xuyên, chưa có biện pháp phòng ngừa.

Từ ngày 26 đến 27/3/1996, Đảng bộ huyện Tuy Phong tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ IV, nhiệm kỳ 1996 - 2000. Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa IV có 33 đồng chí và Ban Thường vụ có 11 đồng chí. Trong đó, các đồng chí Phạm Trọng Do - Tỉnh ủy viên, Bí thư kiêm Chủ tịch HĐND; đồng chí Phạm Trọng Tình - Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Trần Văn Nhựt - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện.

Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân huyện năm 1999, đồng chí Trần Văn Nhựt được bầu làm Chủ tịch UBND huyện; các đồng chí Trần Văn Tám và đồng chí Hồ Ba làm Phó Chủ tịch UBND huyện, đồng chí Phạm Tấn Tài, Phó Chủ tịch UBND huyện khoá trước, được bầu làm Phó Chủ tịch HĐND huyện.

Đồng chí Phạm Trọng Tình,
Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
(từ tháng 11/1991-1999),
Bí thư Huyện ủy (từ năm 2000).

Đồng chí Trần Văn Nhựt,
Phó Bí thư - Chủ tịch UBND huyện
(từ tháng 4/1996 đến năm 2000).

Trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IV, Đảng bộ và nhân dân Tuy Phong đạt được nhiều thành tích. Trong nhiệm vụ phát triển kinh tế, trong những năm qua, đã có tăng trưởng và bước đầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng "dịch vụ, công nghiệp và nông nghiệp", tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 9,95%, đạt 116,4% kế hoạch. Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2000 là 233 USD/330 USD, đạt 70,6%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng từ 1995 đến 2000: ngành công nghiệp- xây dựng tăng từ 22,3% lên 24,6%. Ngành dịch vụ tăng từ 22,2% lên 25%. Ngành nông - lâm - ngư nghiệp giảm từ 55,5% xuống 50,4%.

Đối với ngành thủy sản được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, nên huyện và nhân dân đã tập trung đầu tư phát triển cả khai thác, nuôi trồng và chế biến. Để có phương tiện khai thác hải sản vùng biển, toàn huyện đã đóng mới 12 thuyền máy có công suất từ 90CV trở lên, trị giá 7,2 tỉ đồng để đánh bắt xa bờ. Trong đó thị trấn Phan Rí Cửa đã có 3 tổ đánh bắt hải sản đi vào sản xuất từ năm 1997. Đến cuối năm 2000, toàn huyện có 1.100 thuyền/34.200 CV, bình quân công suất 31,1 CV/thuyền, vượt chỉ tiêu đề ra 1,1 CV/thuyền, trong đó, thuyền từ 90CV

trở lên có 30 chiếc. Sản lượng khai thác hàng năm tăng 2,2%. Năm 2000 khai thác đạt 30.000 tấn hải sản, hoàn thành chỉ tiêu đề ra. Các chương trình khuyến ngư, các tiến bộ kỹ thuật được áp dụng rộng rãi trong khai thác thủy sản.

Tình hình nuôi trồng thủy sản phát triển có 78 ha nuôi tôm sú, đạt 65% kế hoạch. Nhờ áp dụng công nghệ nuôi tôm tiên tiến, năng suất thu hoạch từ 1 tấn đến 1,2 tấn/ha/vụ, tăng 2 lần so với năm 1995. Riêng nuôi tôm giống có 45 trại, sản xuất đạt hiệu quả cao, cung cấp cho thị trường khoảng 400 triệu post, tập trung chủ yếu ở xã Hòa Phú và Vĩnh Hảo. Đây là nghề có hiệu quả và tiềm năng phát triển khá lớn của huyện.

Về chế biến hải sản, mặc dù gặp khó khăn về thị trường, nhưng Xí nghiệp thủy sản Chí Công và các cơ sở gia công hải sản thô, chế biến nước mắm... vẫn mua hàng, tiêu thụ sản phẩm cho ngư dân. Thông qua chương trình khuyến ngư, đã phổ biến, hướng dẫn áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong khai thác, vận động ngư dân mua sắm các thiết bị bộ đàm, định vị, tầm ngư... Đa số thuyền công suất từ 20 CV trở lên có máy bộ đàm và 33% số thuyền

có máy tầm ngư, định vị. Tính đến năm 1998, toàn huyện đã trang bị 900 máy bộ đàm, 300 máy dò và định vị cho các thuyền. Công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản được tăng cường, thường xuyên tuần tra, kiểm soát, xử lý nhiều vụ vi phạm, góp phần hạn chế tình trạng phá hoại ngư trường và nguồn lợi biển.

Trong nông nghiệp tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi gắn với sản xuất hàng hóa, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng tổng diện tích gieo trồng lên 6.403 ha. Sản lượng lương thực đạt 13.600 tấn, đạt 104,6% kế hoạch. Mở rộng diện tích cây ăn quả tăng lên 2 lần so với năm 1995, trong đó cây nho đạt 210 ha, cây thanh long 15 ha, các loại cây trồng khác 658 ha. Chăn nuôi so với năm 1995, đàn bò tăng 39,2%, đàn heo tăng 79,7%, đàn dê tăng 67,9%. Các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp có bước phát triển nhanh. Khâu làm đất được cơ giới hóa 90%. Huyện đang đưa vào thử nghiệm máy gặt xếp hàng, máy sạ hàng. Cây công nghiệp như bụp dấm, mía đường, tứ quý là cây trồng mới, đạt hiệu quả kinh tế cao được đưa vào trồng thay thế cho cây bông vải ở vùng Phong Phú. Cây bụp dấm đạt khoảng 350 ha, sản lượng ổn định, góp phần tăng thu nhập cho nông dân.

Để nông nghiệp phát triển, ngoài việc thực hiện các chính sách của Đảng và Chính phủ, công tác khuyến nông được coi trọng. Bước đầu huyện áp dụng trồng giống lúa ngắn ngày (lúa thơm Hà Nội) phát triển tốt. Ngoài ra, các loại giống lúa MTL 48, MTL 62... giống bắp lai VN10, giống mía ROC10, giống xoài Hòa Lộc, nhãn da bò; hoặc trong chăn nuôi, việc sind hóa đàn bò, phát triển giống gà Tam Hoàng, vịt siêu trứng... được cơ quan khuyến nông huyện phổ biến, ứng dụng rộng rãi trong nhân dân đã đem lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra, huyện còn đầu tư vốn, kỹ thuật, triển khai mô hình vườn rừng (nông - lâm kết hợp), chương trình sind hóa đàn bò, nạc hóa đàn heo, gà thả vườn, chương trình IPM... giúp cho nông dân có kiến thức khoa học - kỹ thuật áp dụng vào sản xuất và mang lại hiệu quả nhất định.

Công tác thủy lợi phục vụ sản xuất đã gia cố, sửa chữa các hệ thống đập, kênh mương phục vụ tưới tiêu, thâm canh, tăng vụ. Hoàn thành cơ bản hệ thống thủy lợi hồ Đá Bạc xây dựng năm 1996 và tổ chức khởi công hồ sông Lòng Sông vào ngày 21/11/2000 là kết quả của quá trình Đảng bộ huyện

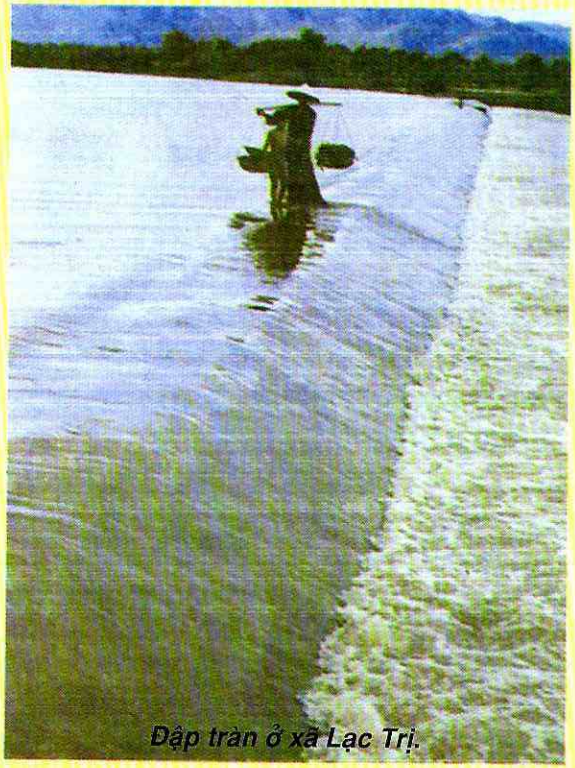

Đập tràn ở xã Lạc Trị.

Hồ chứa nước Sông Lòng Sông.

đề nghị với cấp trên từ năm 1991 đến năm 2000. Đây là sự kiện có ý nghĩa để chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V [1].

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 64 của Chính phủ về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình sử dụng ổn định lâu dài. Đến cuối năm 2000, huyện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nông dân được 4.836 ha/5.336 ha, trong đó giai đoạn 1996-2000 cấp được 3.193 ha. Việc tranh chấp đất đai tuy có xảy ra nhưng không đáng kể, từng bước thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo qui hoạch.

Việc trồng rừng, trong 5 năm trồng được 2.525 ha rừng tập trung và 805.000 cây phân tán. Đến năm 2000, tổng số diện tích rừng trồng trên địa bàn huyện là 4.530 hà, độ che phủ, đạt 60%. Công tác giao khoán bảo vệ rừng được triển khai, góp phần ổn định đời sống của đồng bào miền núi, vùng cao và từng bước hạn chế nạn cháy rừng, phá rừng.

---

(1) *Năm 1978, huyện có kế hoạch xây dựng đập Bá Ra để có nước sản xuất cho nhân dân Tuy Tịnh, do 2 đồng chí Dương Quang Thái và Nguyễn Nhạn phụ trách. Từ năm 1984, huyện chủ trương xây dựng hồ thủy lợi Sông Lòng Sông và nhờ Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh khảo sát thực tế.*

Các xí nghiệp công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trong quốc doanh được đầu tư, đổi mới trang thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng sản xuất, từng bước tạo được chỗ đứng trong thị trường. Riêng Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo xây dựng mới cơ sở sản xuất trị giá 27 tỉ đồng, với quy mô lớn và công nghệ cao. Huyện cũng đã đầu tư xây dựng mạng lưới điện cho các xã Vĩnh Hảo, Phong Phú, Phan Dũng, nâng tổng số xã có điện lưới quốc gia 11/11 xã, thị trấn. Hàng năm, huyện đầu tư mở rộng mạng lưới điện hiện có, cung cấp hơn 20 triệu KWh điện cho sản xuất và thắp sáng. Số hộ sử dụng điện đạt gần 90%. Xây dựng mới hệ thống cấp nước cho các xã Phong Phú, Hòa Phú, Hòa Minh, Phan Dũng; mở rộng thêm nhiều tuyến ống cấp nước ở Liên Hương, Phan Rí Cửa, Bình Thạnh, Phú Lạc, nâng tổng số hộ được cấp nước sinh hoạt tăng 1,7 lần so với năm 1995. Riêng Hợp tác xã mua bán xã Chí Công đầu tư hơn 200 triệu đồng nâng cấp hệ thống nước phục vụ cho nhân dân trong xã.

Xí nghiệp công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ngoài quốc doanh, chủ yếu là đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, sửa chữa động cơ, khai thác vật liệu xây

dựng, chế biến nông - hải sản, gia công các loại cửa sắt, cửa nhôm... Mặc dù công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ngoài quốc doanh có quy mô nhỏ, chủ yếu thủ công, nhưng đã góp phần tăng giá trị công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở địa phương, giải quyết việc làm, phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

Về thương mại, dịch vụ, du lịch hoạt động được mở rộng, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Dịch vụ vận tải tăng nhanh về phương tiện, so với năm 1995 tăng 1,94 lần. Dịch vụ bưu điện phát triển theo hướng hiện đại hóa mạng lưới viễn thông. Về bưu chính viễn thông, năm 1994 toàn huyện có 4 tổng đài, 64 máy điện thoại, đến năm 2000 đã có 10/11 xã, thị trấn có điện thoại, bình quân 3,94 máy/100 dân. Các dịch vụ mới như Fax, Internet, thư điện tử đưa vào sử dụng tại trung tâm bưu điện huyện và một số bưu cục. Tuy kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch còn nhiều yếu kém, nhưng các thành phần kinh tế đã phát huy ưu thế về cảnh quan, tổ chức thu hút du khách. Riêng trong năm 2000, thu hút 95.000 lượt khách du lịch, tăng gấp 2 lần so với năm 1995.

Trong 5 năm (1996 - 2000), thu ngân sách đạt khoảng 82 tỉ đồng, tăng bình quân hàng năm 5,5%, đáp ứng được các yêu cầu chi thường xuyên, từng bước kiểm soát chi theo qui định, hạn chế lãng phí chi từ nguồn ngân sách nhà nước. Ngân hàng Nông nghiệp huy động vốn trong năm 2000 được 27 tỉ đồng, tăng 1,75 lần so với năm 1995, cho vay hơn 8.000 hộ, tổng dư nợ khoảng 52 tỉ đồng, tăng 2,26 lần so với năm 1995, trong đó nông nghiệp chiếm 60%, hải sản chiếm 19%, thương nghiệp - dịch vụ chiếm 6,3%. Ngân hàng người nghèo cho 3.700 hộ vay để tạo việc làm, giải quyết nghèo đói với tổng số vốn 7,3 tỉ đồng, nâng số người nghèo được vay vốn Nhà nước tăng 4,8 lần so với năm 1995. Các quỹ tín dụng nhân dân cho vay vốn với nhiều hình thức và lãi suất phù hợp, góp phần hạn chế nạn cho vay nặng lãi ở nông thôn.

Về đổi mới cơ chế quản lý và phát triển các thành phần kinh tế, thông qua các chính sách khuyến khích đầu tư, chính sách thuế... các thành phần kinh tế trong huyện có bước phát triển. Kinh tế nhà nước có 4 doanh nghiệp và một công ty cổ phần sản xuất muối, nước khoáng, vật liệu xây dựng, chế biến hải

sản. Một số doanh nghiệp bị thua lỗ trước đây, đã từng bước khôi phục, phát triển sản xuất và hoạt động có hiệu quả. Kinh tế tư nhân và kinh tế cá thể phát triển đa dạng ngành nghề, nhưng phần lớn có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu. Toàn huyện có 2.497 cơ sở sản xuất kinh tế, so với năm 1995 tăng 121%. Có 1 đơn vị (TOMTEC) 100% vốn nước ngoài đầu tư vào nuôi tôm công nghiệp.

Sau khi có Luật hợp tác xã, huyện đã khảo sát, kết quả có 12 hợp tác xã - tổ hợp tác nông nghiệp, thương nghiệp, tín dụng đang hoạt động. Thực hiện việc chuyển đổi theo luật, toàn huyện còn 7 hợp tác xã. Hợp tác xã tín dụng Liên Hương chuyển thành quỹ tín dụng nhân dân, số đơn vị còn lại xem xét giải thể. Riêng lĩnh vực nghề cá có 7 đơn vị hợp tác được vay vốn theo dự án thuyền có công suất lớn.

Trong xây dựng, thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, huyện đã tập trung xây dựng một số công trình nhỏ. Huyện tổ chức nạo vét chỉnh trị cửa Sông Lũy, gia cố kè sông, kè biển; xây dựng 89 km đường giao thông nông thôn và đô thị, trong đó có 15,36 km đường nhựa. Mặt khác, huyện phát triển 71,19 km đường điện trung thế; mở rộng

hệ thống cấp nước, lắp đặt 2 km đường ống thoát nước ở hai thị trấn. Trong giáo dục, đã xây mới 91 phòng học, trong đó có 56 phòng lầu. Đầu tư xây dựng khoa ngoại sản bệnh viện huyện, một số trạm y tế và công trình phúc lợi xã hội khác.

Việc qui hoạch quản lý đất đai toàn huyện mở rộng 11 khu dân cư mới (33 ha), qui hoạch hệ thống đường giao thông nội bộ 7 xã, thị trấn. Đến năm 2000, đã có 8/11 xã, thị trấn xây dựng xong qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

Về công tác xã hội, đến cuối năm 2000, dân số toàn huyện có khoảng 124.570 người. Trong đó có khoảng 58.550 người trong độ tuổi lao động. Thông qua phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong thời gian qua, đã giải quyết việc làm cho 7.984 lao động, nhờ đó từng bước giảm dần sức ép đối với gia đình và xã hội.

Thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, năm 1995 toàn huyện có 5.284 hộ đói nghèo, chiếm tỉ lệ 29,46% tổng số hộ trong huyện. Trong đó, có 1.595 hộ đói, riêng hộ chính sách chiếm 5%. Những năm qua tập trung các giải pháp, các nguồn vốn của Ngân hàng người nghèo, dự án 327, vốn 120, vay

vốn tín chấp của ngân hàng thông qua các đoàn thể quần chúng ... đã giúp đỡ cho các hộ nghèo đói về vốn, kiến thức, kinh nghiệm, tư liệu sản xuất, việc làm, hỗ trợ đồng bào dân tộc định canh định cư ... Thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, đã có 1.018 hộ/3.689 hộ vượt qua nghèo và 1.218 hộ/1.595 hộ xóa được đói, góp phần giảm hộ đói nghèo từ 29,46% xuống 13%. So với kế hoạch đạt được chỉ tiêu giảm nghèo, nhưng chưa xóa hết hộ đói.

Chính sách đền ơn đáp nghĩa đã thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người có công. Phong trào chăm sóc, đỡ đầu gia đình đối tượng chính sách được các tầng lớp nhân dân tham gia, đóng góp được 737 triệu đồng, xây dựng 42 nhà tình nghĩa (trị giá 1 tỉ đồng), hỗ trợ sửa chữa 112 nhà cho các đối tượng chính sách, (mỗi nhà trị giá từ 5 - 10 triệu đồng), tặng 240 sổ tiết kiệm, 149 suất đỡ đầu phụng dưỡng. Xây dựng đài, bia tưởng niệm, thăm hỏi nhân các ngày lễ, tết và nhiều việc làm thiết thực khác.

Thông qua chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn và các chương trình khác, Nhà nước đã đầu tư 5 tấn lúa giống, 7.900 cây ăn quả, 45 con bò, sửa chữa đập Tà Uông, Tà Cang, xây

dựng hệ thống cấp nước, lắp đặt thiết bị thu hình, xây dựng nhà trẻ và thi công đường điện cao thế trị giá khoảng 2 tỉ đồng. Với chính sách hỗ trợ đầu tư của Nhà nước, đã giúp cho nhân dân xã Phan Dũng ổn định đời sống, hạn chế du canh du cư, phá rừng làm rẫy, từng bước chuyển dần sang làm lúa nước ngắn ngày 2 vụ/năm. Trang thiết bị y tế và bố trí 1 y sĩ cho trạm y tế xã, đẩy lùi dần nạn mê tín dị đoan trong nhân dân.

Đối với giáo dục, thực hiện chủ trương phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ, đồng thời huyện tiếp tục mở rộng mạng lưới trường lớp ở cả các hình thức công lập, bán công, tư thục. Thành lập mới 3 trường THCS ở Chí Công, Vĩnh Hảo, Phước Thể. Hàng năm, đội ngũ giáo viên các cấp học được bổ sung. Tỉ lệ huy động trẻ em vào lớp 1 hàng năm đạt từ 97- 100%. Chất lượng học tập của học sinh có nâng lên, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp tăng, trong đó tiểu học tăng 8,9%, trung học cơ sở tăng 20,2%, trung học phổ thông tăng 16%. Huyện được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ, đồng thời triển khai thí điểm các lớp phổ cập trung học cơ sở tại thị trấn Liên Hương.

Về cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế bước đầu được đầu tư từ huyện đến cơ sở. Đội ngũ y, bác sĩ tăng 47% so với năm 1995. Đã đạt bình quân 10.000 dân có 13 y, bác sĩ và 70% số trạm y tế có bác sĩ. Các chương trình y tế quốc gia được triển khai thực hiện đạt 90%. Khám chữa bệnh đạt bình quân 1,6 lần/người, chính sách sử dụng giường bệnh cao, hạn chế chuyển viện lên tuyến trên. Công tác phòng chống dịch bệnh được quan tâm, phát hiện và xử lý kịp thời khi dịch bệnh xảy ra.

Thông qua các chương trình quản lý dân số, dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, tuyên truyền giáo dục kết gắn với chương trình lồng ghép xóa đói giảm nghèo, đã tác động đồng bộ hạ thấp tỉ lệ phát triển dân số. Vận động số người thực hiện các biện pháp tránh thai tăng 30,6% so với năm 1995, tỉ lệ sinh con thứ ba hàng năm giảm 5%, tỉ lệ giảm sinh hàng năm 0,14%, góp phần hạ thấp tỉ lệ phát triển dân số tự nhiên còn 1,66%. Sức khỏe bà mẹ trẻ em ngày càng được cải thiện, số cháu suy dinh dưỡng giảm từ 45,77% xuống 27,4%.

Công tác thông tin tuyên truyền đã phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của huyện. Toàn huyện đã có

11/11 xã, thị trấn phủ sóng truyền hình, trong đó xã Phan Dũng được lắp đặt thiết bị tiếp phát truyền hình riêng. Đồng thời đã có 10/11 xã, thị trấn phủ sóng truyền thanh; 7/11 xã, thị trấn có hệ thống loa truyền thanh. Các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao từ huyện đến cơ sở được tổ chức vào các ngày lễ lớn với nhiều hình thức phong phú, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho nhân dân. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm, từng bước hạn chế văn hóa phẩm độc hại và mê tín dị đoan.

Các cấp, các ngành triển khai khá tốt cuộc vận động xây dựng cuộc sống mới - nếp sống văn hóa, tổ chức 23 thôn, khu phố văn hóa và 100% cơ quan, đơn vị đang ký cơ quan có nếp sống văn minh. Bước đầu các làng văn hóa có chuyển biến trên một số mặt như củng cố tình làng nghĩa xóm, giải quyết vệ sinh môi trường, ổn định trật tự thôn xóm ... Từ năm 1998, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, từ huyện đến các xã tiến hành thành lập Ban chỉ đạo. Ngoài việc tổ chức học tập cho cán bộ, nhân dân về qui chế dân chủ, Ban chỉ đạo xuống tận cơ sở hướng dẫn các biện pháp thực hiện và từng hộ, từng thôn, xóm đăng ký

thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở hàng năm. Đồng thời, Ban chỉ đạo hình thành 77 Ban Thanh tra nhân dân và tổ chức công khai cho nhân dân biết để dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

Công tác quốc phòng toàn dân được củng cố, xây dựng và phát triển. Lực lượng dân quân tự vệ đạt tỉ lệ 2,53% so với dân số, chất lượng công tác dân quân có nâng lên. Công tác huấn luyện quân dự bị động viên, huấn luyện dân quân tự vệ, tổ chức đăng ký và quản lý thanh niên lứa tuổi 17 trở thành nề nếp hàng năm. Công tác gọi công dân nhập ngũ luôn đạt chỉ tiêu tỉnh giao. Công tác hậu phương quân đội được các cấp các ngành quan tâm với nhiều hoạt động thiết thực.

Ngoài ra, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự huyện và các ngành chức năng cùng Đảng bộ các xã, thị trấn tổng kết thành tích trong hai cuộc kháng chiến của quân, dân trong huyện. Đã đề nghị Chủ tịch nước xét phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Tuy Phong và 7/11 địa phương, như xã Bình Thạnh, Vĩnh Hảo, Phước Thể, Chí Công, Hòa Minh và thị trấn Liên Hương, Phan Rí Cửa.

An ninh chính trị tiếp tục ổn định, trật tự xã hội cơ bản đảm bảo, các vụ vi phạm pháp luật có tích cực ngăn chặn, xử lý kịp thời. Phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng lực lượng công an nhân dân luôn được tăng cường, góp phần quan trọng giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Mặc dù tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định nhưng từng lúc từng nơi vẫn còn diễn biến phức tạp, nhất là tai nạn giao thông và tệ nạn xã hội. Phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc chưa rộng khắp, hoạt động phối hợp của các cơ quan bảo vệ pháp luật thiếu đồng bộ.

Về xây dựng hệ thống chính quyền, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân từ huyện đến xã, thị trấn phát huy được vai trò giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp, thực hiện đầy đủ các đợt tiếp xúc cử tri để lắng nghe, tiếp thu và giải quyết các ý kiến, nguyện vọng của nhân dân. Nhìn chung, Hội đồng nhân dân huyện, xã, thị trấn hoàn thành được nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 1994 - 1999. Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp huyện

và xã, thị trấn nhiệm kỳ 1999 - 2004 có 276 đại biểu được bầu, trong đó đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa V có 30 đại biểu. So với nhiệm kỳ trước, đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp được trẻ hóa, trình độ văn hóa có tăng lên, đa số được bồi dưỡng nghiệp vụ người đại biểu nhân dân.

Ủy ban nhân dân huyện và các xã, thị trấn đã thực hiện Nghị quyết 38, năm 1998 của Chính phủ, các nghị quyết của Đảng và Hội đồng nhân dân cùng cấp về cải cách hành chính, một dấu, một cửa trong điều hành công việc xã hội, triển khai tổ chức thực hiện đạt kết quả ở một số lĩnh vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tích cực thực hiện cải cách thủ tục hành chính, xây dựng qui chế làm việc của Ủy ban nhân dân, điều hành sự phối hợp giữa các phòng, ban với các địa phương. Các phòng ban chuyên môn của huyện đã tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện nhiều biện pháp quản lý nhà nước, có hiệu quả nhất định. Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp ngày 19/4/1999, bộ máy Ủy ban nhân dân từ huyện đến các xã, thị trấn được củng cố, bổ sung, chất lượng hoạt động bước đầu có chuyển biến. Đối với

cấp xã, thị trấn, từ năm 1996 đã thành lập xong các thôn và khu phố, đến nay toàn huyện có 26 thôn và 9 khu phố [1].

Ngành tư pháp trong huyện đã triển khai giáo dục pháp luật với nhiều hình thức như tổ chức thi tìm hiểu pháp luật, tổ chức học tập, tuyên truyền trên hệ thống phát thanh, trang bị tủ sách pháp luật tại các xã, thị trấn. Mạng lưới tuyên truyền pháp luật có 18 báo cáo viên, 83 tuyên truyền viên cơ sở, góp phần đưa pháp luật vào đời sống nhân dân. Công tác kiểm sát thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra, góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Tòa án nhân dân huyện giải quyết 1.233/1.264 vụ án các loại. Công tác tiếp dân, tiếp nhận và giải quyết đơn thư tố cáo có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế như công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật trong nhân dân chưa được sâu rộng, chậm củng

---

(1) *Năm 1994, thực hiện Nghị quyết 46/CP của Chính phủ về việc sắp xếp, chuẩn hóa cán bộ xã, thị trấn, toàn huyện có 176 cán bộ. Qua sắp xếp theo Nghị định 50/CP của Chính phủ năm 1995 và Nghị định 09/CP năm 1998, đội ngũ cán bộ xã, thị trấn có 223 người.*

cố hoạt động của đội thi hành án, số vụ việc thi hành án còn tồn đọng nhiều và kéo dài.

Mặt trận và các đoàn thể quần chúng từ huyện đến cơ sở phát huy vai trò, chức năng đổi mới phương thức hoạt động, tập hợp phát triển hội viên. Từ khi thực hiện Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị (1994) về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất, Mặt trận và các đoàn thể đã chăm lo đời sống vật chất tinh thần và vận động mọi tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị và phong trào hành động cách mạng của địa phương.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện thể hiện vai trò nòng cốt, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân thông qua các tổ chức: Hội người cao tuổi, Ban liên lạc tù chính trị, Ban thanh tra nhân dân... Mặt trận còn là nơi giữ vững mối đoàn kết các chức sắc tôn giáo, dân tộc. Huyện xây dựng 76 tổ dân cư, thực hiện 5 tiêu chí của gia đình văn hóa. Tổ chức tốt việc hiệp thương giới thiệu đại biểu ứng cử Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 1999 - 2004, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước và các cuộc vận động đền ơn đáp nghĩa...

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tiếp tục đẩy mạnh hai phong trào "Thanh niên lập nghiệp và tuổi trẻ giữ nước". Thông qua các hoạt động về nguồn, giao lưu, họp mặt, tọa đàm ... giáo dục cho đoàn viên, thanh niên về Đảng, Bác Hồ và lý tưởng cách mạng. Xây dựng mới 119 cơ sở tổ chức đoàn, hội, đội; phát triển 1.963 đoàn viên, 2.720 hội viên thanh niên, 7.733 đội viên thiếu niên. Giới thiệu 491 đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét kết nạp. Chất lượng hoạt động của tổ chức đoàn cơ sở ngày càng được nâng lên, so với năm 1995, số cơ sở đoàn xếp loại vững mạnh tăng 57,5%.

Hội Liên hiệp phụ nữ triển khai thực hiện có hiệu quả 5 chương trình Trung ương hội đề ra, tổ chức nhiều hoạt động phong phú, thu hút nhiều hội viên tham gia. Từ phong trào, vai trò của người phụ nữ trong xã hội và gia đình được nâng lên, nhiều chị em đạt danh hiệu người phụ nữ "giỏi việc nước, đảm việc nhà". Đồng thời, phát triển thêm 2.069 hội viên, nâng tổng số hội viên hiện có là 13.881.

Hội Nông dân thể hiện vai trò nòng cốt trong lao động sản xuất, xóa đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu ở nông thôn. Hội đã phối hợp với các ngành

chức năng tổ chức tập huấn, hội thảo chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật về khai thác thủy sản, cây trồng, vật nuôi... cho nông dân. Đồng thời, xây dựng mới 6 chi hội, 35 tổ hội, phát triển mới 2.852 hội viên, nâng tổng số hội viên nông dân toàn huyện lên 4.304 hội viên.

Hội Cựu chiến binh đã tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống cách mạng cho thanh niên, giáo dục hội viên giữ vững danh hiệu "Anh bộ đội Cụ Hồ". Hội còn phối hợp với công an nhân dân thực hiện chương trình giữ gìn trật tự xã hội, cảm hóa giáo dục các đối tượng vi phạm. Tổng số hội viên hiện có 841, tăng 183 hội viên so với năm 1995.

Liên đoàn Lao động huyện tập trung giáo dục đoàn viên công đoàn nâng cao ý thức về giai cấp công nhân, duy trì các phong trào thi đua lao động giỏi. Mặt khác còn chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ văn hóa, chức năng, nghiệp vụ và chính trị cho đoàn viên.

Hội Chữ thập đỏ đẩy mạnh các hoạt động từ thiện, nhân đạo bằng các nguồn vốn vận động các tổ chức từ thiện trong và ngoài nước giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn. Thông qua hoạt động từ thiện phát triển mới 1.110 hội viên.

Đối với công tác tôn giáo có nhiều chuyển biến, tạo điều kiện cho các chức sắc tôn giáo và tín đồ an tâm, thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đúng theo phương châm "sống tốt đời, đẹp đạo". Song, việc tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực tôn giáo đối với đồng bào có đạo chưa nhiều, nhất là triển khai Nghị định 26/CP của Chính phủ.

Công tác xây dựng Đảng luôn quan tâm chú trọng cả 3 mặt chính trị tư tưởng, tổ chức và kiểm tra. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng đã thường xuyên triển khai trong Đảng và quần chúng các nghị quyết, chủ trương của Đảng, Nhà nước, tình hình thời sự trong và ngoài nước. Nhân dịp Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang" cho quân và dân huyện Tuy Phong và các xã, thị trấn Phan Rí Cửa, Chí Công, Hòa Minh, Liên Hương, Vĩnh Hảo, Phước Thể, nhân các ngày lễ lớn trong năm 2000, từ huyện đến cơ sở tổ chức nhiều hoạt động giáo dục về Đảng, Bác Hồ, về chủ nghĩa xã hội và truyền thống cách mạng địa phương. Các cơ quan thông tin đại chúng được trang bị thêm phương tiện kỹ thuật và có chú ý cải tiến nội dung tuyên truyền.

Huyện mở lớp bồi dưỡng tuyên truyền viên cơ sở cho 53 đồng chí; mở 20 lớp chính trị phổ thông cho 1.115 đồng chí; 22 lớp đối tượng Đảng cho 640 quần chúng; 4 lớp bồi dưỡng cấp ủy cơ sở cho 149 đồng chí và nhiều lớp tập huấn nghiệp vụ cho các đoàn thể.

Đồng thời, năm 1993 huyện đã xuất bản "Lịch sử Đảng bộ huyện Tuy Phong, tập I, thời kỳ 1930 - 1954"; tập "Những trận đánh hay"; năm 2003 xuất bản tập Lịch sử Đảng bộ huyện giai đoạn kháng chiến chống Mỹ; chỉ đạo các xã, thị trấn tiến hành biên soạn lịch sử địa phương.

Nhìn chung, công tác giáo dục chính trị tư tưởng có chuyển biến hơn trước, nhận thức chính trị tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, về chủ nghĩa xã hội, mạnh dạn đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, phê phán những tư tưởng lệch lạc và biểu hiện sai trái trong xã hội.

Về tổ chức Đảng, toàn huyện có 50 chi, đảng bộ cơ sở với 1.048 đảng viên, chiếm 0,85% dân số toàn huyện. Trong đó ở xã, thị trấn có 11 cơ sở Đảng, doanh nghiệp Nhà nước 9 cơ sở Đảng, công ty cổ phần 1 cơ sở Đảng, hành chính sự nghiệp 27 cơ sở

Đảng, lực lượng vũ trang 2 cơ sở Đảng. So với năm 1995 tăng 12 cơ sở Đảng và 292 đảng viên.

Cấp ủy từ huyện đến các chi, đảng bộ cơ sở đã xây dựng và thực hiện qui chế làm việc, giữ vững đoàn kết, thực hiện đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh được chú ý, có 115 tổ chức cơ sở Đảng được công nhận danh hiệu trong sạch vững mạnh, không có cơ sở Đảng yếu kém, nhiều cơ sở Đảng duy trì danh hiệu trong sạch vững mạnh nhiều năm liền, có 27 cơ sở Đảng được Thường vụ Tỉnh ủy công nhận là đơn vị trong sạch vững mạnh tiêu biểu.

Trong nhiệm kỳ, phát triển được 350 đảng viên mới, đạt 140% so với Nghị quyết Đại hội IV đề ra. Số đảng viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên chiếm 54,3%; đoàn viên thanh niên chiếm 47,4%, nữ chiếm 36,24%, dân tộc ít người chiếm 4,57%, giáo viên chiếm 26,28%.

Chất lượng đảng viên được nâng lên về trình độ chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ, đa số đảng viên phát huy được vai trò tiền phong gương mẫu trong công tác, chiến đấu, lao động sản xuất và quan hệ tốt với quần chúng nhân dân.

Bộ máy Đảng, Nhà nước, đoàn thể cơ bản ổn định. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ được chú ý, đã cử 116 đồng chí học các lớp chính trị và chuyên môn; 4.844 lượt cán bộ công chức tập huấn, bồi dưỡng các lớp ngắn ngày; đề bạt, bổ nhiệm 49 đồng chí giữ các chức vụ trưởng, phó cơ quan, đơn vị. Công tác bảo vệ sức khỏe cán bộ có quan tâm cử 29 cán bộ hưu trí đi tham quan, nghỉ dưỡng sức.

Hàng năm, Thường vụ Huyện ủy đều có chương trình, kế hoạch kiểm tra công tác Đảng. Trong đó, đã tiến hành kiểm tra 23 chi, đảng bộ cơ sở theo Điều lệ Đảng và Chỉ thị 29 của Bộ Chính trị; kiểm tra 38 chi, đảng bộ cơ sở có dấu hiệu vi phạm trong chấp hành các chỉ thị, nghị quyết, các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, phẩm chất đạo đức của người đảng viên... và tổ chức 107 lượt kiểm tra cơ sở Đảng về công tác Đảng phí, giải quyết đơn thư khiếu nại, thi hành kỷ luật đảng viên. Cấp ủy và Ủy ban kiểm tra cơ sở đã kiểm tra 747 đảng viên và 45 chi bộ trực thuộc trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, thực hiện nghị quyết của cấp ủy và nhiệm vụ người đảng viên. Về thi hành kỷ luật trong Đảng, đã xử lý 36 đảng viên vi phạm kỷ luật, trong đó khai trừ 6,

cách chức 01, cảnh cáo 15, khiển trách 14. Nội dung vi phạm là thiếu tinh thần trách nhiệm, cố ý làm trái qui định của Nhà nước, vi phạm phẩm chất đạo đức, tham ô, chiếm đoạt tài sản công dân.

Sau gần 10 năm (1991 - 2000), Đảng bộ Tuy Phong tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng đã thu được nhiều thành quả. Trong kinh tế đã xác định được mô hình kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế quốc doanh làm chủ đạo để định hướng các thành phần kinh tế khác phát triển. Qua đổi mới, công tác giáo dục, y tế, xã hội được phát triển. Trong đó, công tác giáo dục đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được mở rộng. Phương tiện nghe - nhìn đa dạng, phong phú, tạo điều kiện cho nhân dân hưởng thụ văn hóa cũng như tiếp cận chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ bằng nhiều kênh thông tin. Công tác xây dựng hệ thống chính trị phát triển cả chiều rộng và chiều sâu. Đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể được nâng cao cả về chính trị và tri thức, ngày càng được trẻ hóa và hoàn thành tốt trách nhiệm được Đảng và nhân dân giao

phó. Công tác an ninh chính trị, an toàn xã hội trong hoàn cảnh quốc tế không thuận lợi nhưng vẫn giữ vững được sự ổn định.

Trong chặng đường phát triển 10 năm qua cũng còn một số khó khăn, thiếu sót. Kinh tế địa phương phát triển không đồng đều, chưa khai thác tốt tiềm năng kinh tế-xã hội của địa phương. Thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể làm ăn kém hiệu quả, nhiều xí nghiệp, hợp tác xã thua lỗ. Các thành phần kinh tế khác phát triển vững chắc, còn có tích lũy để sản xuất, tuy nhiên việc sản xuất kinh doanh còn nhỏ lẻ. Về mặt xã hội, đời sống một bộ phận dân cư còn gặp khó khăn; sự phân hóa giáo nghèo giữa các nhóm dân cư trong xã hội ngày càng sâu sắc. Công tác cán bộ, nhất là ở một số xã, trình độ cán bộ chưa đảm bảo yêu cầu phát triển của cách mạng trong giai đoạn mới. Gần 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, mặt dù còn nhiều khó khăn, yếu kém, nhưng Đảng bộ huyện đã lãnh đạo nhân dân xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thu được nhiều thành quả và tích lũy được nhiều kinh nghiệm để tiếp tục đưa huyện Tuy Phong vững bước tiến vào thế kỷ XXI.

Chương VI

ĐẢNG BỘ HUYỆN TUY PHONG SAU 25 NĂM XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC, NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

(1975 - 2000)

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã đưa cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn mới, đất nước thống nhất, cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy Phong là một huyện của tỉnh Bình Thuận cùng hoà chung thắng lợi của toàn dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, bước vào thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Tuy Phong suốt từ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ xâm lược, luôn là địa bàn giằng co ác liệt giữa ta và địch. Vì vậy, sau thắng lợi 30/4/1975, ta tiếp quản trên vùng đất này còn đầy rẫy dấu tích hậu quả của chiến tranh, nhiều vùng dân cư bị địch dồn

Lễ kỷ niệm 25 năm, ngày giải phóng quê hương Tuy Phong (17/4/1975 - 17/4/2000).

dân lập ấp chiến lược. Đời sống nhân dân khó khăn, sản xuất nông nghiệp không phát triển, nghề biển chỉ đánh bắt gần bờ, sản xuất công nghiệp chỉ có cơ sở Nước suối Vĩnh hảo, không có cơ sở nào lớn. Tình hình an ninh trật tự chưa ổn định, số tàn quân còn co cụm chống phá cách mạng. Tiếp quản một vùng đất còn nhiều khó khăn, nghèo cả về kinh tế, cả cơ sở vật chất, nhưng từ nay không còn bóng quân thù, không còn cảnh chết chóc, nhân dân Tuy Phong rất phấn khởi, hăng hái khắc phục khó khăn để xây dựng cuộc sống mới.

Trước tình hình thực tế của địa phương sau chiến tranh, thực hiện chủ trương của Đảng, Đảng bộ Tuy Phong đã lãnh đạo nhân dân khắc phục những khó khăn, ổn định đời sống, bước vào xây dựng cuộc sống mới. Trong thời gian từ cuối năm 1975 đến 1976, ta vừa xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, vừa giải quyết những tàn dư của chế độ cũ, đồng thời bước đầu xây dựng chế độ mới. Từ 1977 đến 1985, thực hiện Nghị quyết Đại hội IV và V của Đảng, Tuy Phong dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, tiến hành công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng con đường làm ăn tập thể. Sau gần 10 năm tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, với một

vùng đất nghèo khó, nhân dân Tuy Phong đã xây dựng một cơ sở vật chất ban đầu về kinh tế, văn hoá xã hội tiến bộ hơn và quốc phòng, an ninh được giữ vững.

Thành quả trong 10 năm (1975-1985) xây dựng quê hương trong bối cảnh quốc tế không thuận lợi, các thế lực thù địch bao vây, cấm vận, trong khi đó phải làm nhiệm vụ góp phần bảo vệ biên giới Tây Nam của tổ quốc là một cố gắng lớn của đảng bộ và nhân dân Tuy Phong.

Đại hội VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện. Đến đại hội VII, Đại hội VIII, Đảng ta tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới, đề ra chiến lược phát triển kinh tế và tiến lên công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Thực hiện đường lối của Đảng và nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ Tuy Phong lãnh đạo nhân dân tiến hành thực hiện công cuộc đổi mới ở địa phương. Từ năm 1986 đến 1991, là giai đoạn từ kinh tế bao cấp chuyển sang hạch toán kinh tế trong sản xuất, sắp xếp lại cơ cấu kinh tế địa phương. Đây là bước chuyển đổi cần thiết và cũng gặp không ít khó khăn, phức tạp, giá cả tăng cao, một số cơ sở kinh tế

tập thể, quốc doanh làm ăn không hiệu quả, kinh tế tư nhân chưa ổn định làm cho đời sống gặp khó khăn. Nhưng với năng lực tư duy lãnh đạo của cấp ủy huyện trong thời kỳ đổi mới đã đưa kinh tế-xã hội có những "bứt phá" mang tính toàn diện. Huyện đã đẩy mạnh khai thác hải sản, làm nguồn xuất khẩu, đổi nguyên liệu, vật liệu về xây dựng kết cấu hạ tầng ở địa phương; đổi lương thực về phục vụ đời sống nhân dân. Đây là một thành quả trong thời điểm các huyện bạn trong tỉnh chưa làm được.

Từ năm 1991 đến năm 2000, có sự phát triển, đã ra khỏi "khủng hoảng kinh tế, xã hội", kinh tế đã tăng trưởng. Đồng thời, trong kinh tế đã phát huy tự chủ của nhân dân lao động trong sản xuất và huyện định hướng xác định cây - con trong trồng trọt và chăn nuôi.

Công tác xã hội, văn hoá, giáo dục, y tế đã từng bước phát triển phục vụ đời sống tinh thần nhân dân và dân trí cho xã hội. Ngay từ sau khi chia tách huyện, thành lập huyện Tuy Phong, dù cán bộ các cấp còn thiếu và yếu, nhưng cấp ủy huyện đã mạnh dạn cử nhiều cán bộ đi học chuyên môn, nhiều học sinh đi học đại học, mở lớp bổ túc văn hóa để nâng

trình độ cho cán bộ, nhờ đó đã tạo nguồn cán bộ cho địa phương và cho tỉnh sau này. Đồng thời với phát triển giáo dục, mạng lưới y tế cơ sở được mở rộng đã kịp thời chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân. Trong sự phát triển đi lên của xã hội đã diễn ra sự phân hóa giàu nghèo, do đó huyện đã thực hiện các chính sách hỗ trợ, trợ cấp cho những hộ chính sách, hộ nghèo vay vốn, trợ cấp xã hội để góp phần xoá đói giảm nghèo.

Cùng với đẩy mạnh kinh tế, cũng đã quan tâm đến công tác xây dựng cơ sở vật chất như trường học, hệ thống đường giao thông, hệ thống thủy lợi, cơ sở y tế, các trạm trại, các cơ quan phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và đời sống nhân dân đạt những kết quả đáng kể.

Công tác quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ thường xuyên được đảng bộ huyện quan tâm chỉ đạo. Ngoài việc bảo vệ vùng lãnh hải, công tác an ninh trật tự, an toàn xã hội nội địa luôn được quan tâm củng cố và giữ vững. Công tác xây dựng lực lượng quốc phòng toàn dân, ngoài lực lượng của huyện, tỉnh, lực lượng dân quân tự vệ được chú ý xây dựng cơ sở phòng thủ và diễn tập theo chỉ đạo của tỉnh.

Việc xây dựng hệ thống chính trị ngày được đổi mới và đi vào chiều sâu. Từ việc xem xét, đánh giá đảng viên, cơ sở Đảng theo tiêu chuẩn đảng viên, cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh. Công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ đã chú ý cả chất lượng, số lượng và trình độ học vấn của đảng viên để đủ điều kiện, năng lực lãnh đạo quần chúng thực hiện nhiệm vụ của Đảng. Quan tâm đến việc đào tạo cán bộ, chú ý đến cán bộ trưởng thành từ cơ sở, bố trí, sử dụng cán bộ kết hợp trẻ - già, đào tạo qua trường lớp và hoạt động trong thực tiễn. Đây là một bước lựa chọn cán bộ có tính khoa học của Đảng bộ Tuy Phong. Xây dựng chính quyền, củng cố Hội đồng nhân dân để hình thành cơ quan hành pháp, cùng với tư pháp điều hành xã hội ở địa phương và thực hiện trong khuôn khổ của Hiến pháp. Các đoàn thể và Mặt trận từ khi tiến hành đổi mới tới nay đã đi vào hoạt động chiều sâu, sát quần chúng và tập hợp quần chúng, hội viên, đoàn viên thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng bộ Tuy Phong.

Qua 25 năm (1975 - 2000) xây dựng và phát triển ở Tuy Phong, Đảng bộ đã rút ra được những kinh nghiệm, bài học là:

1- Đảng bộ vẫn là nhân tố lãnh đạo toàn diện trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trải qua thời kỳ kháng chiến chống giặc ngoại xâm, Đảng bộ Tuy Phong đã góp phần cùng toàn Đảng lãnh đạo nhân dân địa phương kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ thành công, giải phóng quê hương. Sau ngày giải phóng, chuyển qua lãnh đạo xây dựng kinh tế - xã hội, với nỗ lực vượt bậc, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân xây dựng cuộc sống mới và bảo vệ Tổ quốc.

Sau ngày tái lập huyện (tháng 6/1983), Đảng bộ đã mạnh dạn đề ra những chủ trương, biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội, đã có nhiều chủ trương có tính đột phá, đưa kinh tế, xã hội phát triển, an ninh quốc phòng được giữ vững và hệ thống chính trị ngày một vững mạnh. Dù những điều kiện khách quan tác động thuận lợi đến quá trình phát triển, nhưng sự lãnh đạo của Đảng bộ vẫn là nhân tố quyết định đến công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên quê hương Tuy Phong.

2- Tập hợp, đoàn kết toàn dân phát huy dân chủ trong xây dựng và phát triển quê hương.

Cũng như thời kỳ kháng chiến, công tác tập hợp

lực lượng cách mạng thông qua tổ chức và cơ sở quần chúng trong vùng địch, vùng căn cứ để đánh bại kẻ thù, giành thắng lợi hoàn toàn.

Trong thời kỳ xây dựng quê hương đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ đã khơi dậy sức mạnh vận động toàn dân phát huy dân chủ tham gia vào công cuộc kiến thiết đất nước, xây dựng con đường làm ăn tập thể trong thời kỳ đầu và những năm đổi mới. Tập hợp đoàn kết toàn dân thông qua các tổ chức chính trị, xã hội để vận động nhân dân. Tập hợp, đoàn kết toàn dân phải có các chính sách phù hợp với lòng dân để khuyến khích, vận động nhân dân tham gia. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ Tuy Phong đã vận dụng, phát huy khả năng của cán bộ, công chức các lứa tuổi, đào tạo cán bộ trẻ để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của địa phương.

3- Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, cốt cán là yếu tố quan trọng để lãnh đạo thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trong kháng chiến, cán bộ, cốt cán được thử thách, tôi luyện trong chiến tranh. Vì vậy, cán bộ vừa có tinh thần yêu nước, trung thành với Đảng, sẵn sàng hy sinh vì đất nước, dân tộc.

Trong thời kỳ xây dựng quê hương đi lên chủ nghĩa xã hội, người cán bộ, đảng viên vừa có các đức tính như trên; đồng thời còn có trình độ, năng lực, sáng tạo về lãnh đạo kinh tế, xã hội, quản lý đất nước. Chính vì vậy, cán bộ, đảng viên thời kỳ cách mạng trong giai đoạn mới phải có học vấn và cấp ủy Đảng phải mạnh dạn đề bạt để họ được thử thách trong thực tiễn. Với nhận thức đó, sau khi tái lập huyện, Đảng bộ đã cử nhiều cán bộ, học sinh đi học tập ở các cấp, đào tạo nhiều cán bộ cho địa phương, nhiều người trưởng thành, trở thành lãnh đạo các cơ quan, ban ngành các cấp, từ đó góp phần lãnh đạo phát triển kinh tế, chăm lo sự nghiệp văn hóa- xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, quan tâm củng cố, xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh.

25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bên cạnh những thành công cũng còn những tồn tại, khuyết điểm như kéo dài cơ chế bao cấp trong kinh tế, khi đổi mới việc quản lý kinh tế, xã hội cũng có lúc chưa theo kịp với tình hình và yêu cầu đề ra. Đó sẽ là bài học cho Đảng bộ trong nhiệm kỳ tiếp theo để lãnh đạo nhân dân trong huyện phát triển trong thế kỷ XXI.

PHỤ LỤC

DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN TUY PHONG
(từ tháng 6/1983 đến năm 2000)

I- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (chỉ định) từ tháng 6/1983 đến tháng 9/1986:

1- Đ/c Trần Thị Xuân Lâm - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy;

2- Đ/c Phạm Trọng Do - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện;

3- Đ/c Nguyễn Văn Hương - Ủy viên Thường vụ, trực Đảng;

4- Đ/c Bùi Công Khanh - Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy;

5- Đ/c Nguyễn Sơn - Ủy viên Thường vụ, Trưởng Công an huyện;

6- Đ/c Phạm Minh - Ủy viên Thường vụ, Chỉ huy trưởng Quân sự huyện;

7- Đ/c Huỳnh Tấn Thành - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch UBND huyện;

8- Đ/c Đào Xuân Nay - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch UBND huyện;

9- Đ/c Nguyễn Viết Quang - Ủy viên Ban Chấp hành; Phó Chủ tịch UBND huyện;

10- Đ/c Nguyễn Văn Xuân - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng phòng Y tế huyện;

11- Đ/c Nguyễn Hồ Nam - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Đảng ủy thị trấn Phan Rí Cửa;

12- Đ/c Đào Đình Chiến -Ủy viên Ban Chấp hành, Giám đốc Công ty thương nghiệp;

13- Đ/c Phạm Trọng Tình - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy;

14- Đ/c Mai Thị Ngọc Mai - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Huyện Đoàn;

15- Đ/c Trần Thị Liên - Ủy viên Ban Chấp hành, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện;

16- Đ/c Nguyễn Hoàng Thái Vinh - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Chi bộ xã Chí Công;

17- Đ/c Khiêu Sinh - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban Kiểm tra Huyện ủy;

18- Đ/c Mã Điền Cư - Ủy viên Ban Chấp hành, Chánh Văn phòng Huyện ủy;

19- Đ/c Nguyễn Thanh Bình - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch UBND huyện;

20- Đ/c Đào Xuân Sinh - Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên thư ký UBND huyện.

II- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ I (từ tháng 09/1986 đến 04/1989), do đại hội bầu:

1- Đ/c Nguyễn Văn Hương - Bí thư Huyện ủy;

2- Đ/c Nguyễn Trường Sanh - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy;

3- Đ/c Huỳnh Tấn Thành - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện;

4- Đ/c Phạm Dũng - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch UBND huyện;

5- Đ/c Nguyễn Kiến Quốc - Ủy viên Thường vụ, Trưởng Công an huyện;

6- Đ/c Phạm Minh-Ủy viên Thường vụ, Chỉ huy trưởng Quân sự huyện;

7- Đ/c Phạm Hữu Đông - Ủy viên Thường vụ, Chủ tịch UBMT Tổ quốc huyện;

8- Đ/c Phạm Trọng Tình - Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy;

9- Đ/c Khiêu Sinh - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy;

10- Đ/c Châu Văn Thư - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Đảng bộ thị trấn Liên Hương;

11- Đ/c Nguyễn Viết Quang - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy;

12- Đ/c Nguyễn Xuân Ba - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó ban Tổ chức Huyện ủy;

13- Đ/c Nguyễn Tấn Công - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch UBND huyện;

14- Đ/c Trần Duy Dũng - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Huyện Đoàn;

15- Đ/c Lâm Xuân Hùng - Ủy viên Ban Chấp hành, Chỉ huy phó - BCH Quân sự huyện;

16- Đ/c Nguyễn Ngọc Hường - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng phòng Công nghiệp;

17- Đ/c Võ Hồng - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Đảng ủy thị trấn Phan Rí Cửa;

18- Đ/c Lê Thị Lệ - Ủy viên Ban Chấp hành, Chủ tịch Công đoàn huyện;

19- Đ/c Trần Thị Liên - Ủy viên Ban Chấp hành, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện;

20- Đ/c Nguyễn Hồ Nam - Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên thư ký UBND huyện;

21- Đ/c Đào Xuân Nay - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch UBND huyện;

22- Đ/c Trần Văn Nhựt - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Phòng Giáo dục huyện;

23- Đ/c Hồ Viết Ổn - Ủy viên Ban Chấp hành, Giám đốc Xí nghiệp thuốc lá;

24- Đ/c Nguyễn Ngọc Quỳnh - Ủy viên Ban Chấp hành, Giám đốc Công ty Lương thực huyện;

25- Đ/c Lê Ngọc Sanh - Ủy viên Ban Chấp hành, Giám đốc Công ty Thương nghiệp cấp III;

26- Đ/c Phạm Tấn Tài - Ủy viên Ban Chấp hành, Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra Nhà nước;

27- Đ/c Trần Văn Tám - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng phòng Tài chính huyện;

28- Đ/c Võ Kỳ Tập - Ủy viên Ban Chấp hành, Chánh Văn phòng Huyện ủy, Phó Chủ tịch UBND huyện từ năm 1988;

29- Đ/c Hàn Đắc Thuận - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch UBND huyện;

30- Đ/c Huỳnh Thị Tiến - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Giám đốc, phụ trách Bệnh viên huyện;

31- Đ/c Nguyễn Công Tuệ - Ủy viên Ban Chấp hành, Giám đốc Xí nghiệp Nước mắm;

32- Đ/c Nguyễn Hoàng Thái Vinh - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch UBND huyện từ năm 1988;

33- Đ/c Nguyễn Đức Dũng - Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành, Phó Giám đốc Công ty Nước suối Vĩnh Hảo;

34- Đ/c Bích Văn Duyệt - Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành, Bí thư Chi bộ xã Phú Lạc;

35- Đ/c Trương Hoài Lâm - Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành, Bí thư Đảng bộ xã Chí Công;

36- Đ/c Võ Duy Quang - Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành, Chánh án Tòa án huyện;

III- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ II (từ tháng 04/1989 đến 11/1991), do đại hội bầu:

1- Đ/c Nguyễn Văn Hương - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy;

2- Đ/c Huỳnh Tấn Thành - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện;

3- Đ/c Phạm Trọng Do - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy;

4- Đ/c Phạm Trọng Tình - Ủy viên Thường vụ, Chủ tịch HĐND huyện;

5- Đ/c Nguyễn Đức Hạnh - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy;

6- Đ/c Võ Kỳ Tập - Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy;

7- Đ/c Đào Văn ngọc - Ủy viên Thường vụ, Trưởng Công an huyện;

8- Đ/c Châu Văn Thư - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy;

9- Đ/c Nguyễn Viết Quang - Ủy viên Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban MTTQ huyện;

10- Đ/c Trần Minh Hùng - Ủy viên Thường vụ, Chỉ huy trưởng Quân sự huyện;

11- Đ/c Hồ Ba - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Đảng bộ thị trấn Liên Hương;

12- Đ/c Nguyễn Tấn Công - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch UBND huyện;

13- Đ/c Phạm Minh Doanh - Ủy viên Ban Chấp hành, Chánh án Tòa án huyện;

14- Đ/c Võ Hồng - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch HĐND huyện;

15- Đ/c Trương Hoài Lâm - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Chi bộ xã Chí Công;

16- Đ/c Nguyễn Tấn Phát - Ủy viên Ban Chấp hành, Chánh Văn phòng Huyện ủy;

17- Đ/c Nguyễn Ngọc Quỳnh - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Phòng Thông tin - Văn hoá huyện;

18- Đ/c Mai Sên - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Đảng bộ xã Phú Lạc;

19- Đ/c Lê Ngọc Sanh - Ủy viên Ban Chấp hành, Giám đốc Công ty Thương nghiệp cấp III;

20- Đ/c Nguyễn Thị Hoa - Ủy viên Ban Chấp hành, Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện;

21- Đ/c Võ Phi Dũng - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng phòng Giáo dục huyện;

22- Đ/c Phạm Ngọc Long - Ủy viên Ban Chấp hành, Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện;

23- Đ/c Lê Thị Lệ - Ủy viên Ban Chấp hành, Chánh Thanh tra huyện;

24- Đ/c Trần Văn Tám - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Phòng Tài chính huyện;

25- Đ/c Ngô Văn Phú - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Huyện đoàn;

26- Đ/c Phạm Quỳnh Sanh - Ủy viên Ban Chấp hành, Giám đốc Ngân hàng;

27- Đ/c Phạm Tấn Tài - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy;

28- Đ/c Nguyễn Hoàng Thái Vinh - Ủy viên Ban Chấp hành, Giám đốc Công ty Thủy sản;

29- Đ/c Nguyễn Chí Quản - Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành, Giám đốc Lâm trường Tuy Phong;

30- Đ/c Nguyễn Danh Trứ - Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành, Phó Giám đốc Xí nghiệp dịch vụ Nông nghiệp huyện;

31- Đ/c Trần Thanh Trí - Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành, Giám đốc Công ty Văn hoá tổng hợp.

IV- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ III (từ tháng 11/1991 đến 03/1996), do đại hội bầu:

1- Đ/c Phạm Trọng Do - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy;

2- Đ/c Phạm Trọng Tình - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy;

3- Đ/c Huỳnh Tấn Thành - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện;

4- Đ/c Nguyễn Đức Hạnh - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy;

5- Đ/c Nguyễn Hồ Nam - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Đảng ủy thị trấn Phan Rí Cửa;

6- Đ/c Đào Xuân Nay - Ủy viên Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban MTTQ huyện;

7- Đ/c Đào Văn Ngọc - Ủy viên Thường vụ, Trưởng Công an huyện;

8- Đ/c Nguyễn Viết Quang - Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy;

9- Đ/c Phạm Minh Tốt - Ủy viên Thường vụ, Chỉ huy trưởng Quân sự huyện;

10- Đ/c Hàn Đắc Thuận - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch UBND huyện;

11- Đ/c Châu Văn Thư - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy;

12- Đ/c Võ Phi Dũng - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng phòng Giáo dục huyện;

13- Đ/c Mai Sên - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Đảng bộ xã Phú Lạc;

14- Đ/c Phạm Ngọc Long - Ủy viên Ban Chấp hành, Chánh Văn phòng Huyện ủy;

15- Đ/c Nguyễn Hoàng Thái Vinh - Ủy viên Ban Chấp hành, Giám đốc Công ty Thủy sản;

16- Đ/c Hồ Ba - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Đảng bộ thị trấn Liên Hương;

17- Đ/c Nguyễn Xuân Ba - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó ban Tổ chức Huyện ủy;

18- Đ/c Võ Hồng-Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch HĐND huyện;

19- Đ/c Trần Văn Nhựt - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch UBND, năm 1994- Chủ tịch UBND huyện;

20- Đ/c Nguyễn Tấn Phát - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin huyện;

21- Đ/c Nguyễn Ngọc Quỳnh - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Đảng bộ xã Hòa Minh;

22- Đ/c Nguyễn Huỳnh Thạch - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Huyện Đoàn;

23- Đ/c Phạm Tấn Tài - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy; năm 1994- Phó Chủ tịch UBND huyện;

24- Đ/c Trần Văn Hạnh - Ủy viên Ban Chấp hành, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước;

25- Đ/c Nguyễn Thị Hoa- Ủy viên Ban Chấp hành, Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện;

26- Đ/c Ngô Duy Phong - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Phòng Thương binh-Xã hội;

27- Đ/c Lê Thị Lệ - Ủy viên Ban Chấp hành, Chánh Thanh tra huyện;

28- Đ/c Trần Văn Tám - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện; năm 1994- Phó Chủ tịch UBND huyện;

29- Đ/c Kinh Năng - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Đảng bộ xã Phong Phú;

30- Đ/c Lê Ngọc Sanh - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Chi cục Thuế;

31- Đ/c Nguyễn Văn Minh - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Công an huyện;

32- Đ/c Đào Xuân Sinh - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng phòng Kinh tế huyện;

33- Đ/c Nguyễn Trúc - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Đảng bộ xã Chí Công.

V- Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ IV (tháng 04/1996 đến năm 2000), do đại hội bầu:

1- Đ/c Phạm Trọng Do - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy;

2- Đ/c Phạm Trọng Tình - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, năm 1999 kiêm Chủ tịch HĐND huyện;

3- Đ/c Trần Văn Nhựt - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện;

4- Đ/c Nguyễn Đức Hạnh - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy;

5- Đ/c Nguyễn Hồ Nam - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy;

6- Đ/c Nguyễn Xuân Ba - Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy;

7- Đ/c Đào Văn Ngọc - Ủy viên Thường vụ, Trưởng Công an huyện;

8- Đ/c Hồ Ba - Ủy viên Thường vụ, Bí thư Đảng bộ thị trấn Liên Hương;

9- Đ/c Phạm Minh Tốt- Ủy viên Thường vụ, Chỉ huy trưởng Quân sự huyện;

10- Đ/c Hàn Đắc Thuận - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Dân vận huyện kiêm Chủ tịch UBMT-TQ Việt Nam huyện;

11- Đ/c Trần Văn Tám - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch UBND huyện;

12- Đ/c Võ Phi Dũng - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng phòng Giáo dục huyện;

13- Đ/c Hồ Ngọc Giàu - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Đảng bộ xã Vĩnh Hảo;

14- Đ/c Phạm Ngọc Long - Ủy viên Ban Chấp hành, Chánh Văn phòng Huyện ủy;

15- Đ/c Ngô Minh Hải - Ủy viên Ban Chấp hành, Giám đốc Xí nghiệp Nước suối Vĩnh Hảo;

16- Đ/c Trần Thị Hạnh - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó ban Tổ chức Huyện ủy;

17- Đ/c Phạm Thị Mỹ Loan - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ nhiệm UBKT Huyện ủy;

18- Đ/c Dương Tấn Hải - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Đảng bộ xã Hòa Phú;

19- Đ/c Bùi Duy Hùng - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Đảng bộ xã Chí Công;

20- Đ/c Mai Sên - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Đảng bộ xã Phú Lạc;

21- Đ/c Đào Xuân Sinh - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;

22- Đ/c Nguyễn Huỳnh Thạch - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin huyện;

23- Đ/c Phạm Tấn Tài - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch HĐND huyện;

24- Đ/c Thanh Quang - Ủy viên Ban Chấp hành, Chánh án Tòa án huyện;

25- Đ/c Nguyễn Thị Hoa - Ủy viên Ban Chấp hành, Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện;

26- Đ/c Ngô Duy Phong - Ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng phòng Thương binh - Xã hội huyện, năm 1999- Phó Chủ tịch HĐND huyện;

27- Đ/c Lê Thị Lệ - Ủy viên Ban Chấp hành, Chủ tịch Công đoàn huyện;

28- Đ/c Khiêu Sinh - Ủy viên Ban Chấp hành, Chánh Thanh tra Nhà nước huyện;

29- Đ/c Kinh Năng - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Chi bộ xã Phong Phú;

30- Đ/c Lê Ngọc Sanh - Ủy viên Ban Chấp hành, Chi cục trưởng Chi cục thuế;

31- Đ/c Nguyễn Văn Minh - Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Công an huyện;

32- Đ/c Phạm Hồng Sơn - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Huyện Đoàn;

33- Đ/c Phạm Văn Trọng - Ủy viên Ban Chấp hành, Bí thư Đảng bộ xã Phan Rí Cửa./.

In 800 bản - Khổ 13 x 19cm tại Công ty cổ phần In và Bao bì Bình Thuận. Giấy phép xuất bản số 55/GPXB do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Thuận cấp ngày 16/9/2008. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2008.

Một cánh đồng lúa huyện Tuy Phong.